

## **A. Mục tiêu:**

*Sau khi kết thúc chuyên đề, học viên có khả năng:*

➤ Học viên biết được đối tượng nào có vai trò xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ tự kỷ.

➤ Học viên nắm được quy trình xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ tự kỷ, biết cách phối hợp với giáo viên, những nhà chuyên môn của trẻ tự kỷ theo các mục tiêu nhỏ sau:

+ Thu thập thông tin ban đầu về một đối tượng trẻ tự kỷ

+ Đánh giá không chính thức về mức độ khả năng hiện tại của trẻ tự kỷ trên từng lĩnh vực, hiểu được một số khó khăn đi kèm cơ bản của trẻ tự kỷ.

+ Xác định được mục tiêu can thiệp/trị liệu cho trẻ và xây dựng được kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với đặc điểm mức độ chức năng hiện tại với các yếu tố cơ bản.

+ Thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân và các bước tiên hành can thiệp trên trẻ tự kỷ; hiểu được một số chiến lược/phương pháp cơ bản sử dụng trong can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ.

+ Đánh giá lại không chính thức và điều chỉnh kế hoạch can thiệp/trị liệu cho trẻ trong quá trình can thiệp.

+ Học viên biết được các nhóm bài tập cơ bản được sử dụng trong quá trình can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ và biết cách tìm kiếm các tài liệu có liên quan trong quá trình can thiệp sớm.

## **B. Thời gian và điều kiện tiến hành**

➤ *Thời gian:* 4 ngày

➤ *Điều kiện tiến hành:*

+ Powerpoint bài giảng

+ Bảng, bút dạ, giấy, A0.

+ Video minh họa, các trường hợp điển hình, phiếu bài tập.

## **C. Nội dung:**

# PHẦN 1: CÁC VẤN ĐỀ VỀ HỖ TRỢ TRẺ TỰ KỶ

## 1. Vì sao trẻ tự kỷ cần được hỗ trợ

Tự kỷ và rối loạn phổ tự kỷ (ASD) là hai thuật ngữ được sử dụng để chỉ một nhóm các rối loạn phức tạp của sự phát triển não bộ. Những rối loạn này gây ra những khó khăn trong tương tác xã hội, giao tiếp, ngôn ngữ và hành vi lặp lại ở những mức độ khác nhau.

Tự kỷ có thể đi kèm với các khuyết tật trí tuệ, khó khăn trong việc phối hợp vận động, ngôn ngữ, sự chú ý và các vấn đề sức khỏe thể chất như giấc ngủ và rối loạn tiêu hóa. Trẻ có những vấn đề đặc trưng trong quá trình cảm nhận và xử lý giác quan, khả năng sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, hiểu người khác, thể hiện bản thân... Đặc biệt, khi càng lớn lên, người tự kỷ càng phải đối mặt với những vấn đề mới phát sinh liên quan đến giới tính, kỹ năng học tập, sinh hoạt, kỹ năng sống độc lập...

Tất cả những vấn đề này khiến cho trẻ tự kỷ gặp rất nhiều trở ngại trên con đường hòa nhập với cuộc sống. Trẻ sẽ khó có thể phát triển, khó thiết lập mối quan hệ hay giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày nếu như không được phát hiện sớm và hỗ trợ kịp thời từ phía người lớn, bằng những chiến lược và phương pháp phù hợp.

Tự kỷ có nguồn gốc từ trong giai đoạn phát triển rất sớm của não bộ. Tuy nhiên, những dấu hiệu và triệu chứng rõ ràng nhất của tự kỷ thường xuất hiện khi trẻ nằm trong độ tuổi từ 2 đến 3 tuổi.

## 2. Các nội dung cần hỗ trợ cho trẻ tự kỷ

Với các khó khăn đặc thù của mình, trẻ tự kỷ cần được hỗ trợ ở nhiều nội dung khác nhau, tùy thuộc vào mức độ tự kỷ và đặc điểm của trẻ mà những nội dung hỗ trợ sẽ cần được cung cấp nhiều hay ít, lúc nào cần sự đồng thời, lúc nào có thể hỗ trợ một cách riêng lẻ. Những nội dung hỗ trợ cho trẻ tự kỷ bao gồm:

### a) Hỗ trợ về y tế

Đây là nội dung đầu tiên mà trẻ tự kỷ cần được hỗ trợ. Ngoài những nhu cầu hỗ trợ y tế thông thường liên quan đến sức khỏe như những người khác thì trẻ tự kỷ còn cần đến những hỗ trợ y tế đặc biệt khác bởi trẻ có những rối loạn đặc trưng liên quan đến tiêu hóa, giấc ngủ, sức đề kháng nên sẽ dễ mắc các loại bệnh hơn. Hỗ trợ y tế cũng có thể hướng tới việc sử dụng thuốc để giảm các triệu chứng mà trẻ tự kỷ gặp phải như tăng động giảm chú ý, hành vi, dị ứng,...

Mặt khác, y tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện, chẩn đoán sớm trẻ có dấu hiệu tự kỷ qua công tác thăm khám, sàng lọc định kỳ.

#### *b) Hỗ trợ về giáo dục*

Hỗ trợ về giáo dục được thực hiện ngay từ những năm tháng đầu đời của trẻ tự kỷ khi trẻ được phát hiện sớm và nội dung này đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc giúp trẻ tự kỷ hình thành được những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho quá trình phát triển của mình. Hỗ trợ về giáo dục được tiến hành bởi chính cha mẹ, người thân của trẻ tự kỷ, những giáo viên, nhà chuyên môn về giáo dục đặc biệt và các lực lượng giáo dục khác.

#### *c) Hỗ trợ về tâm lý*

Đây được coi là nội dung rất cần thiết trong quá trình hỗ trợ trẻ tự kỷ bởi với tất cả những vấn đề, khó khăn mà trẻ gặp phải, trẻ dễ rơi vào tình trạng khủng hoảng, trầm cảm hay đơn giản là cảm thấy bất an, bối rối trước các vấn đề mà trẻ phải đối mặt, đặc biệt là ở giai đoạn dậy thì.

Các nhà chuyên môn về tâm lý còn có vai trò trong việc đánh giá phát triển, đánh giá tâm lý và đưa ra các chiến lược, biện pháp hỗ trợ phù hợp cho trẻ tự kỷ trong một giai đoạn nhất định. Mặt khác, cũng là những người có thể tư vấn tâm lý cho phụ huynh của trẻ trong việc vượt qua các khó khăn về tinh thần của chính bản thân họ và có những biện pháp, chiến lược hỗ trợ tâm lý cho con của họ. Theo đó, nội dung hỗ trợ tâm lý cho trẻ tự kỷ không chỉ nói

đến vai trò của nhà tâm lý mà còn là của cha mẹ, người thân của trẻ tự kỷ trong quá trình hỗ trợ tâm lý cho trẻ.

#### *d) Hỗ trợ về công tác xã hội*

Nội dung này mới được nhắc đến và đề cao ở Việt Nam trong những năm gần đây nhưng đã cho thấy một vai trò rất cấp bách trong việc hỗ trợ trẻ tự kỷ nói riêng, trẻ em có nhu cầu đặc biệt nói chung. Hỗ trợ về công tác xã hội bao gồm việc tăng cường các nguồn lực hỗ trợ cho trẻ tự kỷ trên mọi mặt: y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội,...đặc biệt là sự kết nối các nguồn lực với nhau và nâng cao chất lượng trong quá trình hỗ trợ cho trẻ tự kỷ tại nhà trường, gia đình và ngoài xã hội.

### **3. Các lực lượng tham gia hỗ trợ trẻ tự kỷ**

Xây dựng được đội ngũ chuyên gia đa chức năng hỗ trợ cho trẻ tự kỷ là một mô hình lý tưởng mà chúng ta cần hướng tới trong quá trình hỗ trợ trẻ tự kỷ. Mỗi lực lượng đóng một vai trò quan trọng khác nhau và sự phối hợp giữa các lực lượng đem lại hiệu quả to lớn trong việc giúp trẻ tự kỷ phát triển và hòa nhập xã hội. Các lực lượng tham gia hỗ trợ trẻ tự kỷ bao gồm:

➤ *Các thành viên trong gia đình trẻ:* bao gồm cha mẹ và những người thân trong gia đình, họ là những người đầu tiên tiếp xúc với trẻ và là những người gần gũi nhất với tình yêu thương và đem lại cho trẻ sự tin tưởng, cảm giác an toàn. Gia đình có vai trò trong việc phát hiện ra vấn đề của trẻ và tiến hành giáo dục sớm, đồng thời giúp trẻ chuẩn bị tâm thế cho trẻ tham gia vào chương trình hỗ trợ và tích cực giúp đỡ trẻ thực hiện chương trình. Mặt khác, gia đình cũng có vai trò giúp trẻ ứng dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào trong cuộc sống hàng ngày tại gia đình.

➤ *Các nhân viên y tế:* là đội ngũ bác sĩ, y tá, nhân viên y tế tại bệnh viện, trung tâm phục hồi chức năng, trung tâm can thiệp sớm, tại trường học giữ vai trò khám chữa bệnh hoặc theo dõi tình hình sức khỏe, thể chất của trẻ

tự kỷ. Các nhân viên y tế có trách nhiệm cung cấp các thông tin về mặt y tế của trẻ tự kỷ, những ảnh hưởng và liên quan giữa vấn đề y tế và giáo dục của trẻ, đồng thời đưa ra phác đồ điều trị, theo dõi song song với quá trình giáo dục về các vấn đề sức khỏe, hành vi của trẻ tự kỷ.

➤ *Chuyên gia tâm lý*: là những người được đào tạo về tâm lý học, tâm lý trẻ em, tâm lý trẻ có nhu cầu đặc biệt, chẩn đoán đánh giá... làm việc tại các trường đại học hoặc các trung tâm can thiệp sớm, trung tâm phục hồi chức năng, trường học có trẻ tự kỷ. Các chuyên gia tâm lý thường có trách nhiệm chủ yếu trong việc xác định rõ chức năng nhận thức, học lực, xã hội, cảm xúc và hành vi của trẻ tự kỷ, đồng thời có thể thiết kế các chiến lược để giải quyết các vấn đề hành vi xã hội và học tập của trẻ; đưa ra các đánh giá về trí tuệ và giáo dục để xác định mức độ chức năng hiện tại của trẻ; trợ giúp lên chương trình để giáo viên có thể đưa ra các mục tiêu học tập phù hợp với trình độ của trẻ và xây dựng các chương trình giúp trẻ tự kỷ hòa nhập.

➤ *Giáo viên can thiệp*: là những người được đào tạo về giáo dục đặc biệt, giáo dục trẻ tự kỷ, trực tiếp lên kế hoạch và tiến hành can thiệp, hỗ trợ về giáo dục cho trẻ tự kỷ tại các trung tâm can thiệp, phục hồi chức năng hay trường hòa nhập của trẻ tự kỷ. Giáo viên can thiệp có trách nhiệm trực tiếp thu thập thông tin về trẻ tự kỷ và chia sẻ với những nhà chuyên môn khác, có nhìn nhận thực tế về trẻ và cùng họ xây dựng được một chương trình hỗ trợ phù hợp nhất. Giáo viên can thiệp cũng là người trực tiếp triển khai kế hoạch và áp dụng những chiến lược, biện pháp giáo dục đặc thù trong lớp học để hỗ trợ trẻ tự kỷ, đồng thời theo dõi và điều chỉnh/đề xuất điều chỉnh những mục tiêu, hoạt động, chiến lược phù hợp nhất với trẻ trong quá trình triển khai hỗ trợ.

➤ *Giáo viên tại trường hòa nhập*: là những giáo viên mầm non, tiểu học, trung học... của trẻ tự kỷ tại trường hòa nhập. Họ có trách nhiệm phối hợp với giáo viên can thiệp và những lực lượng khác trong việc triển khai kế hoạch hỗ trợ tại trường hòa nhập, đồng thời theo dõi, đưa ra đề xuất điều

chỉnh cho phù hợp với trẻ tự kỷ khi tham gia hoạt động trong nhóm lớp, tại trường phổ thông.

➤ *Đội ngũ chuyên gia và các nhà chuyên môn khác*: là những người được đào tạo sâu về vật lý trị liệu, phục hồi chức năng hay các chương trình trị liệu chuyên sâu khác như trị liệu ngôn ngữ, trị liệu hành vi, trị liệu âm nhạc, trị liệu hoạt động...những người này thường làm việc trong các trung tâm can thiệp, trung tâm phục hồi chức năng hoặc bệnh viện. Họ sẽ có vai trò đưa ra những đánh giá chuyên môn sâu và các chương trình phát triển kỹ năng sâu cho trẻ tự kỷ, đồng thời tổ chức các hoạt động trị liệu chuyên sâu cho trẻ tự kỷ và tư vấn, theo dõi, đóng góp ý kiến điều chỉnh dưới góc độ chuyên môn của mình.

➤ *Nhân viên công tác xã hội*: là những người được đào tạo chuyên môn về công tác xã hội – công tác xã hội cho người khuyết tật, họ làm việc trong các trung tâm bảo trợ xã hội hoặc các trung tâm can thiệp, trường học. Nhân viên công tác xã hội giữ vai trò là người vận động nguồn lực trợ giúp trẻ tự kỷ (cá nhân, gia đình, cộng đồng...) tìm kiếm nguồn lực (nội lực, ngoại lực) để giải quyết vấn đề; là người kết nối - khai thác, giới thiệu thân chủ tiếp cận tới các dịch vụ, chính sách nguồn tài nguyên đang sẵn có trong cộng đồng; là người biện hộ/vận động chính sách giúp bảo vệ quyền lợi cho đối tượng để họ được hưởng những dịch vụ, chính sách, quyền lợi của họ đặc biệt trong những trường hợp họ bị từ chối những dịch vụ, chính sách mà họ là đối tượng được hưởng. Nhân viên công tác xã hội cũng có vai trò là người giáo dục cung cấp kiến thức kỹ năng nâng cao năng lực cho trẻ tự kỷ, gia đình, nhóm hay cộng đồng qua tập huấn, giáo dục cộng đồng để họ có hiểu biết về trẻ tự kỷ, tự tin và tự mình nhìn nhận vấn đề đánh giá vấn đề phân tích và tìm kiếm nguồn lực cho vấn đề cần giải quyết; là người tham vấn giúp cho những đối tượng có khó khăn về tâm lý, tình cảm và xã hội vượt qua được sự căng thẳng, khủng hoảng duy trì hành vi tích cực đảm bảo chất lượng cuộc sống; là người chăm

sóc, người trợ giúp cho trẻ tự kỷ như trực tiếp cung cấp dịch vụ chăm sóc đối tượng yếu thế; là người trợ giúp xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ cho trẻ tự kỷ....

#### **4. Các điều kiện hỗ trợ trẻ tự kỷ**

##### *a) Điều kiện về môi trường và cơ sở vật chất*

Vì trẻ tự kỷ có những vấn đề khó khăn đặc thù trong phát triển, tâm lý, hành vi nên môi trường sống, môi trường học tập và cơ sở vật chất cho trẻ tự kỷ cũng cần có sự điều chỉnh đặc biệt phù hợp với đặc điểm chung và đặc điểm cá nhân của mỗi trẻ tự kỷ. Cụ thể cần đảm bảo những tiêu chí sau:

- *Tính đơn giản*: vì trẻ tự kỷ không dễ dàng trong việc xử lý nhiều thông tin liên quan đến hình ảnh, âm thanh cùng một lúc nên môi trường lớp học, môi trường sống và đồ dùng, đồ chơi cần được đơn giản hóa tối đa về màu sắc, độ phức tạp, tránh những nơi quá ồn ào hoặc quá nhiều kích thích về ánh sáng, mùi vị... để khiến trẻ tự kỷ bị xao nhãng hoặc cảm thấy khó chịu.

- *Có tính cấu trúc*: bởi trẻ tự kỷ có sự định hình trong tư duy, đồng thời có khó khăn trong việc tiếp nhận nhiều thông giác quan nên sự sắp xếp về vị trí của các đồ dùng, đồ chơi trong phòng, trong khuôn viên cần được cấu trúc hóa, dễ dàng cho trẻ tự kỷ tiếp cận và sử dụng. Có thể phân chia rõ ràng các khu vực, có các ký hiệu bằng hình ảnh đánh dấu vị trí...

- *Có tính ổn định*: trẻ tự kỷ gặp khó khăn trong việc tiếp nhận các thông tin bị thay đổi theo nhiều chiều khác nhau và đôi khi phát sinh các hành vi không mong muốn do không thích nghi kịp với sự thay đổi nên các vị trí sắp xếp đồ dùng, đồ chơi cần ổn định, ít có sự di chuyển, xáo trộn. Nếu như có bất cứ thay đổi nào cần thông báo cho trẻ biết bằng cách chỉ dẫn hoặc sử dụng các hình ảnh trực quan.

- *Tính trực quan*: đó là việc sử dụng các hình ảnh, ký hiệu hỗ trợ để giúp trẻ tự kỷ xác định rõ ràng hơn vị trí của đồ vật và những việc mà trẻ cần phải làm. Ví dụ, tại khu vực đồ dùng cá nhân có dán một hình ảnh minh họa về đồ dùng cá nhân, khu để giày dép có dán một hình ảnh về vị trí giày dép, tại bồn rửa tay có dán hình ảnh về quy trình rửa tay...

- *Có tính đặc thù*: đó là những đồ dùng, đồ chơi hoặc kiểu sắp xếp môi trường theo các phương pháp, chương trình đặc thù dành cho trẻ tự kỷ.



Chẳng hạn, môi trường được sắp xếp theo phương pháp TEAACH sẽ đòi hỏi chặt chẽ về cách sắp xếp và sử dụng đồ dùng, hoặc khi sử dụng AAC (phương pháp giao tiếp tăng cường và thay thế) cũng sẽ đòi hỏi những đồ dùng liên quan đến thẻ tranh, bảng giao tiếp, sách giao tiếp, lịch trình; hoặc khi những đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho trị liệu cảm giác cho trẻ tự kỷ cũng cần đáp ứng các yêu cầu của đồ dùng, đồ chơi chuyên môn.

#### *b) Điều kiện con người*

Cán bộ y tế, tâm lý, giáo viên, chuyên gia trị liệu, nhân viên công tác xã hội...khi làm việc và hỗ trợ trẻ tự kỷ cần đáp ứng được những điều kiện sau đây:

- Thành lập được lực lượng hỗ trợ đa chức năng, bao gồm sự phối hợp của nhiều chuyên gia, con người khác nhau: gia đình, giáo viên, chuyên gia tâm lý, nhân viên công tác xã hội, chuyên gia trị liệu...
- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng hỗ trợ để đảm bảo quá trình hỗ trợ đạt được hiệu quả, trẻ tự kỷ cơ hội được học tập và phát triển.

#### *c) Điều kiện về chuyên môn*

Những người tham gia hỗ trợ trẻ tự kỷ cần đảm bảo chuyên môn của mình về những vấn đề sau:

- Có hiểu biết về trẻ tự kỷ bao gồm đặc điểm tâm lý, đặc điểm phát triển, xu hướng và những khó khăn trở ngại mà trẻ có thể gặp phải
- Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn về lĩnh vực mà mình đang chuyên trách
- Có hiểu biết về các vấn đề hành vi, ngôn ngữ, cảm giác... của trẻ tự kỷ và những biện pháp, chiến lược cơ bản hỗ trợ những vấn đề đó để có thể phối hợp dễ dàng với các lực lượng khác trong việc hỗ trợ trẻ. Ví dụ:
  - Khi trẻ tự kỷ xuất hiện hành vi xâm hại trong lúc thăm khám tại cơ sở y tế thì cán bộ y tế cũng cần biết cách giải quyết.
  - Khi trẻ đang được kiểm tra và hỗ trợ tâm lý nhưng lại có nhiều các hành vi và nhu cầu về cảm giác thì chuyên gia tâm lý cũng cần biết giải quyết tình huống trước khi thực hiện công việc chuyên môn của mình...



## **PHẦN 2: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO TRẺ TỰ KỶ**

### **I. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO TRẺ TỰ KỶ**

#### **1. Kế hoạch giáo dục cá nhân là gì?**

Kế hoạch giáo dục cá nhân (KHGDCN) cho trẻ tự kỷ là một phương tiện trợ giúp cho quá trình lên kế hoạch giảng dạy của giáo viên. Đó là cơ sở ban đầu của các phương pháp sư phạm mà giáo viên sử dụng. KHGDCN được xây dựng và thực hiện bởi giáo viên hoặc/và những người được đào tạo, có chuyên môn về giáo dục đặc biệt.

KHGDCN là sự cụ thể hóa những mục tiêu, những hoạt động giáo dục, trị liệu, những chiến lược, phương pháp nhằm đáp ứng những khả năng và nhu cầu riêng biệt của mỗi trẻ tự kỷ.

Việc xây dựng KHGDCN là bước nối tiếp của đánh giá ban đầu trong chuỗi làm việc liên tục của chương trình can thiệp, trị liệu. KHGDCN là sự xác định rõ những mục tiêu giáo dục, những biện pháp thực hiện để đạt được những mục tiêu này.

Một KHGDCN phù hợp không chỉ tập trung vào các kỹ năng phát triển mà còn có nhiều khía cạnh khác cũng góp phần thúc đẩy khả năng của trẻ, giúp trẻ tiến tới cuộc sống ngày càng tốt hơn như các kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng sống, hướng nghiệp...

KHGDCN cho trẻ tự kỷ không chỉ tập trung hoàn toàn vào can thiệp, trị liệu cá nhân mà còn chú trọng đến các kỹ năng nhóm, hoạt động nhóm của trẻ, đặt trẻ trong mối quan hệ tổng thể giữa nhà trường, gia đình, xã hội và phối hợp với các kế hoạch giáo dục khác (chương trình ở trường mầm non, trường tiểu học, kế hoạch hoạt động nhóm, kế hoạch hướng nghiệp...)

## **2. Ý nghĩa của KHGDCN đối với trẻ tự kỷ**

- KHGDCN giúp cho giáo viên, cha mẹ và những người làm công tác hỗ trợ cho trẻ tự kỷ có định hướng và kế hoạch rõ ràng để tiến hành can thiệp, hỗ trợ cho trẻ tự kỷ.
- KHGDCN giúp cho việc can thiệp đạt hiệu quả vì đáp ứng phù hợp với khả năng và nhu cầu cho từng trẻ, đồng thời có thể kiểm soát, điều chỉnh hoạt động giáo dục, hướng tới mục tiêu cần đạt được.
- KHGDCN là cơ sở giúp cho việc liên kết các lực lượng tham gia vào quá trình hỗ trợ trẻ tự kỷ được dễ dàng hơn.
- KHGDCN giúp cơ sở/trung tâm can thiệp và cha mẹ giám sát/quản lý tốt hơn quá trình hỗ trợ cho trẻ; đánh giá được mức độ hiệu của chương trình hỗ trợ đối với trẻ tự kỷ.
- KHGDCN giúp theo dõi được liên tục và dễ dàng sự đáp ứng và tiến bộ của trẻ tự kỷ ở các môi trường giáo dục khác nhau.

## **3. Thành phần của KHGDCN**

Mỗi KHGDCN dành cho trẻ khuyết tật trí tuệ nói chung, trẻ tự kỷ nói riêng thông thường bao gồm 7 thành phần, đó là:

- Mức độ phát triển hiện tại của trẻ
- Mục tiêu dài hạn
- Mục tiêu ngắn hạn
- Thời gian thực hiện
- Các biện pháp/chiến lược thực hiện
- Chữ ký của lực lượng tham gia
- Lượng giá

Tùy vào đặc trưng của mỗi trường/trung tâm và sự điều chỉnh của

người lên kế hoạch mà các thành phần của KHGDCN có thể thay đổi, được chia nhỏ hơn hoặc thêm vào một số mục cần thiết khác.

#### 4. Mẫu kế hoạch giáo dục cá nhân

### KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN LẦN....

#### I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Trường:.....

Năm học:.....

Họ và tên trẻ:.....Ngày sinh:.....

Giới tính:.....Tuổi thực:.....

Lớp:.....

Ngày lập KHGDCN:.....

Ngày bắt đầu thực hiện:.....Ngày tổng kết:.....

#### II. MỨC ĐỘ CHỨC NĂNG HIỆN TẠI

##### 1. Thông tin chung về tiền sử

- a) Tiền sử gia đình
- b) Loại khuyết tật và nguyên nhân
- c) Tiền sử trước và trong khi sinh
- d) Tiền sử y tế
- e) Tiền sử phát triển
- f) Tiền sử giáo dục

##### 2. Các kết quả đánh giá (điểm số và độ tuổi phát triển)

Theo kết quả đánh giá bằng thang.....ngày....., mức độ phát triển hiện tại của A như sau:

Lĩnh vực	Điểm số	Tuổi phát triển	Chỉ số phát triển
Vận động thô			
Vận động tinh			
Nhận thức – tư duy			

- Kết luận chung về mức độ phát triển:

### 3. Phân tích đặc điểm phát triển hiện tại của trẻ

#### a) **Điểm mạnh**

- Lĩnh vực vận động thô
- Lĩnh vực vận động tinh
- Lĩnh vực nhận thức
- Lĩnh vực tư duy
- Lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội

#### b) **Hạn chế**

- Lĩnh vực vận động thô
- Lĩnh vực vận động tinh
- Lĩnh vực nhận thức
- Lĩnh vực tư duy
- Lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội

#### c) **Những vấn đề khác**

- Hành vi
- Cảm giác
- Kỹ năng tự phục vụ/kỹ năng sống
- Xu hướng tính cách/khí chất...
- Sở thích/sở ghét

## III. NHỮNG NHU CẦU CẦN HỖ TRỢ

### 1. Nhu cầu cần hỗ trợ ở các lĩnh vực phát triển

- Lĩnh vực vận động thô
- Lĩnh vực vận động tinh
- Lĩnh vực nhận thức
- Lĩnh vực tư duy
- Lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội

## 2. Nhu cầu cần hỗ trợ ở các vấn đề khác

- *Hành vi*
- *Cảm giác*
- *Kỹ năng tự phục vụ/kỹ năng sống/kỹ năng hướng nghiệp*

### IV. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CÁ NHÂN

STT	Lĩnh vực	Mục tiêu dài hạn	Mục tiêu ngắn hạn	Đánh giá			Ghi chú
1	Vận động thô						
2	Vận động tinh						
3	Nhận thức – tư duy						
4	Ngôn ngữ - xã hội						
5	Tự phục vụ/kỹ năng sống/...						

### V. CÁC PHƯƠNG PHÁP, CHIẾN LƯỢC THỰC HIỆN

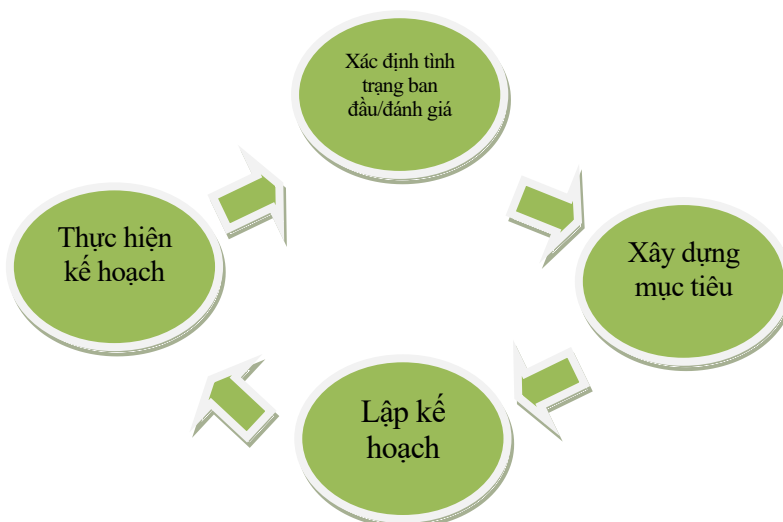
## VI. CHỮ KÝ CỦA LỰC LƯỢNG THAM GIA

Lực lượng	Họ và tên	Chữ ký
Hiệu trưởng/Giám đốc		
Phụ huynh		
Chuyên gia tâm lý		
Chuyên gia vật lý trị liệu		
Giáo viên		
Trẻ		
Khác.....		

## II. QUY TRÌNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN

KHGDCN được đặc trưng bởi một quá trình liên tục bao gồm các giai đoạn: đánh giá mức độ chức năng hiện tại, đặt mục tiêu, lên kế hoạch, thực hiện kế hoạch và đánh giá lại. Làm việc theo kế hoạch thực chất là tiến trình thực hiện một cách khoa học, logic và chặt chẽ các giai đoạn trên. Toàn bộ quá trình này được thể hiện trong mô hình dưới đây:

Mô hình 1: Quy trình xây dựng KHGDCN



## 1. Xác định tình trạng ban đầu của trẻ tự kỷ

Để có thể xây dựng được KHGDCN việc đầu tiên là phải tiến hành đánh giá mức độ chức năng hiện tại của trẻ, hay còn gọi là tìm hiểu tình trạng ban đầu của trẻ. Trên cơ sở đó sẽ có những thông tin cần thiết cho việc xây dựng KHGDCN phù hợp với trẻ. Những thông tin này có thể thu thập bằng nhiều cách và nhiều phương tiện khác nhau và chúng được mô tả cụ thể trong các báo cáo về tình trạng ban đầu của trẻ do từng chuyên gia thực hiện. Các chuyên gia này thuộc những chuyên ngành khác nhau, như chuyên gia tâm lý, vật lý trị liệu, giáo viên hay cán bộ xã hội...

### 1.1. Những thông tin cần thu thập về trẻ tự kỷ

Việc xác định được các thông tin cần thu thập về trẻ tự kỷ và hiểu được ý nghĩa của mỗi loại thông tin sẽ giúp cho giáo viên có cái nhìn tổng quan nhất về trẻ, lý giải các vấn đề có liên quan đến nhau, làm cơ sở cho việc xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, chiến lược can thiệp, trị liệu phù hợp. Tùy thuộc từng độ tuổi của trẻ mà những thông tin thu thập cần tập trung vào một số vấn đề chính. Ví dụ: đối với trẻ dưới 6 tuổi cần can thiệp sớm thì những thông tin cần thu thập tập trung vào đặc điểm phát triển của từng lĩnh vực, tiền sử giáo dục, môi trường gia đình...nhưng với những trẻ lớn từ 10 – 15 tuổi thì những thông tin cần thu thập tập trung hơn vào các kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng sống, hướng nghiệp...

Những thông tin cần thu thập bao gồm:

➤ *Tiền sử trước và trong khi sinh*: bao gồm những thông tin về tiền sử gia đình, họ hàng (đã từng có người mắc hội chứng tự kỷ hay các rối loạn khác hay chưa), những vấn đề trong quá trình mang thai của người mẹ (bị cúm, rubella, dùng các loại thuốc, nhiễm độc thai nghén, mẹ bị trầm cảm,...), những vấn đề trong quá trình sinh (trẻ bị ngạt, kẹp forcep...). Những thông tin này sẽ hỗ trợ cho việc xác định nguyên nhân khuyết tật của trẻ và có thể giúp cán bộ y tế, những nhà chuyên môn có sự giải thích thỏa đáng cho phụ huynh



và phòng trừ trong lần sinh tiếp theo.

➤ *Tiền sử y tế*: các bệnh lý bẩm sinh và (bệnh tim, bệnh đường hô hấp,...), phẫu thuật, điều trị dài ngày trong viện, các loại thuốc đã và đang sử dụng, trẻ đã khám và điều trị ở những bệnh viện nào, trẻ đã được chẩn đoán dạng khuyết tật ở các cơ sở y tế hay chưa... Những thông tin về y tế góp phần lý giải cho sự thay đổi (tiến lên hay chững lại, thoái lui...) của trẻ trong mỗi giai đoạn phát triển và tiên lượng về mức độ ảnh hưởng của chúng tới sự phát triển của trẻ cũng như kế hoạch can thiệp cho trẻ trong tương lai.

➤ *Tiền sử phát triển*: quá trình phát triển của trẻ ở các lĩnh vực từ khi sinh đến thời điểm lập kế hoạch có sự chậm trễ hay không, sự tiến triển của trẻ sau mỗi giai đoạn giáo dục... Những thông tin về tiền sử phát triển sẽ giúp nhà chuyên môn, người giáo viên có được cái nhìn xuyên suốt về quá trình đưa trẻ phát triển, kết hợp với việc phân tích các yếu tố tác động đến sự phát triển (sức khỏe, môi trường, dạng khuyết tật,...) để giải thích cho các thay đổi (tiến lên, chững lại, thoái lui...) của trẻ trong mỗi giai đoạn và xác định được xu hướng phát triển của trẻ trong thời gian tiếp theo.

➤ *Tiền sử giáo dục*: giáo dục trong gia đình trẻ thế nào, trẻ bắt đầu được gửi nhà trẻ từ thời điểm nào, đã đi học mầm non hay chưa, trẻ đã được can thiệp sớm hay chưa, đã tham gia những chương trình trị liệu nào, hiệu quả của các chương trình giáo dục, trẻ đã từng được đánh giá hay chưa, kết quả như thế nào... Những thông tin về tiền sử giáo dục sẽ giúp cho nhà chuyên môn, giáo viên nắm được quá trình giáo dục của trẻ tự kỷ, phân tích xu hướng phát triển của trẻ dưới sự tác động của môi trường giáo dục và từ đó có những điều chỉnh phù hợp về mặt giáo dục để giúp trẻ phát triển tốt hơn.

➤ *Mức độ phát triển hiện tại của trẻ ở mỗi lĩnh vực*:

+ Vận động thô: là toàn bộ những kỹ năng di chuyển, vận động đòi hỏi sử dụng các cơ lớn trong cơ thể: lẫy, ngồi, trườn, bò, đứng, đi, chạy, nhảy, thay đổi tư thế, phối hợp các tư thế....

+ Vận động tinh: là những kỹ năng sử dụng các nhóm cơ nhỏ trên cơ thể như các ngón tay, bàn tay, cơ miệng, mắt, phối hợp hai tay, phối hợp tay mắt trong quá trình thao tác với đồ vật...

+ Nhận thức – tư duy: là những kỹ năng trẻ nhận biết về bản thân và thế giới xung quanh (tên gọi, đặc điểm, sử dụng đúng chức năng...), cao hơn là các tính chất, đặc điểm như màu sắc, hình dạng, nhận biết khái quát về một sự vật, sự việc; các kỹ năng tư duy như quan trọng như: sắp xếp, phân loại, xâu chuỗi, so sánh, nhận diện thông tin và phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề...

+ Ngôn ngữ - xã hội: bao gồm các kỹ năng tiền ngôn ngữ - giao tiếp (giao tiếp mắt, phản hồi lại tương tác, chia sẻ chú ý trong giao tiếp, bắt chước, lắng nghe, đến lượt...), khả năng hiểu ngôn ngữ (hiểu cử chỉ điệu bộ, lời nói, thái độ cảm xúc...), khả năng diễn đạt (bằng cử chỉ điệu bộ, bằng lời nói...); các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp với mọi người xung quanh (truyền tải thông tin); các kỹ năng giải quyết vấn đề từ thấp đến cao...

Các lĩnh vực phát triển của trẻ đều nằm trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, cùng hỗ trợ nhau phát triển hoặc lĩnh vực này làm chậm lại tốc độ phát triển của lĩnh vực khác. Ví dụ ngôn ngữ là phương tiện để thể hiện khả năng nhận thức, tư duy của trẻ, nếu trẻ hạn chế về khả năng nhận thức tư duy thì cũng khó phát triển được ngôn ngữ một cách bình thường. Tìm hiểu các thông tin về mức độ phát triển của trẻ ở từng lĩnh vực sẽ giúp người giáo viên xác định được mục tiêu phù hợp cho trẻ tự kỷ ở mỗi giai đoạn, từ đó đạt được hiệu quả can thiệp cao nhất.

➤ *Kỹ năng tự phục vụ*: là các kỹ năng độc lập của bản thân và tự chăm sóc như đi vệ sinh, tự đi giày dép, mặc quần áo, tắm, rửa, đánh răng, ăn, uống, tự đi chợ, nấu ăn,...Đối những trẻ lớn hơn vào giai đoạn dậy thì còn cần những kỹ năng tự vệ sinh vùng kín, thay băng vệ sinh,...

➤ *Kỹ năng sống*: ngoài các kỹ năng tự phục vụ bản thân, đó là các kỹ

năng giúp trẻ đối phó được với những nhu cầu và thách thức trong cuộc sống hàng ngày tương ứng với môi trường, văn hóa mà trẻ đang sinh sống. Ví dụ: kỹ năng đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề, tạo mối quan hệ với mọi người, tự ý thức về bản thân, đối phó với căng thẳng,...

➤ *Kỹ năng nghề nghiệp*: là những kỹ năng cần chuẩn bị cho định hướng nghề nghiệp của trẻ trong tương lai. Ví dụ: trẻ cần có kỹ năng vận động tinh và nhận thức cơ bản liên quan đến nghề, nghề may sẽ cần các kỹ năng sử dụng kim chỉ, máy may; nghề bán hàng sẽ cần kỹ năng nhận biết tiền, đếm, tính toán cơ bản...

➤ *Tính cách và khí chất của trẻ*: mỗi đứa trẻ khi sinh ra đều mang trong mình khí chất riêng, có trẻ sẽ hiếu động và hướng ngoại nhưng ngược lại sẽ có những trẻ trầm tính hơn và hướng nội, cũng có những trẻ có xu hướng thụ động... Tính cách và khí chất của trẻ tự kỷ sẽ ảnh hưởng đến việc giáo viên lựa chọn các phương pháp, chiến lược can thiệp phù hợp nhất cho trẻ đó. Ví dụ, chúng ta không thể để trẻ ngồi tại bàn suốt cả giờ học đối với những trẻ thụ động, và cũng không thể lúc nào cũng tổ chức các hoạt động quá sôi nổi đối với những trẻ không muốn ngồi yên một chỗ...

➤ *Những đặc điểm và khó khăn đặc trưng của trẻ tự kỷ*: trẻ tự kỷ thường có những khó khăn điển hình như sự cứng nhắc trong tư duy, hạn chế về tương tác, giao tiếp, ngôn ngữ, có các hành vi cảm giác, kèm theo tăng động giảm chú ý... Tùy thuộc vào từng trẻ có khó khăn nhiều hay ít, ở mức độ nặng hay nhẹ mà những khó khăn đi kèm này sẽ làm cản trở tốc độ phát triển của trẻ ít hay nhiều. Hiểu được những vấn đề này sẽ giúp cho giáo viên tiên lượng và đặt mục tiêu cho trẻ phù hợp hơn. (\*)

➤ *Sở thích và những điều trẻ không thích*: trẻ tự kỷ có thể sẽ có những sở thích đặc biệt nào đó hoặc cũng có những thứ trẻ không muốn chạm vào. Để quá trình dạy và học đạt được hiệu quả cao nhất thì cả cô và trẻ phải có tâm thế thoải mái, vui vẻ, được làm những gì mình thích, ngược lại nếu trẻ

không thích thì sẽ cảm thấy chán nản, khó chịu, bực bội và khó tiếp thu được những gì mà giáo viên cung cấp. Chính vì vậy, hiểu được sở thích của trẻ sẽ giúp cho giáo viên dễ dàng hơn trong việc lựa chọn và điều chỉnh các phương pháp, chiến lược để quá trình dạy học đạt được kết quả cao.

➤ *Môi trường giáo dục và sự tác động của môi trường giáo dục tới sự phát triển của trẻ:* Như chúng ta đã biết, quá trình can thiệp, trị liệu cho trẻ em nói chung, trẻ tự kỷ nói riêng không chỉ giới hạn trong giờ học với giáo viên mà còn chịu tác động rất lớn của môi trường gia đình, trường học của trẻ. Nếu các thành viên trong gia đình và giáo viên ở trường học cùng phối hợp tích cực với giáo viên can thiệp để thực hiện kế hoạch thì chắc chắn hiệu quả đạt được sẽ cao hơn. Nhưng cũng có trường hợp, gia đình lại là tác nhân cản trở sự tiến bộ của trẻ khi họ quá nuông chiều hoặc luôn bỏ mặc trẻ một mình. (\*\*)

## ***1.2. Phương pháp thu thập thông tin***

Có rất nhiều phương pháp để có được tất cả những thông tin cần thiết về một trẻ tự kỷ trong bước xác định tình trạng ban đầu. Trong đó phải kể đến những phương pháp cơ bản sau:

### ***a) Đánh giá chính thức***

Đánh giá chính thức là quá trình sử dụng các công cụ đánh giá chính thức như các trắc nghiệm hoặc các thang đo chuẩn để đánh giá mức độ chức năng hiện tại của trẻ tự kỷ. Đánh giá chính thức thường được thực hiện bởi những chuyên gia tâm lý, chuyên gia đánh giá, được đào tạo và có kinh nghiệm chuyên môn về chẩn đoán đánh giá.

Các công cụ đánh giá chính thức dành cho trẻ tự kỷ là những tài liệu đã được các nhà chuyên môn xây dựng, thường bao gồm những hướng dẫn chi tiết về cách tiến hành, cho điểm, giải thích kết quả cũng như các số liệu thống kê có liên quan tới tính hiệu lực, độ tin cậy và các thủ tục chuẩn hóa.

Chẩn đoán, đánh giá chính thức được thực hiện theo các mục đích khác nhau tùy thuộc vào chức năng của thang công cụ: xác định dạng khuyết tật và mức độ của khuyết tật, thang đo hành vi thích ứng, sàng lọc những trẻ có vấn đề để đánh giá sâu, đánh giá mức độ phát triển của trẻ, đánh giá khả năng học tập...

- Các công cụ thường sử dụng để chẩn đoán, đánh giá chính thức cho trẻ tự kỷ như: PEP – R, Từng bước nhỏ một, CARS, Kyoto, Bảng kiểm phát triển, WICS, thang đo hành vi thích ứng ABS:S2,...

- Đọc báo cáo đánh giá chính thức: đây là công việc quan trọng mà người giáo viên/người lập KHGDCN cho trẻ hoặc nhóm trẻ cần làm để biết được chính xác khả năng ban đầu của trẻ, tham khảo các chiến lược và mục tiêu giáo dục mà những nhà chuyên môn cung cấp để có thể lập KHGDCN cho trẻ tự kỷ một cách khách quan và chính xác nhất. Những thông tin cần chú ý trong báo cáo đánh giá chính thức:

- (1) Thông tin chung về tiền sử trước và trong khi sinh, tiền sử y tế, phát triển, giáo dục của trẻ đã được người đánh giá cung cấp.
- (2) Dạng khuyết tật, mức độ và khó khăn của dạng khuyết tật đó
- (3) Tuổi phát triển và chỉ số phát triển của trẻ ở mỗi lĩnh vực
- (4) Đặc điểm phát triển của trẻ ở mỗi lĩnh vực đã được người đánh giá phân tích
- (5) Tiên lượng về sự phát triển của trẻ trong thời gian tiếp theo (nếu có)
- (6) Các chiến lược, phương pháp đã được người đánh giá gợi ý
- (7) Các mục tiêu can thiệp phù hợp với trẻ đã được người đánh giá gợi ý dựa vào kết quả đánh giá chính thức

*b) Đánh giá không chính thức*

Đánh giá không chính thức thường không tuân theo các tiêu chuẩn chặt chẽ như trong đánh giá chính thức, nó thường gắn liền với các hoạt động dạy học và thường được thực hiện bởi giáo viên trực tiếp can thiệp, trị liệu cho trẻ tự kỷ.

Giáo viên có thể sử dụng sử dụng đánh giá không chính thức để thu thập thêm những thông tin về tình trạng ban đầu của trẻ, kết hợp với kết quả đánh giá chính thức để ra được những thông tin đầy đủ nhất. Nhưng vai trò quan trọng hơn của loại đánh giá này là giúp giáo viên xác định được khả năng hiện thời của mỗi đứa trẻ khi không có đánh giá chính thức, những thay đổi của mỗi đứa trẻ qua mỗi giai đoạn (mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi tháng...), từ đó có những điều chỉnh về mục tiêu, chiến lược can thiệp, trị liệu cho phù hợp.

Các phương pháp được sử dụng để đánh giá không chính thức bao gồm:

➤ *Quan sát*: đây là phương pháp thường được sử dụng nhiều nhất trong đánh giá không chính thức. Mỗi biểu hiện thay đổi nhỏ của trẻ tự kỷ mỗi ngày sẽ được chính giáo viên quan sát trực tiếp và nhận ra trước khi ghi chép vào hồ sơ hay bảng theo dõi.

➤ *Nghiên cứu hồ sơ*: giáo viên có thể tìm hiểu những thông tin cần thiết từ hồ sơ lưu của trẻ khi chuyển từ trường này sang trường khác, từ giáo viên này sang giáo viên khác hoặc những thông tin lưu của trẻ trong quá trình đánh giá, khám y tế hay can thiệp từ phía gia đình...

➤ *Ghi chép*: việc ghi lại những gì mà giáo viên đã quan sát, tìm hiểu được qua mỗi thời điểm (hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng) sẽ giúp giáo viên có cơ sở để đánh giá không chính thức về sự thay đổi của trẻ, rút ra được kết luận về sự tiến triển hay khó khăn của trẻ, từ đó có sự điều chỉnh phù hợp. Ví dụ, trong sổ theo dõi giáo viên đã ghi lại ngày 2/11, “trẻ bắt đầu bắt chước phát âm ba ba”. Đến ngày 10/11, trẻ đã nói được rõ ràng từ “bà” khi nhìn thấy

hình ảnh của bà. Đến ngày 20/11, trẻ đã nói được 5 từ đơn...Nhu vậy, cho đến cuối tháng 11, trẻ đã có sự tiến bộ về ngôn ngữ nói so với thời gian đầu tháng.

➤ *Lập bảng theo dõi*: đây là phương pháp thường được sử dụng trong quá trình trị liệu cho trẻ tự kỷ (trị liệu hành vi, trị liệu ngôn ngữ, trị liệu cảm giác...) và cũng được kết hợp giống như một hình thức ghi chép theo dõi của giáo viên trong quá trình can thiệp. Lập bảng theo dõi giúp cho giáo viên ghi lại được chính xác về số lượng những thay đổi của trẻ mỗi ngày, mỗi tuần, làm cơ sở để rút ra những kết luận định lượng và định tính ở cuối mỗi giai đoạn.

➤ *Đàm thoại/tương tác trực tiếp*: giáo viên có thể trò chuyện với trẻ (với các trẻ có ngôn ngữ nói) hoặc kiểm tra trong các hoạt động chơi trực tiếp với trẻ. Cách tổ chức hoạt động để thu thập thông tin sẽ phụ thuộc vào mục đích ban đầu của giáo viên (ví dụ, để kiểm tra kỹ năng vận động thì giáo viên sẽ tổ chức hoạt động vận động) hoặc sau quá trình hoạt động, giáo viên quan sát và nhận ra một số thông tin mình cần.

➤ *Phỏng vấn phụ huynh*: ngoài những thông tin quan sát và ghi chép trực tiếp, giáo viên cần thu thập thông tin từ phía gia đình của trẻ tự kỷ để biết được tình trạng ban đầu của trẻ cũng như những thay đổi của trẻ tại môi trường gia đình trong quá trình can thiệp. Tùy vào cách thức làm việc và mục đích mà giáo viên có thể trao đổi và phỏng vấn phụ huynh theo lịch trình nhất định (cuối tuần, cuối tháng hoặc cuối mỗi buổi can thiệp, trị liệu) hoặc bất cứ lúc nào mà giáo viên cần thu thập thêm thông tin cho quá trình can thiệp.

➤ *Sử dụng công cụ kiểm tra hỗ trợ*: trong trường hợp giáo viên không được đào tạo bài bản để sử dụng các công cụ chẩn đoán đánh giá, giáo viên cũng có thể sử dụng một số công cụ hoặc phương tiện cần thiết hỗ trợ cho việc đánh giá không chính thức trên trẻ. Ví dụ, giáo viên sử dụng “*Bảng kiểm phát triển*” để đánh giá lại mức độ phát triển của trẻ sau 3 tháng thực hiện kế



hoạch, khi chưa có đánh giá chính thức.

## **THỰC HÀNH**

(1). Tại lớp: làm việc theo nhóm, đọc trường hợp, xem video và báo cáo đánh giá của một trường hợp và thu thập các thông tin về tình trạng ban đầu của trẻ. (\*\*\*)

(2). Thực tế: làm việc cá nhân, lựa chọn một đối tượng trẻ tự kỷ trong môi trường làm việc của anh/chị và tiến hành các bước thu thập thông tin về tình trạng ban đầu của trẻ. (\*\*\*\*)

## **2. Xây dựng mục tiêu can thiệp cho trẻ tự kỉ**

Mục tiêu can thiệp cho trẻ tự kỷ nhằm hướng đến cung cấp cho trẻ những kiến thức và kỹ năng cần thiết, giúp trẻ có thể sống độc lập ở mức độ cao nhất và hòa nhập với xã hội.

Việc xây dựng mục tiêu can thiệp đóng vai trò vô cùng quan trọng mang lại hiệu quả trong quá trình can thiệp bởi khi mục tiêu được xây dựng đúng hướng, phù hợp với khả năng và đặc điểm của trẻ thì trẻ sẽ tiến bộ và hoàn thành mục tiêu, ngược lại sẽ khiến cho quá trình giáo dục chậm lại, thậm chí cả giáo viên, gia đình và đứa trẻ sẽ gặp thêm những khó khăn mới trong quá trình giáo dục: mục tiêu quá cao thì sẽ khó có thể đạt được, mục tiêu quá thấp thì trẻ dễ chán nản và không học được những kiến thức, kỹ năng mới phù hợp với khả năng.

### ***2.1. Các căn cứ để xây dựng mục tiêu***

Để xây dựng được mục tiêu can thiệp, trị liệu hiệu quả, đồng thời xác định được đâu là mục tiêu ưu tiên, đâu là mục tiêu chưa ưu tiên cho trẻ trong mỗi giai đoạn, giáo viên cần căn cứ vào các yếu tố sau:

➤ *Sự phát triển thông thường của trẻ*: đó là tâm lý học trẻ em bình

thường và các mốc phát triển của trẻ ở mỗi giai đoạn. Đây là căn cứ ban đầu để giáo viên có thể xác định được mục tiêu cho trẻ tự kỷ của mình cần hướng tới là gì. Ví dụ, một trẻ tự kỷ có tuổi thực là 3 tuổi, tuổi phát triển là 1 tuổi rưỡi, vậy thì các kỹ năng mà trẻ cần đạt được ở mốc 2 tuổi với mỗi lĩnh vực là gì?

➤ *Chương trình giáo dục mầm non*: chương trình giáo dục mầm non cũng dựa trên sự phát triển thông thường của trẻ (tâm lý học phát triển trẻ em) nhưng được cụ thể hóa thành các mục tiêu, hoạt động mà trẻ cần hướng tới ở mỗi giai đoạn. Mặt khác, chương trình giáo dục mầm non đã được chuẩn hóa phù hợp với văn hóa, đặc điểm trẻ em ở mỗi quốc gia nên giáo viên có thể căn cứ trên những thông tin này để lựa chọn các mục tiêu cho trẻ tự kỷ phù hợp ở từng giai đoạn.

➤ *Mức độ chức năng hiện tại của trẻ ở mỗi lĩnh vực, các kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng sống, nghề nghiệp*: đây là yếu tố quyết định tới mục tiêu mà trẻ cần đạt được trong giai đoạn tiếp theo (6 tháng hay 1 năm sau). Thông qua đánh giá chính thức và không chính thức, giáo viên xác định được mức độ phát triển hiện tại của trẻ ở mỗi lĩnh vực, kết hợp với sự phát triển thông thường của trẻ, những mục tiêu trong chương trình giáo dục mầm non, định hướng trong tương lai để đặt ra các mục tiêu tương ứng cho trẻ trong giai đoạn tiếp theo. Nếu mục tiêu quá cao thì trẻ sẽ khó có thể đạt được, ngược lại mục tiêu quá thấp sẽ gây nhàm chán và trẻ không có nhiều cơ hội để học được những kỹ năng mới phù hợp.

➤ *Nhu cầu cần hỗ trợ của trẻ trong thời gian tiếp theo*: căn cứ trên những thông tin về mức độ phát triển hiện tại của trẻ, giáo viên cần xác định được những nhu cầu cần hỗ trợ của trẻ ở mỗi lĩnh vực, mỗi vấn đề, ở từng môi trường, từ đó xây dựng được mục tiêu chính xác và hữu ích nhất đối với trẻ.

➤ *Những khó khăn đi kèm*: những yếu tố chủ quan này (xem 1.1 (\*)) sẽ ảnh hưởng đến tốc độ phát triển của trẻ trong tương lai. Nếu trẻ có nhiều

khó khăn đi kèm thì tốc độ phát triển của trẻ sẽ có nguy cơ chậm hơn so với trẻ có ít những khó khăn này. Với hai trẻ tự kỷ có cùng độ tuổi thực và tuổi phát triển tại thời điểm hiện tại nhưng 1 năm sau, trẻ có những khó khăn đi kèm nghiêm trọng hơn sẽ có thể không tiến bộ nhanh bằng trẻ còn lại có ít khó khăn hơn. Vì vậy, khi xây dựng mục tiêu cho trẻ, người giáo viên cần căn cứ vào những yếu tố này để đặt ra những mục tiêu phù hợp nhất.

➤ *Môi trường gia đình và trường học hiện tại:* cũng giống như khó khăn đi kèm của trẻ là yếu tố chủ quan, thì đây là những yếu tố khách quan tác động tới tốc độ tiến triển của trẻ, ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu (\*\*). Giáo viên không thể đặt mục tiêu quá cao cho trẻ nếu như trẻ không được tạo điều kiện thuận lợi từ phía gia đình hay trường học.

➤ *Nhu cầu của gia đình trẻ:* đây cũng là một yếu tố mà giáo viên cần xét đến khi xây dựng mục tiêu can thiệp, trị liệu cho trẻ tự kỷ. Ví dụ, gia đình trẻ chưa có nhà rộng rãi, bố mẹ cháu còn có em nhỏ nữa nên không thể lúc nào cũng để mắt được đến cháu và mong muốn giáo viên đặt mục tiêu ở gia đình giúp cháu ngồi yên tại chỗ theo yêu cầu. Tuy nhiên, khi xét đến yếu tố này, giáo viên cũng cần xác định xem nhu cầu đó có phù hợp với mức độ và đặc điểm hiện tại của trẻ hay không, có khả thi hay không, từ đó có quyết định lập mục tiêu tương ứng hay không.

➤ *Phương pháp, chiến lược sẽ sử dụng:* khi lựa chọn một phương pháp, chiến lược sẽ sử dụng phù hợp với trẻ, giáo viên cũng cần căn cứ vào đó để đặt ra những mục tiêu phù hợp. Ví dụ, giáo viên lựa chọn PECS để can thiệp, hỗ trợ trẻ về ngôn ngữ và giao tiếp, vậy thì mục tiêu đặt ra cho trẻ cũng phải liên quan đến phương pháp này (trẻ biết sử dụng 3 tranh đồ ăn để thể hiện nhu cầu với giáo viên và bố mẹ trong 100% các tình huống).

Như vậy, tất cả những yếu tố trên đều đóng vai trò là căn cứ quan trọng trong quá trình xây dựng mục tiêu can thiệp, trị liệu cho trẻ tự kỷ. Trong quá trình làm việc trực tiếp với trẻ và tùy thuộc vào mục đích của giáo viên mà

người giáo viên có thể căn cứ vào các yếu tố khác để xây dựng mục tiêu can thiệp hiệu quả.

## 2.2. *Vùng phát triển gần*

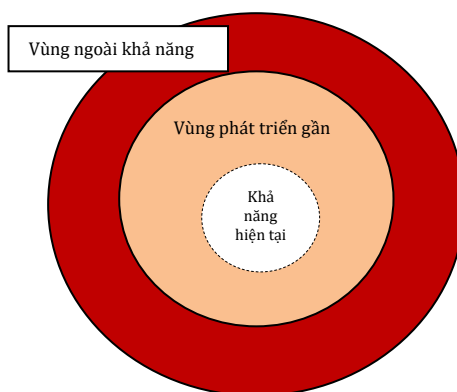
### a) *Vùng phát triển gần là gì?*

Đây là lý thuyết của nhà tâm lý học Xô Viết nổi tiếng Vugôtski, đã và đang được ứng dụng trong giáo dục học đương thời và hiện đại, giúp cho quá trình dạy học và giáo dục mang lại hiệu quả cao nhất.

Vugotxki cho rằng dạy học đi trước sự phát triển, kéo theo sự phát triển và trong quá trình phát triển của trẻ em thường xuyên diễn ra hai mức độ: trình độ hiện tại và vùng phát triển gần nhất:

➤ *Vùng khả năng hiện tại của trẻ*: là trình độ mà ở đó các chức năng tâm lý đã đạt tới mức độ chín muồi. Trong thực tiễn, khả năng hiện tại biểu hiện qua việc trẻ độc lập giải quyết nhiệm vụ, không cần bất cứ sự trợ giúp nào từ bên ngoài.

➤ *Vùng phát triển gần*: được thể hiện trong tình huống trẻ hoàn thành nhiệm vụ khi có sự hợp tác, giúp đỡ của người lớn mà nếu tự mình làm thì trẻ không thể thực hiện được.



➤ Theo đó, *vùng nằm ngoài khả năng của trẻ*: được thể hiện trong tình huống mà trẻ không thể hoàn thành nhiệm vụ/ thực hiện được kỹ năng kể cả khi có sự trợ giúp, gợi ý của người lớn.

*b) Ý nghĩa của vùng phát triển gần trong việc xây dựng mục tiêu can thiệp cho trẻ*

Vùng phát triển gần nhất của trẻ ngày hôm nay sẽ trở thành vùng khả năng hiện tại của trẻ ngày mai nếu được tác động đúng hướng, và sẽ xuất hiện vùng phát triển gần nhất mới, chính là vùng nằm ngoài khả năng của trẻ ngày hôm nay. Như vậy, nhiệm vụ của người làm công tác giáo dục và giảng dạy là làm thế nào mở rộng vùng khả năng hiện tại của trẻ và mở rộng vùng phát triển gần bằng cách đặt ra các mục tiêu phù hợp và lựa chọn các phương pháp, chiến lược, cách tổ chức hoạt động hướng tới kích thích trẻ hoạt động, thức tỉnh một loạt các tiềm năng bên trong của trẻ, giúp trẻ phát triển lên một tầm cao mới.

Nếu các mục tiêu đặt ra cho trẻ nằm nhiều ở vùng khả năng hiện tại của trẻ thì tức là mục tiêu đó quá dễ, trẻ đã có thể tự làm được hoặc dễ dàng đạt được, đồng nghĩa với việc sẽ chậm mở rộng được vùng khả năng hiện tại cũng như vùng phát triển gần. Ngược lại, nếu mục tiêu đặt ra cho trẻ nằm nhiều ở vùng ngoài khả năng của trẻ thì tức là mục tiêu đó quá khó, trẻ sẽ không thể đạt được kể cả khi được người lớn hỗ trợ, giúp đỡ, như vậy mục tiêu chúng ta đặt ra cho trẻ không hiệu quả, không giúp cho trẻ phát triển.

Để xác định được vùng phát triển gần của mỗi trẻ tự kỷ, giáo viên lại cần căn cứ vào kết quả đánh giá chính thức và không chính thức mà bản thân đã thu thập được.

### **2.3. Các loại mục tiêu**

#### *a) Mục tiêu dài hạn*

Thường trong khoảng thời gian 6 tháng đến 1 năm và mang tính khái quát, định hướng trong 1 năm những gì trẻ sẽ đạt được ở mỗi lĩnh vực khi được can thiệp, trị liệu. Các mục tiêu dài hạn được đặt ra để giải quyết những vấn đề trẻ còn yếu hoặc giúp trẻ phát huy những điểm mạnh đã được xác định

trong tình trạng ban đầu của trẻ.

Mục tiêu dài hạn sẽ được cụ thể hơn nữa trong các mục tiêu ngắn hạn. Tùy vào từng cá nhân trẻ mà các mục tiêu được đặt ra ở mức độ khác nhau, có những mục tiêu rất đơn giản (Ví dụ: biết cách thể hiện nhu cầu của bản thân bằng cử chỉ điệu bộ) nhưng cũng có những mục tiêu ở mức độ rộng và cao hơn (Ví dụ: biết sử dụng ngôn ngữ để tường thuật, miêu tả về những sự vật, sự việc diễn ra xung quanh trong khoảng thời gian 2 – 3 ngày; nhận biết được số từ 1 – 10 và đếm khái quát trong phạm vi 10...).

Các mục tiêu dài hạn thường được xây dựng tập trung vào các lĩnh vực: vận động thô, vận động tinh, nhận thức, tư duy, ngôn ngữ, giao tiếp – xã hội, kỹ năng tự phục vụ, quản lý hành vi, hành vi cảm giác... Không có số lượng, mục tiêu nào được coi là số lượng chuẩn mà sẽ tùy thuộc vào mức độ phát triển hiện tại của trẻ và những nhu cầu mà trẻ cần được hỗ trợ trong giai đoạn tiếp theo. Sau quá trình đánh giá và xác định thông tin ban đầu, chúng ta cần xác định những kiến thức, kỹ năng, hành vi nào là cốt lõi để xây dựng KHGDCN, đồng thời cũng cần xác định thứ tự ưu tiên cho mỗi mục tiêu.

#### *b) Mục tiêu ngắn hạn*

Mục tiêu ngắn hạn là những mô tả về các bước, các mục tiêu nhỏ hơn cần thực hiện nhằm đạt được mục tiêu dài hạn. Thông thường một kỹ năng lớn được hình thành bởi một chuỗi các kỹ năng nhỏ và được thể hiện ra bên ngoài bằng các hành vi. Mục tiêu ngắn hạn được thể hiện một cách chi tiết, giúp cho giáo viên cũng như gia đình và chuyên gia can thiệp sớm có thể hiểu, dạy và hướng dẫn trẻ trực tiếp. Dựa vào những mục tiêu ngắn hạn mà người dạy có thể chuẩn bị chi tiết hơn cho một giờ học bằng cách lựa chọn các hoạt động, chiến lược, phương pháp và cách sắp xếp tương ứng để đạt được mục tiêu, đồng thời có thể tận dụng tối đa các cơ hội và thời điểm phù hợp để hướng dẫn và luyện tập các kỹ năng cho trẻ.

Mục tiêu ngắn hạn sẽ phụ thuộc mục tiêu dài hạn và các thứ tự ưu tiên

trong các kỹ năng mà trẻ cần đạt được. Ví dụ, mục tiêu dài hạn cho trẻ là nói 40 - 50 từ đơn để thể hiện nhu cầu của bản thân và gọi tên các đối tượng quen thuộc trong môi trường xung quanh, thì mục tiêu ngắn hạn sẽ bắt đầu từ những âm/từ mà trẻ dễ dàng phát âm nhất gắn liền với những sự vật/sự việc gần gũi nhất: nói được 5 từ bắt đầu với phụ âm “b” kết hợp với 1 nguyên âm chính trong 1 tháng đầu tiên (ba, bà, bò, bơ, bi)...

Mỗi mục tiêu ngắn hạn sẽ được chia nhỏ hơn thành các bước thực hiện, nhiều hoạt động khác nhau cùng hướng tới một mục tiêu. Các hoạt động cần được tổ chức một cách linh hoạt và gắn liền với thực tế để giúp trẻ dễ dàng hiểu và tổng hợp những kiến thức, kỹ năng của mình, dễ dàng đạt được đến mục tiêu. Ví dụ, khi đặt mục tiêu ngắn hạn là trẻ nói được 5 từ đơn bắt đầu với phụ âm “b” kết hợp với 1 nguyên âm chính, thì các hoạt động tổ chức sẽ là: chơi giả vờ với mô hình con bò, chơi giả vờ ăn với mô hình quả bơ, xem sách có hình ảnh của bà, ăn bơ...

Số lượng mục tiêu ngắn hạn cho mỗi mục tiêu dài hạn liên quan tới dạng và mức độ nặng của trẻ tự kỷ, ảnh hưởng của chúng tới khả năng học của trẻ cũng như mức độ phức tạp của mục tiêu dài hạn. Một số trẻ chỉ cần 3 – 4 mục tiêu ngắn hạn nhưng có những trẻ khác lại cần đến 8 – 10 mục tiêu ngắn cho mỗi mục tiêu dài hạn.

#### ***2.4. Cách viết mục tiêu***

Cách viết mục tiêu của người lập kế hoạch can thiệp sẽ ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện sau đó, kết quả đạt được cũng như cách đánh giá, nhận xét và đưa ra mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo. Nếu các mục tiêu được viết cụ thể, dễ hiểu, có tiêu chí đánh giá...thì sẽ dễ dàng cho chính giáo viên cũng như những người cùng thực hiện kế hoạch lựa chọn hoạt động, phương pháp phù hợp và đánh giá được kết quả, đồng thời sẽ mang lại lợi ích cho chính trẻ tự kỷ bởi trẻ sẽ luôn được hướng tới một đích cụ thể. Ngược lại, nếu cách viết



mục tiêu không hiệu quả sẽ gây khó khăn cho chính giáo viên và những người thực hiện kế hoạch và đưa trẻ cũng không được xác định rõ ràng kỹ năng đích đến.

Ví dụ: cùng lập mục tiêu dài hạn về kỹ năng toán học cho trẻ tự kỷ, chúng ta hãy xem xét hai cách viết sau đây:

(1) Trẻ hình thành được các khái niệm sơ đẳng về toán

(2) Trẻ nhận biết được mặt số và biết đếm lần lượt trên đồ vật từ 1 – 10, đạt 100% các hoạt động

Với hai cách viết này, cách viết nào sẽ dễ dàng hơn cho người thực hiện lựa chọn hoạt động và triển khai mục tiêu? Vậy các tiêu chí cần có khi viết mục tiêu là gì?

- *Các tiêu chí của một mục tiêu hiệu quả*

(1) *Mục tiêu phải cụ thể, rõ ràng*: không viết theo cách chung chung mà nêu được rõ ràng kỹ năng mà trẻ tự kỷ cần hướng tới, dễ dàng chia nhỏ mục tiêu và lựa chọn hoạt động. Tránh sử dụng các từ ngữ như: tăng cường khả năng vận động, cải thiện khả năng ngôn ngữ,..., thay vào đó hãy hướng tới một kỹ năng cụ thể mà trẻ có thể đạt được như: trẻ biết phối hợp hai tay theo kiểu một tay chính – một tay hỗ trợ, biết sử dụng dụng cụ để thao tác trên đồ vật; trẻ biết nói các câu 4 – 5 tiếng để thể hiện nhu cầu và giao tiếp với người thân...

Để viết được mục tiêu cụ thể, rõ ràng, người lập kế hoạch cần có hiểu biết chắc chắn và tham khảo tài liệu về tâm lý học phát triển, các giai đoạn phát triển của trẻ và các mốc kỹ năng tương ứng mà trẻ bình thường cần đạt được ở mỗi giai đoạn.

(2) *Mục tiêu có thể đo lường được*: đó là những con số, những tỉ lệ % mà có thể ước tính trẻ sẽ đạt được. Ví dụ, trẻ biết phối hợp hai tay theo kiểu một tay chính, một tay hỗ trợ thể hiện trong 5 hoạt động; trẻ nhận biết được

10 đồ dùng gia đình, thể hiện bằng cách chỉ tay trả lời và gọi tên, đạt 80%, có 20% hỗ trợ...

(3) *Mục tiêu phải có tính khả thi*: tức là mục tiêu đặt ra phải phù hợp với khả năng của trẻ, nằm trong vùng phát triển gần và có thể đạt được trong khoảng thời gian đặt ra khi sử dụng các chiến lược phù hợp. Ví dụ, hiện tại trẻ 4 tuổi, chưa nói được các từ đơn có nghĩa nhưng mục tiêu đặt ra cho 6 tháng tới là trẻ có thể nói được các câu 4 – 5 từ là không khả thi. Hoặc, với cùng mục tiêu đó nhưng với một trẻ khác 2 tuổi và thực hiện trong 1 năm có thể khả thi.

Để xác định mục tiêu có khả năng thực hiện được hay không, người lập kế hoạch cần căn cứ vào mức độ chức năng ban đầu của trẻ cùng với những yếu tố tác động đến sự phát triển của trẻ như độ tuổi, các khó khăn đi kèm,...

(4) *Mục tiêu phải thực tế, hữu ích*: tức là mục tiêu phải hướng đến những kỹ năng mà trẻ có thể được trải nghiệm trực tiếp trong cuộc sống hàng ngày, có thể ứng dụng để phục vụ cho chính cuộc sống của trẻ, phù hợp với môi trường sống, văn hóa và nhu cầu của trẻ và gia đình; được đặt trong mối quan hệ tổng thể với những kiến thức, kỹ năng khác.

Ví dụ, mục tiêu đặt ra cho trẻ nhận biết được 5 con vật nhưng nếu chỉ là nhận biết được 5 con vật trên tranh ảnh thì chưa thực tế, mà trẻ cần nhận biết được tên gọi, tiếng kêu của 5 con vật trên cả hình ảnh và trong đời sống thực. Hoặc mục tiêu đặt ra trẻ nhận biết được 10 loại côn trùng, trong khi các động vật quen thuộc trẻ chưa biết hết thì không mang tính hữu ích.

(5) *Mục tiêu có thời hạn*: đó là thời gian phù hợp để đạt được mục tiêu. Ví dụ, trẻ nói được 5 từ đơn để thể hiện nhu cầu với giáo viên và bố mẹ trong vòng 1 tháng, đạt 90% các tình huống.

## THỰC HÀNH

(1). Tại lớp: làm việc theo nhóm, xây dựng 1 mục tiêu dài hạn và các mục tiêu ngắn hạn tương ứng cho trẻ ở trường học (\*\*).

(2). Thực tế: làm việc theo nhóm, xây dựng 3 mục tiêu can thiệp dài hạn và các mục tiêu ngắn hạn tương ứng cho trẻ ở trường học (\*\*\*\*).

### **3. Lập KHGDCN cho trẻ tự kỷ**

Dựa trên những thông tin thu thập được về trẻ, mức độ phát triển hiện tại và các mục tiêu dài hạn, ngắn hạn đã xác định, người giáo viên cùng với sự giúp đỡ của các chuyên gia, phụ huynh của trẻ xây dựng một KHGDCN hoàn chỉnh. Trong kế hoạch này cần xác định rõ ràng các chiến lược, phương pháp, nội dung, phương tiện, hình thức tổ chức hoạt động và thời gian để đạt được mục tiêu đề ra.

#### *a) Các bước lập KHGDCN cho trẻ tự kỷ*

(1) *Phân tích/viết báo cáo về tình trạng ban đầu của trẻ*: với tất cả những thông tin thu thập được từ quá trình đánh giá chính thức và không chính thức, người lập kế hoạch có nhiệm vụ tổng hợp lại và phân tích thành một báo cáo hoàn chỉnh – phần đầu của kế hoạch.

(2) *Xác định thời gian thực hiện kế hoạch*: xác định thời gian của kế hoạch cũng chính là thời gian của mục tiêu dài hạn, và xác định thời gian của các mục tiêu ngắn hạn tương ứng. Trong kế hoạch cần ghi rõ thời gian bắt đầu và chương trình và ngày đánh giá (đánh giá ban đầu và dự kiến đánh giá lại). Thời gian dài hay ngắn tùy thuộc vào định hướng của người lập kế hoạch sao cho phù hợp với tình hình thực tế của trẻ và gia đình, thông thường phù hợp nhất là trong khoảng 6 tháng đến 1 năm.

(3) *Xác định những nhu cầu cần hỗ trợ của trẻ*: phần này cũng được phân tích trong KHGDCN làm căn cứ để xây dựng các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn.

(4) *Xây dựng mục tiêu dài hạn và ngắn hạn*: với những mục tiêu dài hạn và ngắn hạn đã xác định, người lập kế hoạch cụ thể hóa chúng bằng cách viết vào trong kế hoạch.

(5) *Lựa chọn các phương pháp, chiến lược thực hiện*: tùy thuộc vào đặc điểm của mỗi trẻ, nhu cầu và các mục tiêu đặt ra mà người lập kế hoạch lựa chọn các phương pháp, chiến lược phù hợp và phân tích chúng trong kế hoạch, ai sẽ là người chịu trách nhiệm cho mỗi công việc. Ví dụ, với một trẻ tự kỷ 2 tuổi chưa có ngôn ngữ, giáo viên có thể sử dụng Floor Time – làm theo sự dẫn dắt của trẻ, nhưng với một trẻ tự kỷ 5 tuổi chưa có ngôn ngữ thì phương pháp phù hợp lại là AAC – sử dụng công cụ để giúp trẻ tăng cường giao tiếp và thay thế ngôn ngữ lời nói.

(6) *Xác định lực lượng tham gia*: lực lượng tham gia được xác định sẽ có nhiệm vụ cùng nhau thống nhất tất cả các nội dung của KHGDCN và ký tên cam kết phối hợp thực hiện kế hoạch. Ghi rõ trách nhiệm công việc và quyền hạn của mỗi thành viên trong quá trình thực hiện kế hoạch.

(7) *Xác định kế hoạch đánh giá*: tùy thuộc vào thời gian thực hiện kế hoạch và thời gian thực hiện các mục tiêu ngắn mà giáo viên xác định kế hoạch đánh giá không chính thức và đánh giá chính thức định kỳ. Ví dụ, sau khi thực hiện hết một KHGDCN sẽ tiến hành đánh giá chính thức và có những đánh giá không chính thức định kỳ mỗi tháng một lần. Ai sẽ là người tiến hành đánh giá và đánh giá bằng công cụ gì.

## **THỰC HÀNH**

- (1). Tại lớp: làm việc theo nhóm, phân tích 01 mẫu kế hoạch can thiệp
- (2). Thực tế: làm việc theo nhóm, lập một kế hoạch can thiệp, trị liệu cho trẻ ở trường hợp (\*\*\*\*)

#### **4. Thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân**

Đây là giai đoạn người giáo viên can thiệp phối hợp cùng với cha mẹ, các cá bộ và chuyên gia khác (vật lý trị liệu, âm ngữ trị liệu, tâm lý, quản lý hành vi...) tiến hành thực hiện kế hoạch đã đề ra bằng cách chia nhỏ các bước và đi vào cụ thể từng nội dung, sử dụng các phương pháp, chiến lược và những tài liệu, công cụ đã được xác định.

Giai đoạn thực hiện kế hoạch chính là giai đoạn biến kế hoạch thành hành động, đòi hỏi sự nỗ lực của cả tập thể. Các thành viên trong gia đình là những người quan trọng nhất trong tập thể này.

Để can thiệp hiệu quả cần có sự tham gia tích cực của giáo viên, đặc biệt là các chuyên gia can thiệp. Sự phối hợp chặt chẽ và tuân thủ thống nhất kế hoạch ở mọi hoàn cảnh và tình huống trẻ sống, học tập, giao tiếp là điều rất quan trọng, làm được như vậy thì quá trình học và sử dụng kỹ năng hoặc hành vi mới của trẻ sẽ rất thuận lợi và nhanh chóng biến thành khả năng hiện tại của trẻ.

Hoạt động trong giai đoạn can thiệp trực tiếp có thể bao gồm nhiều loại khác nhau: các dịch vụ và thiết bị kỹ thuật hỗ trợ, phương pháp điều trị bằng hoạt động, vật lý trị liệu, dịch vụ tâm lý, dịch vụ công tác xã hội, trị liệu ngôn ngữ, huấn luyện và tư vấn gia đình, dịch vụ y tế, dịch vụ chăm sóc, dịch vụ dinh dưỡng,...

##### **4.1. Các bước thực hiện kế hoạch**

Tùy thuộc vào cách sắp xếp, tổ chức của người làm công tác can thiệp mà sẽ có thứ tự các bước khác nhau, tuy nhiên về cơ bản sẽ bao gồm các bước sau:

(1) *Thiết lập mối quan hệ với trẻ*: để kế hoạch can thiệp được thực hiện một cách có hiệu quả thì người giáo viên cũng như các chuyên gia cần tạo được mối quan hệ thân thiện, gần gũi với trẻ, khiến trẻ cảm thấy an tâm, tin

tưởng và vui vẻ trước khi thực hiện kế hoạch.

(2) *Lựa chọn các mục tiêu theo thứ tự*: trong kế hoạch can thiệp được đặt ra có rất nhiều các mục tiêu, người làm công tác can thiệp, trị liệu cần lựa chọn những mục tiêu nào cần thực hiện trước và cụ thể hóa chúng trong kế hoạch của mỗi giờ học, mỗi ngày, mỗi tuần. Sau đó tiếp tục lựa chọn và thực hiện các mục tiêu tiếp theo cho phù hợp.

(3) *Tổ chức hoạt động can thiệp theo mục tiêu*: mỗi mục tiêu cần rất nhiều các hoạt động để hướng tới nó. Nhiệm vụ của người can thiệp, trị liệu sẽ là tổ chức các hoạt động phù hợp trong mỗi giờ học phù hợp với các phương pháp, chiến lược đã lựa chọn để đạt được các mục tiêu nhỏ mỗi ngày cũng như mục tiêu của tuần, của tháng. KHGDCN không có nghĩa là trẻ chỉ được hỗ trợ cá nhân một giáo viên – một trẻ với nhau mà trong quá trình tổ chức hoạt động can thiệp, trẻ cần được đặt vào môi trường thực tế, trong mối quan hệ với tổng thể môi trường xung quanh, con người, hướng tới hòa nhập với môi trường tự nhiên và xã hội.

(4) *Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ theo nhu cầu của trẻ và gia đình*: tùy thuộc vào đặc điểm của trẻ, nhu cầu của gia đình và điều kiện cung cấp của cơ sở mà trong quá trình thực hiện kế hoạch sẽ cần cung cấp hoặc định hướng thêm các dịch vụ như vật lý trị liệu, y tế, trị liệu ngôn ngữ, trị liệu hành vi, trị liệu cảm giác... cho trẻ.

(5) *Trao đổi, thảo luận với gia đình về quá trình thực hiện*: giáo viên hay các chuyên gia can thiệp cần thường xuyên trao đổi, thảo luận với gia đình của trẻ về quá trình thực hiện, giải quyết các băn khoăn, vướng mắc hoặc chia sẻ các tiến bộ của trẻ cả ở lớp và ở nhà. Điều này sẽ giúp cho quá trình can thiệp luôn chặt chẽ và tạo động lực cho cả gia đình và người can thiệp.

(6) *Các thành viên tham gia kế hoạch trao đổi, thảo luận định kỳ*: giáo viên, các chuyên gia cần có kế hoạch trao đổi định kỳ để đánh giá kết quả hoặc bất thường nếu có vấn đề nào đó phát sinh trong quá trình can thiệp.

(7) *Đánh giá và viết báo cáo định kỳ*: đánh giá không chính thức và viết nhận xét mỗi ngày, mỗi tuần hay hàng tháng tùy thuộc vào kế hoạch làm việc của người can thiệp. Sau đó tiếp tục đặt ra mục tiêu ngắn hạn, hoạt động và chiến lược cho giai đoạn nhỏ tiếp theo.

(8) *Điều chỉnh mục tiêu, phương pháp, chiến lược phù hợp với mỗi giai đoạn nhỏ*: người thực hiện kế hoạch có thể đánh giá không chính thức vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện nếu thấy cần thiết (ngoài kế hoạch đánh giá định kỳ) và điều chỉnh mục tiêu, phương pháp, chiến lược sao cho phù hợp nhất với các thay đổi của trẻ cũng như thay đổi từ môi trường và các yếu tố tác động.

#### **4.2. Những lưu ý trong quá trình thực hiện KHGDCN**

KHGDCN cho trẻ tự kỷ được xây dựng nhằm định hướng cho toàn bộ quá trình can thiệp, trị liệu, nhưng trong quá trình đó, những người tham gia luôn cần chú ý những điều sau đây:

➤ Luôn linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn và tổ chức các hoạt động cho trẻ, điều chỉnh mục tiêu, chiến lược, phương pháp tùy theo sự thay đổi của trẻ cũng như thay đổi của môi trường.

➤ Luôn có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục

### **THỰC HÀNH**

(1). Tại lớp: làm việc theo nhóm, lựa chọn một mục tiêu và một hoạt động trong kế hoạch can thiệp của trẻ (\*\*\*\*) và tiến hành đóng vai thực hiện can thiệp, trị liệu tại lớp với thành viên trong nhóm.

(2). Thực tế: làm việc cá nhân, tiến hành can thiệp theo kế hoạch can thiệp đã lập cho đối tượng trẻ (\*\*\*\*) trong thực tế.



## **5. Đánh giá lại và điều chỉnh kế hoạch giáo dục cá nhân**

Để biết kết quả làm việc theo kế hoạch một cách xác thực, người thực hiện can thiệp sớm và các nhà chuyên môn phải thường xuyên đánh giá trẻ cũng như công việc của mình. Đánh giá là việc kiểm tra xem các mục tiêu năm và mục tiêu ngắn hạn có được hoàn thành hay không, liệu sự lựa chọn của chúng ta có đúng hay không và liệu các nội dung và phương pháp thực hiện có phù hợp hay không. Đánh giá không bao giờ chỉ là đánh giá cho trẻ mà còn cho giáo viên, cho môi trường giảng dạy và các phương pháp... Trong một KHGDCN, tiêu chí, cách thức và thời gian đánh giá luôn được nêu rõ ở từng mục tiêu năm hoặc ở phần đánh giá riêng. Kết quả của việc đánh giá sẽ tạo nên một sự bắt đầu mới và do đó lại tiếp diễn một chu trình liên tục mới. Qua kinh nghiệm thực tiễn nhiều chuyên gia thấy rằng việc giữ tính liên tục của chu trình đôi khi quan trọng hơn cả sản phẩm cuối cùng.

Việc đánh giá nhằm mục đích kiểm tra xem các mục tiêu năm và mục tiêu ngắn hạn có được hoàn thành đúng như kế hoạch đề ra hay không, các loại mục tiêu, chiến lược, phương pháp... có phù hợp với trẻ hay không. Thông qua các kết quả đánh giá, nhóm xây dựng KHGDCN có thể điều chỉnh (nếu cần thiết) về một hay nhiều khâu trong cả quá trình để đảm bảo KHGDCN được xây dựng và thực hiện hiệu quả.

## **6. Những lưu ý trong quá trình xây dựng và thực hiện KHGDCN**

➤ Thu thập đầy đủ và chính xác thông tin để có được cơ sở ban đầu về các đặc điểm, mức độ chức năng hiện tại của trẻ tự kỷ, từ đó có định hướng đúng cho quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch.

➤ Xác định được những lĩnh vực ưu tiên và quyết định những mục tiêu ưu tiên đối với trẻ cũng như lựa chọn những mục tiêu ngắn hạn và hoạt động phù hợp để đạt được mục tiêu đó.

➤ Viết dễ hiểu để mọi lực lượng tham gia thực hiện KHGDCN ở hiện

tại và tương lai có thể hiểu khi đọc và dễ dàng triển khai kế hoạch.

➤ Khi có những điều chỉnh nhất định, phải thông báo và giải thích lý do kịp thời để cha mẹ, các nhà chuyên môn có liên quan nắm được và cùng nhau phối hợp hiệu quả.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quy trình xây dựng KHGDCN gồm bao nhiêu bước, là những bước nào?
2. Những thông tin nào cần được thu thập trước khi xây dựng KHGDCN?
3. Những phương pháp thu thập thông tin ban đầu thường được sử dụng?
4. Những căn cứ để xây dựng mục tiêu hỗ trợ cho trẻ tự kỷ là gì? Có những loại mục tiêu nào? Các tiêu chí của một mục tiêu hiệu quả là gì?
5. Vùng phát triển gần là gì? Ý nghĩa của vùng phát triển gần trong việc xây dựng kế hoạch hỗ trợ cho trẻ tự kỷ?
6. Các bước để lập KHGDCN cho trẻ tự kỷ?
7. Khi nào cần đánh giá lại và điều chỉnh KHGDCN? Ý nghĩa của việc đánh giá lại và điều chỉnh?

## PHẦN 3: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC CHIẾN LƯỢC, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT CƠ BẢN HỖ TRỢ CHO TRẺ TỰ KỶ

### I. CÁC CHIẾN LƯỢC DẠY HỌC CƠ BẢN CHO TRẺ TỰ KỶ

Tùy thuộc vào mỗi phương pháp, chương trình mà người can thiệp lựa chọn sẽ có các phương pháp, chiến lược tương ứng phù hợp. Có khi, hai phương pháp khác nhau sẽ sử dụng các chiến lược trái ngược nhau. Ví dụ, Floor time sẽ dạy trẻ tại sàn và làm theo sự dẫn dắt của trẻ nhưng Jasper vẫn làm theo sự dẫn dắt của trẻ nhưng phối hợp với kỹ thuật tạo nhịp chơi và mở rộng nhịp chơi, và chỉ để trẻ hoạt động trong một khu vực nhỏ. Sau đây là một số chiến lược, kỹ thuật cơ bản nhất và được sử dụng phổ biến trong quá trình can thiệp cho trẻ tự kỷ.

#### 1. Các chiến lược cơ bản

- Để trẻ là nhân vật chính

(1) Quan sát: luôn quan sát những gì trẻ làm, trẻ biểu hiện để nhận ra các cảm xúc, nhu cầu của trẻ và có tác động kịp thời.

(2) Chờ đợi: tạo khoảng thời gian chờ đợi 3 – 5 giây để trẻ có cơ hội bày tỏ bản thân theo cách riêng của trẻ hoặc phản ứng lại với các kích thích của người lớn.

(3) Lắng nghe: chúng ta luôn lắng nghe để khuyến khích trẻ bày tỏ bản thân, hiểu trẻ cần gì và trẻ cảm thấy thế nào.

- Tham gia chơi cùng trẻ

(1) Giao tiếp mặt đối mặt: luôn điều chỉnh tư thế của bản thân để tạo giao tiếp mặt đối mặt, giúp trẻ dễ dàng chia sẻ ánh mắt và quan sát các biểu hiện trên khuôn mặt của người lớn. Đồng thời cũng giúp chúng ta có thể quan sát thấy các nét mặt của trẻ, giúp trẻ cảm thấy chúng ta đang trò chuyện, giao

tiếp chứ không phải chỉ nói một mình.

(2) **Bắt chước:** hãy bắt chước những hành động, âm thanh trẻ tạo ra để trẻ hiểu rằng người lớn ở đó để chơi cùng, những hành động và âm thanh của trẻ có ý nghĩa, dần dần trẻ sẽ cảm thấy thú vị và có chú ý. Mặt khác, trước khi muốn dạy trẻ bắt chước thì người can thiệp cần giúp trẻ thấy được “bắt chước” trông như thế nào.

(3) **Diễn giải, nhận xét:** thay vì sử dụng nhiều câu hỏi với trẻ thì người can thiệp nên nói về những gì đang diễn ra, gán cho những hành động, âm thanh của trẻ những mục đích, ý nghĩa theo ý chủ quan của người can thiệp.

(4) **Cung cấp ngôn ngữ:** lời nói của người can thiệp cần hướng tới các tiêu chí: nói chậm, nói ít, tập trung vào những từ khóa chính và lặp đi lặp lại các từ khóa đó, luôn luôn có hình ảnh, trực quan minh họa cho lời nói.

## ***2. Quá trình dạy học và các kỹ thuật cơ bản***

Thông thường quá trình dạy học cho trẻ tự kỷ của mỗi giáo viên bao gồm 3 giai đoạn: trước khi trẻ thực hiện hoạt động, trong khi trẻ hoạt động và sau khi trẻ thực hiện hoạt động. Với mỗi giai đoạn lại có những kỹ thuật dạy học khác nhau.

### **(1) Trước khi trẻ thực hiện hoạt động**

➤ **Làm mẫu:** đây là kỹ thuật cơ bản và quan trọng được sử dụng trong giai đoạn này. Mẫu ở đây có thể là lời nói, cử chỉ điệu bộ hay các thao tác cụ thể trên đồ vật. Tùy thuộc vào khả năng của trẻ và mục đích dạy học mà người can thiệp sẽ lựa chọn chỉ làm mẫu lời nói, cử chỉ điệu bộ, thao tác hay kết hợp cùng một lúc các loại mẫu này với nhau. Ví dụ: khi dạy trẻ mặc áo, giáo viên phải vừa nói vừa cầm áo lên đúng cách, xỏ tay trái của mình vào tay trái của áo, rồi lần lượt đến tay phải,... Nhưng trong trò chơi xếp hình thì giáo viên thường chỉ sử dụng kỹ thuật làm mẫu thao tác.

### **(2) Trong quá trình trẻ thực hiện hoạt động**

➤ Gọi ý: đây là kỹ thuật cơ bản nhất thường được sử dụng trong quá trình trẻ thực hiện hoạt động. Có các loại hỗ trợ, gọi ý như sau:

+ Gọi ý bằng lời: người can thiệp sử dụng lời nói để gọi ý cho trẻ cách phản ứng. Ví dụ: con nhặt bỏ vào hộp. Với loại gọi ý này người can thiệp có thể

sử dụng để gọi ý từ xa, và cho một nhóm trẻ. Nhưng loại gọi ý này có hiệu quả khi trẻ có khả năng nghe hiểu ngôn ngữ và làm theo.

+ Gọi ý bằng hình vẽ, ảnh hoặc ngôn ngữ viết: các hình vẽ hay hình ảnh giúp trẻ biết cách thực hiện một hành vi. Chúng có thể để hướng dẫn toàn bộ nhiệm vụ hoặc chỉ hướng dẫn một hay một số bước trong nhiệm vụ. Có thể sử dụng kèm ngôn ngữ viết nếu trẻ có khả năng đọc. Loại gọi ý này có thể được sử dụng một cách dễ dàng, không đòi hỏi trẻ có khả năng đọc hay hiểu ngôn ngữ lời nói tốt.

+ Gọi ý bằng cử chỉ, kí hiệu: các cử động hoặc ký hiệu được thực hiện nhằm hướng trẻ vào một điều gì đó liên quan đến nhiệm vụ. Ví dụ, chỉ vào đồ vật mà giáo viên muốn trẻ lấy. Loại gọi ý này giúp trẻ dễ dàng thực hiện, ngay cả với những trẻ đang ở mức phát triển thấp nhưng lại đòi hỏi trẻ phải có kỹ năng quan sát và làm theo hướng dẫn.

+ Gọi ý thông qua làm mẫu: làm mẫu một hành vi mục tiêu để trẻ có thể bắt chước. Loại gọi ý này thường liên quan đến các cử động/vận động. Ví dụ làm mẫu một bước trong quy trình xỏ dây giày hoặc làm mẫu toàn bộ quá trình. Theo loại gọi ý này, tính phức tạp của việc làm mẫu có thể được điều chỉnh để phù hợp với trình độ của trẻ. Tuy nhiên, nhược điểm của nó là đòi hỏi trẻ có khả năng chú ý và duy trì chú ý và bắt chước, nếu làm mẫu quá dài sẽ gây khó khăn cho trẻ trong việc bắt chước.

+ Gọi ý mang tính thể chất một phần: chạm, vỗ, hoặc nhẹ nhàng hoặc kéo/ấn bàn tay, căng tay, căng chân...của trẻ, được sử dụng để giúp trẻ bắt

đầu một phản ứng hoặc một chuỗi phản ứng. Nên tuân theo nguyên tắc “gợi ý càng ít càng tốt”. Loại gợi ý này giúp kiểm soát được phản ứng của trẻ mà không phải sử dụng quá nhiều sự tiếp xúc trực tiếp, rất hữu ích khi trẻ có vấn đề về thị giác. Tuy nhiên, một trẻ sẽ không thích người khác tiếp xúc trực tiếp lên cơ thể mình.

+ Gợi ý mang tính thể chất toàn phần: hướng dẫn toàn phần thường liên quan đến việc trợ giúp trực tiếp bằng tay, ví dụ cầm tay trẻ để hướng dẫn vẽ, giữ tay để giúp trẻ tập đi. Loại gợi ý này cho phép kiểm soát toàn phần phản ứng của trẻ, nhờ vậy giảm được số lỗi mà trẻ mắc phải. Tuy nhiên lại mang tính can thiệp sâu, không tự nhiên và đôi khi có vẻ kỳ cục trước mọi người, và sẽ gây khó chịu cho một số trẻ.

➤ Chờ đợi: là khoảng thời gian cho phép trẻ phản ứng mà không cần trợ giúp hoặc cho phép trẻ phản ứng theo một kích thích. Nếu không có cơ hội để làm quen với việc tự phản ứng, trẻ có thể bị phụ thuộc vào gợi ý và không học được các phản ứng mục tiêu. Độ dài của chờ đợi phản ứng phụ thuộc chủ yếu vào trẻ và có thể phụ thuộc vào chính phản ứng hay các bước thực hiện nhiệm vụ. Thông thường, phù hợp nhất sẽ là từ 3 – 5 giây. Giai đoạn chờ phản ứng được đưa ra cả trước và sau khi trẻ được trợ giúp. Nếu trẻ mắc lỗi trước khi giai đoạn chờ đợi phản ứng kết thúc, phải nhẹ nhàng can thiệp bằng gợi ý lần 2 với mức độ trợ giúp cao hơn.

➤ Giảm dần hỗ trợ/gợi ý: là quá trình thay đổi từ những gợi ý thực hiện nhiệm vụ ở mức độ cao thành những gợi ý mức độ thấp hơn, mang tính tự nhiên hơn, đồng thời không làm tăng số lượng lỗi của trẻ, hoặc không làm giảm khả năng thực hiện nhiệm vụ của trẻ. Có thể giảm dần gợi ý theo nhiều cách, như giảm số lượng các gợi ý (từ chỗ làm mẫu kết hợp hướng dẫn bằng lời đến chỉ còn hướng dẫn bằng lời), giảm lượng thông tin của gợi ý hoặc giảm sự kiểm soát mang tính thể chất.

(3) Sau khi trẻ thực hiện hoạt động

➤ **Củng cố:** khi trẻ được hướng dẫn và thực hiện xong hoạt động, giáo viên cần tiến hành củng cố sao cho trẻ có thể ít nhiều nhận biết được mình đã thực hiện đúng hoặc chưa đúng ở thao tác nào, đồng thời qua đó thật khéo léo tạo cho trẻ cảm giác dễ chịu, phấn khích để có động cơ tiếp tục cố gắng.

+ **Khen ngợi:** sử dụng lời nói một cách tự nhiên để khen ngợi. Mọi trẻ đều thích nhận được lời khen nhưng lời khen có thể trở thành nhàm chán. Vì vậy giáo viên cần linh hoạt và sáng tạo trong cách khen và giúp trẻ hiểu mình đang được khen.

+ **Chạm tay hay vỗ về:** giáo viên có thể thể hiện sự hài lòng của mình với thành công của trẻ bằng một cử chỉ thân thiện.

+ **Thưởng bằng đồ vật**

+ **Thưởng bằng hoạt động**

## **II. MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH/PHƯƠNG PHÁP CAN THIỆP/HỖ TRỢ CHO TRẺ TỰ KỶ**

### **1. Một số chương trình/phương pháp can thiệp/hỗ trợ cho trẻ tự kỷ**

#### ***a) 101 bài tập can thiệp hành vi cho trẻ tự kỷ***

Đây là hệ thống bài tập can thiệp cho trẻ tự kỷ được thiết kế bởi Catherine Maurice, người Pháp. Hệ thống bài tập này không chỉ cung cấp kiến thức, kỹ năng cho trẻ tự kỷ mà mục đích quan trọng của hệ thống bài tập này là giúp quản lý hành vi của trẻ trong quá trình dạy học.

Các bài tập tập trung vào các lĩnh vực: vận động thô, vận động tinh, nhận thức, ngôn ngữ và tương tác – xã hội. Tuy nhiên với mỗi bài tập không chỉ hướng tới các kỹ năng ở riêng lĩnh vực nào mà cung cấp và đòi hỏi trẻ biết phối hợp nhiều kỹ năng khác nhau.

Hệ thống bài tập giúp cho giáo viên, những nhà trị liệu cũng như cha mẹ của trẻ dễ dàng lên kế hoạch can thiệp cho trẻ tự kỷ, đồng thời trong mỗi bài có hướng dẫn cụ thể về các bước tiến hành, công cụ sử dụng, các chiến lược, kỹ thuật...và có sẵn các bảng ghi chép để người dạy có thể theo dõi và đánh giá kết quả của mỗi bài dạy.

Trong quá trình sử dụng, người can thiệp cần phải tuân theo các bước và các kỹ thuật đã được hướng dẫn cụ thể trong mỗi bài tập.

### ***b) PEP-R***

Pep-R là bộ công cụ cung cấp một phương pháp đo lường có giá trị về khả năng của trẻ tự kỷ và khuyết tật phát triển. Pep-R được sử dụng phù hợp nhất cho trẻ ở mức độ phát triển từ 6 tháng đến 7 tuổi, nếu trẻ lớn hơn 7 tuổi và nhỏ hơn 12 tuổi thì Pep-R cũng có thể cung cấp những thông tin có ích, nhất là với một số kỹ năng phát triển bằng hay ở dưới mức độ lớp một.

- *Được sử dụng để đánh giá*

Pep-R sẽ cung cấp thông tin trong 131 tiểu mục được phân chia về 7 lĩnh vực phát triển của một cá nhân bao gồm: Bất chước; Tri giác; Vận động tinh; Vận động thô; Phối hợp tay mắt; Nhận thức thể hiện; Nhận thức ngôn ngữ.

Pep-R cũng được thiết kế để nhận dạng những hành vi không phù hợp diễn hình ở trẻ tự kỷ trong 4 lĩnh vực hành vi với 42 tiểu mục: Quan hệ và ảnh hưởng; Chơi và quan tâm đến vật liệu chơi; Đáp ứng cảm giác và ngôn ngữ. Công cụ sử dụng để đánh giá của Pep-R gồm một nhóm đồ chơi và các tài liệu học tập được tiến hành trên trẻ bằng những hoạt động có tổ chức.

Người kiểm tra quan sát, đánh giá và ghi lại những đáp ứng của trẻ trong quá trình đánh giá. Tóm tắt kết quả đánh giá miêu tả được điểm mạnh, điểm yếu của trẻ trong các lĩnh vực phát triển và hành vi. Không chỉ đánh giá trẻ theo chỉ số Đạt hay Không đạt, Pep-R cung cấp một chỉ số thứ 3 đó là Có



khả năng. Một đáp ứng của trẻ được xem là có khả năng khi nó thể hiện rằng trẻ đã có một số hiểu biết cần thiết để thực hiện bài tập nhưng chưa có hiểu biết đầy đủ và những kỹ năng cần thiết để thực hiện thành công. Trẻ tự kỷ không chỉ liên quan đến những hạn chế phát triển mà còn có cả những hành vi không phù hợp.

- *Được sử dụng để can thiệp*

Hệ thống bài tập của Pep-R được xây dựng dựa trên 7 lĩnh vực phát triển giống như thang đánh giá, bao gồm: Bắt chước (27 bài tập); Tri giác (23 bài tập); Vận động tinh (26 bài tập); Vận động thô (42 bài tập); Phối hợp tay mắt (36 bài tập); Nhận thức thể hiện (31 bài tập); Nhận thức ngôn ngữ (35 bài tập). Ngoài 7 lĩnh vực phát triển, Pep-R còn xây dựng các bài tập để dạy trẻ kỹ năng tự phục vụ (19 bài tập), kỹ năng xã hội (23 bài tập) và hành vi.

Trong phần hành vi, Pep-R đưa ra 5 vấn đề hành vi bất thường mà chúng ta thường thấy ở trẻ tự kỷ và trẻ khuyết tật phát triển là: Tự xâm hại bản thân, như hành vi cắn tay, đập đầu; Gây hấn, ví dụ như hành vi đánh và khạc nhổ vào người khác; Phá rối, như ném đồ vật, la khóc, rời khỏi bàn; Các hành vi định hình, như liên tục cho đồ vật vào miệng, hỏi các câu hỏi lặp lại; Các hành vi hạn chế như bốc đồng, hạn chế khả năng khởi xướng, né tránh các tương tác thể chất, tập trung chú ý kém, không chấp nhận sự thay đổi thói quen.

Pep-R cũng đưa ra minh họa về các kỹ thuật quản lý hành vi được cho là có tác dụng với các trường hợp điển hình về các vấn đề hành vi. Như vậy, thang đánh giá được thiết kế như một công cụ giáo dục để lập kế hoạch chương trình giáo dục cá nhân cho trẻ tự kỷ và khuyết tật phát triển.

### *c) Denver*

ESDM-Mô hình can thiệp sớm Denver là một phương pháp can thiệp lấy sự quan hệ giao tiếp và mốc phát triển làm nền tảng và sử dụng những kỹ

thuật dạy của ABA- Phân tích hành vi ứng dụng. Mục tiêu là để giúp trẻ tiến bộ về giao tiếp xã hội – giao tiếp, nhận thức và ngôn ngữ – cho trẻ tự kỷ còn nhỏ tuổi, và để giảm thiểu các hành vi điển hình của tự kỷ. ESDM -Mô hình can thiệp sớm Denver thích hợp với trẻ tự kỷ hoặc có những triệu chứng của tự kỷ khi chúng còn nhỏ khoảng 12 tháng đến tuổi sắp đi học.

Nội dung của chương trình can thiệp cho mỗi trẻ được dựa trên đánh giá toàn diện bằng danh sách rà soát ESDM bao gồm tất cả các lĩnh vực trong giai đoạn phát triển sớm như: kỹ năng nhận thức, ngôn ngữ, hành vi giao tiếp, bắt chước, những kỹ năng vận động, kỹ năng tự phục vụ và hành vi thích nghi. Người thực hiện chương trình ESDM - Mô hình can thiệp sớm Denver thường tập trung vào những hành vi nhằm dành lấy và duy trì chú ý của trẻ, nuôi dưỡng động lực giao tiếp của trẻ thông qua các nếp sinh hoạt vui nhộn hàng ngày, sử dụng các hoạt động cùng chơi đùa làm phương tiện để trị liệu, phát triển giao tiếp có lời và không lời, bắt chước, cùng chia sẻ mối quan tâm, và sử dụng các tương tác, đợi lượt trong các sinh hoạt cùng nhau để nuôi dưỡng khả năng học hỏi từ người khác.

ESDM -Mô hình can thiệp sớm Denver có thể được cung cấp bởi những nhà phân tích hành vi ESDM đã được đào tạo, các giáo viên giáo dục đặc biệt, nhà trị liệu ngôn ngữ và những người can thiệp khác. Các bậc phụ huynh cũng có thể được hướng dẫn để sử dụng những chiến lược của chương trình ESDM -Mô hình can thiệp sớm.

Chương trình ESDM -Mô hình can thiệp sớm Denver thường bao gồm 20-25 giờ hoặc hơn mỗi tuần theo lịch trình đã định. Các gia đình được khuyến khích sử dụng những nguyên lý của chương trình ESDM – Mô hình can thiệp sớm Denver vào trong đời sống thường nhật.

ESDM – Mô hình can thiệp sớm Denver được dàn dựng để trẻ thấy cuốn hút và thích thú, các kỹ năng được dạy một cách có hệ thống thông qua hoạt động chơi tự nhiên. Một số kỹ năng được dạy khi ngồi chơi, một số kỹ

năng khác được dạy trên bàn, tập trung vào những hoạt động có cấu trúc chặt chẽ. Khi trẻ đã phát triển các kỹ năng xã hội, bạn bè cùng lứa và anh chị em sẽ tham gia vào trong các buổi trị liệu để thúc đẩy mối quan hệ bạn bè. ESDM - Mô hình can thiệp sớm Denver có thể được tiến hành ngay tại nhà, các cơ sở can thiệp, hoặc các trường mẫu giáo cho trẻ từ 1-3 tuổi.

***d) TEACCH (Trị liệu và giáo dục cho trẻ tự kỷ và trẻ khuyết tật giao tiếp)***

Phương pháp này được Eric Schopler xây dựng vào năm 1966 tại Trường Đại học Bắc Carolina. Ngày nay, tên của phương pháp này đã phản ánh sự lạc hậu về thuật ngữ mặc dù các nguyên tắc vẫn được cho là rất quan trọng. Nó nhấn mạnh đến các chương trình dạy cá nhân, giáo dục kỹ năng xã hội, dạy học theo cấu trúc, dạy tổng quát (một lĩnh vực rất khó khăn của trẻ tự kỷ và Hội chứng Asperger) và trị liệu hành vi nhận thức (trong đó các nguyên tắc của tâm lý được ứng dụng với trẻ tự kỷ). Có bằng chứng đáng xem xét cho thấy hướng tiếp cận theo cấu trúc để dạy trẻ tự kỷ là có hiệu quả, đặc biệt là khi thông tin được trình bày dưới dạng minh bạch và hình thức nhất quán cao.

***e) Chương trình Son-rise (“Các lựa chọn”)***

Chương trình này được Barry và Samahria Kauffman (cha mẹ của một trẻ tự kỷ có tên là Raun) xây dựng vào đầu những năm 1980 ở New York. Tiếp theo cuốn sách và bộ phim thành công họ đã thành lập một Trung tâm trị liệu tự kỷ của Mỹ tại đó có cung cấp chương trình Son-rise. Phương pháp này chủ trương học ở nhà dựa trên mối quan hệ một-một giữa trẻ và giáo viên, trong đó giáo viên hướng theo sự dẫn dắt của trẻ. Phương pháp này dường như có hiệu quả bởi vì rất nhiều trẻ tự kỷ hoặc Hội chứng Asperger có thể thực hiện được những giao tiếp xã hội một-một nhưng lại gặp khó khăn trong các nhóm xã hội phi cấu trúc. Thậm chí ngay cả trong các mối quan hệ một-một, chúng cũng thường thích được kiểm soát, vì vậy nếu giáo viên hướng theo sự dẫn dắt của trẻ thì điều đó có nghĩa là trẻ sẽ cảm thấy bớt lo âu. Hơn

nữa, ngoài việc kỳ vọng đưa trẻ mắc tự kỷ hoặc hội chứng Asperger tham gia vào thế giới bình thường thì giáo viên cũng nỗ lực hết sức để tham gia vào thế giới của người tự kỷ. Hiểu theo cách thông thường thì nó cho phép trẻ được là chính mình hơn là nhấn mạnh rằng chúng trở nên khác biệt.

Đã có những phê phán đối với phương pháp này đó là có thể dẫn tới việc trẻ duy trì thế giới tự kỷ. Trái lại điều này người ta có thể hình dung được rằng việc xây dựng lòng tin ở một người lớn có thể cho phép một trẻ tự kỷ học được rất nhiều điều về thế giới mà chúng đang lảng tránh. Điều được coi là nhân tố hàng đầu cuối cùng đó là người lớn phải là những cá nhân đáng tin cậy, những người có thể hành động như những thông dịch viên giữa thế giới của những trẻ mắc chứng tự kỷ và thế giới của người bình thường, giải thích nó cho trẻ nhiều như một nhà nhân loại học tham gia vào một nền văn hóa nước ngoài với vai trò “người cung cấp tin” đáng tin cậy. Không có một đánh giá chính thức nào của phương pháp này.

#### ***f. AAC (phương pháp giao tiếp tăng cường và thay thế)***

Giao tiếp tăng cường và thay thế (AAC) là một loạt hệ thống hoặc chiến lược được sử dụng để hỗ trợ giao tiếp cho những người không có lời nói hoặc lời nói đó quá khó hiểu. Thuật ngữ “tăng cường” tức là bổ sung hoặc thêm vào lời nói. Thuật ngữ “thay thế” thường được sử dụng cho những cá nhân bị suy giảm đáng kể về lời nói. Những cá nhân đó phải phụ thuộc hoàn toàn vào kỹ thuật này để giao tiếp. AAC bao gồm nhiều phương pháp và hình thức khác nhau, được chia thành hai nhóm chính là AAC có hỗ trợ và AAC không hỗ trợ. AAC không hỗ trợ là hình thức chỉ sử dụng nét mặt và cơ thể mà không kèm theo những công cụ khác, ví dụ: dấu hiệu, ngôn ngữ cơ thể, giao tiếp mắt, biểu cảm nét mặt, cử chỉ. AAC có hỗ trợ là giao tiếp cần có những công cụ như tranh ảnh, biểu tượng, chữ viết, bảng giao tiếp hoặc sách. Thông tin được truyền tải bởi hình ảnh vẫn giữ nguyên và duy trì trong một thời gian đủ lâu mà có thể hỗ trợ trẻ dễ dàng nhận biết và hiểu trong một

khoảng thời gian ngắn và thay đổi liên tục.

Mục đích cơ bản của hệ thống AAC là cung cấp chức năng và hiệu quả giao tiếp. Do đó, AAC có thể tạo cơ hội cho trẻ có những vấn đề về giao tiếp nghiêm trọng hiểu được những gì đang được giao tiếp và diễn đạt với người khác. AAC hỗ trợ phát triển những khả năng về nhận thức, xã hội và học tập qua việc gia tăng hiệu quả giao tiếp. Giảm những vấn đề về hành vi mà những hành vi đó là hậu quả của sự thất vọng do không thể thực hiện được những nhu cầu giao tiếp. Gia tăng sự hài lòng cho trẻ khi thông điệp đưa ra được cộng sự giao tiếp hiểu và đáp ứng.

Hơn nữa, giao tiếp thông qua sử dụng những chiến lược AAC cũng giúp trẻ tăng sự tham gia các hoạt động hàng ngày ở nhà, lớp học, nơi vui chơi...và từng bước cải thiện chất lượng cuộc sống.

Hệ thống AAC bao gồm một loạt các chiến lược khác nhau, nhiều chiến lược phù hợp sử dụng cho lớp học. Tùy theo mục đích và khả năng của trẻ, giáo viên có thể chọn lựa những chiến lược dưới đây:

- Kế hoạch bằng hình ảnh
  - + Thời gian biểu
  - + Chuỗi hoạt động
  - + Lịch
- Trước tiên – sau đó
- Bảng lựa chọn
- Hệ thống giao tiếp thông qua trao đổi tranh (PECS)
- Bảng/sách hỗ trợ ngôn ngữ và giao tiếp (ALD)
- Phát triển khái niệm
- Câu chuyện xã hội

## 2. Các phương pháp trị liệu khác

### a) *Trị liệu âm nhạc.*

Có rất nhiều báo cáo về những tác động tích cực của trị liệu âm nhạc. Điều này có thể xuất phát từ việc không cần bàn cãi đó là âm nhạc là một hệ thống và chúng ta đã biết về việc trẻ thuộc hội chứng tự kỷ và Asperger thích các thông tin mang tính cấu trúc cao hoặc mang tính hệ thống hoặc có thể đoán trước được, một số trẻ thuộc hội chứng tự kỷ hoặc Asperger thực sự có tài năng khi trở thành một nhà phân tích, viết nhạc hoặc mô phỏng lại âm nhạc.

Một ví dụ nổi tiếng đó là chàng trai trẻ người anh Derek Paravacini, người không chỉ mắc tự kỷ mức độ nặng mà còn là một người mù hoàn toàn. Mặc dù bị hai loại khuyết tật nhưng anh đã gây sững sốt có khán giả trên toàn thế giới với những bản nhạc kịch vĩ đại thể loại nhạc jazz mà anh có thể chơi trên đàn piano, hoàn toàn chỉ bằng trí nhớ. Anh đã chơi nhạc cùng với người thầy dạy nhạc Jools Holland tại buổi hòa nhạc ở Cambridge vào tháng 9 năm 2006 (ảnh 7.1), cho thấy anh có thể xử dụng âm nhạc để tương tác và phản ứng với những điều mới lạ. Anh thực sự là một nhà bác học về những kỹ năng âm nhạc của mình là cách không nằm trong phạm vi các kỹ năng khác của anh. (Anh không thể sống độc lập hoặc tự lập trong bất kỳ vấn đề gì và cần hỗ trợ đối với mọi chức năng).

Trong khi rất nhiều người thuộc hội chứng tự kỷ hoặc Asperger không có các kỹ năng bác học trong lĩnh vực này thì lại có rất nhiều người có thể hứng thú với việc sao chép lại âm nhạc và tìm thấy nó như một sân chơi để họ có thể tham gia với những người khác, thậm chí chỉ là hình thức một-một. Đó có thể là cách có tác động mạnh trong việc dạy kỹ năng luân phiên, nếu bài học âm nhạc được thiết kế với cấu trúc kiểu hội thoại. Trong khi hội thoại bằng ngôn ngữ nói có thể quá khó đối với một số người bị tự kỷ hoặc Asperger, bởi vì họ sẽ không có phần kết ngay cả đối với những cuộc nói chuyện phiếm hay những câu chuyện nhỏ, thì âm nhạc có thể làm giảm bớt số

lượng của những định hướng khả năng mà tương tác có thể xa đà vào, bởi vì nó là một chi phối có nguyên tắc. Bởi vậy có rất nhiều trường học cho người tự kỷ đã cung cấp các giờ trị liệu âm nhạc.

### ***b) Trị liệu nghệ thuật.***

Hiện nay trị liệu nghệ thuật cũng là một hình thức được biết đến rộng rãi và được sử dụng trong các trường giành cho trẻ tự kỷ hoặc Asperger. Một lần nữa, nó được xây dựng dựa trên điểm mạnh của những người bệnh phổ tự kỷ, vì có rất nhiều người thuộc phổ tự kỷ thích suy nghĩ bằng thị giác hơn là bằng từ ngữ. (Temple Grandin, một phụ nữ bị tự kỷ, một phó giáo sư về khoa học động vật tại trường đại học bang Colorado, đã mô tả những tư duy hình ảnh trong cuốn sách của mình Tư duy bằng tranh). Kỹ năng nghệ thuật cũng có thể phát triển theo cách hệ thống hóa cao như một số người tự kỉ có thể vẽ đi vẽ lại hàng trăm bức tranh giống y hệt nhau cho đến tận khi họ có được một kỹ thuật hoàn hảo.

Chúng ta nên nhận thấy phần lớn những người tự kỷ hoặc Hội chứng Asperger không phát triển những kỹ năng nghệ thuật thị giác ở mức độ cao như vậy. Tuy nhiên họ có thể tham gia trị liệu nghệ thuật như là một cơ hội để tương tác với những người khác mà không cần có sự cấu thành của ngôn ngữ lời nói mạnh mẽ và đạt được các thành quả trong những tác phẩm của mình.

### ***c) Trị liệu ngôn ngữ và lời nói***

Trị liệu ngôn ngữ được coi là phần cốt yếu trong chương trình dạy học ở các trường giành cho trẻ tự kỷ và Hội chứng Asperger. Vì trong các lớp tự kỷ thì hầu hết là có sự chậm chễ về ngôn ngữ. Trị liệu ngôn ngữ có mục đích nhằm giảm thiểu tối đa sự chậm chễ về ngôn ngữ. Điều này đặc biệt quan trọng bởi vì có ngôn ngữ trước 5 tuổi là một căn cứ để dự đoán tiên lượng về mức độ ngôn ngữ ở những năm trẻ lớn hơn.

Các nhà trị liệu ngôn ngữ không chỉ tập trung cụ thể vào từ ngữ và các kỹ năng từ vựng mà còn tập trung vào các kỹ năng xã hội như cùng chú ý (chỉ và nhìn theo tay chỉ). Bởi vì cùng chú ý là yếu tố nền tảng đối với các kỹ năng xã hội (bao gồm cả việc hiểu ý nghĩ hay thuyết tâm trí) và giao tiếp. Trong khi cùng chú ý, trẻ và người lớn thiết lập một chia sẻ tập trung chú ý vào một đối tượng. Về khía cạnh đối thoại thì điều này tương đương với việc thiết lập một *chủ đề*. Có một điểm nhỏ trong việc dạy từ ngữ về các thứ nếu trẻ không có khái niệm về một vật hoặc sự kiện của chủ đề giao tiếp. Các nhà trị liệu ngôn ngữ không chỉ tập trung vào khả năng của trẻ để làm tăng vốn từ ngữ (mặc dù điều này rất quan trọng) mà còn phải tập trung vào việc kỹ năng ngôn ngữ đó được sử dụng như thế nào. Sự kế thừa này giúp trẻ về khả năng thực tế, hay sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống xã hội.

Liên quan đến điều này sẽ giúp trẻ hiểu các ngôn ngữ không lời (như phép ẩn dụ, sự mỉa mai châm biếm, sự hài hước hóm hỉnh, ngôn ngữ bóng bẩy và chế nhạo). Có các lĩnh vực ngôn ngữ phụ thuộc vào khả năng hiểu không chỉ với các từ ngữ được nói hay viết ra mà còn phải hiểu cả những dự định của người nói (dự định của những trò đùa), một lĩnh vực mà ngay cả đối với những người tự kỷ chức năng cao cũng có khó khăn để nắm bắt được.

Một số nhà trị liệu ngôn ngữ sẽ dạy Makaton (sử dụng điểm đơn giản hóa từ ngữ của 450 khái niệm) hoặc tập trung vào việc sử dụng hệ thống phi phát âm trong giao tiếp như ngôn ngữ ký hiệu, nếu trẻ tiến bộ rất ít với ngôn ngữ nói. Một phương pháp được đánh giá hiệu quả và phổ biến sử dụng đó là Hệ thống giao tiếp bằng tranh (PECS), trong đó trẻ dùng một bức tranh để thể hiện yêu cầu đối với một đồ vật hoặc một việc mà trẻ muốn. Với các nguyên tắc rõ ràng có lẽ là lý do vì sao phương pháp này thành công và trở thành một hệ thống lớn mạnh.

#### ***d) Các dịch vụ giáo dục***



Giáo dục vẫn là một phương pháp quan trọng trong can thiệp đối với người thuộc phổ tự kỷ. Điều này đúng với cả trẻ em có chức năng thấp và những trẻ cần tham gia vào một trường đặc biệt và với nhóm trẻ mắc tự kỷ hay trẻ mắc Hội chứng Asperger đều là những trẻ cần có giáo viên hỗ trợ dạy học riêng để giúp chúng theo học ở những lớp học bình thường, hay tham gia vào một lớp học đặc biệt hoặc các nhóm giành cho trẻ tự kỷ.

**e) *Trị liệu kỹ năng sống và trị liệu nghề.***

Trị liệu kỹ năng sống hàng ngày có một vai trò quan trọng trong các hoạt động thể chất theo nhóm. Vẫn chưa lý giải được đâu là điều quan trọng của phương pháp này, mặc dù có thể xuất phát từ việc lấy quan điểm là tính hệ thống hóa cao ở tự kỷ và hội chứng Asperger để xây dựng cấu trúc cho các hoạt động thể chất theo nhóm là cách dễ thích nghi với xã hội hơn là những tình huống xã hội phi cấu trúc (chơi tự do). Một hướng tiếp cận lớn hơn đó là trị liệu hướng nghiệp, một phương pháp có giá trị trong việc hỗ trợ các cá nhân trong phạm vi lớn hơn của các hoạt động hàng ngày.

**f) *Các thiệp sớm hành vi tích cực***

Hình thức tiếp cận này tập trung vào các kỹ năng nhạy bén sử dụng các phần thưởng (căn cứ vào những gì mà mỗi trẻ sẽ “làm” để có được phần thưởng). Một ví dụ rất phổ biến đó là phương pháp ABA (Phân tích hành vi thích ứng) và một phiên bản do các nhà tâm lý Ivar Lovass thuộc California đánh giá. Treehouse ở London và Help Group ở Los Angeles là những trường đi đầu trong việc ứng dụng ABA.

Phương pháp ABA nguyên bản trong những năm 1970 có được xuất bản có cả hình phạt và phần thưởng (căn cứ vào thuyết học tập hoặc hành vi). Thật may mắn là việc sử dụng hình phạt đã không còn là một đặc điểm của phương pháp này nữa. ABA được áp dụng cả ở nhà và ở trường kể từ khi có một số người ứng dụng ABA tin rằng nó cần phải làm “suốt ngày đêm”, với khoảng 40 giờ một tuần với một trẻ. Điều này đòi hỏi có một nhóm chuyên

gia ABA để có thể liên tục duy trì. Vẫn chưa biết được liệu các lợi ích có thể xuất hiện nếu thời gian can thiệp ít hơn 40 giờ một tuần hay không. Hầu hết các nghiên cứu cho thấy phương pháp này đạt được các lợi ích.

***g) Đạy kỹ năng xã hội và hiểu ý nghĩ.***

Điểm mấu chốt của các cách tiếp cận giáo dục đối với tự kỷ và hội chứng Asperger đó là dạy các kỹ năng xã hội. Một số nơi thực hiện thông qua trị liệu kịch và trò chơi đóng vai, những phương pháp có thể rất thách thức đối với một số trẻ tự kỷ hoặc Hội chứng Asperger. Một số khác lại dạy các kỹ năng xã hội theo một cách thời thượng hơn, dạy các hành vi xã hội đặc thù (như giao tiếp mắt, không đứng quá gần người khác, hoặc không nói quá to) hoặc các quy tắc xã hội đặc thù (như giữ cửa cho người khác, giữ chuông điện thoại reo trong bao lâu trong khi chờ người khác nhắc máy trả lời, hoặc sẽ phản hồi như thế nào nếu có ai đó tặng quà cho bạn). Các phương pháp này có thể được cụ thể hóa theo một cách nào đó tùy vào từng trường hợp cụ thể xảy ra. Một số phương pháp sử dụng phương pháp các câu chuyện xã hội mang tính phổ biến của tác giả Carol Grey., trong đó cung cấp các tình huống xã hội thông thường và dạy các tình huống kịch bản giao tiếp theo thứ tự để giúp trẻ học cách thích ứng với từng trường hợp khác nhau.

Một phương pháp khác tập trung vào dạy học về trạng thái tinh thần (niềm tin, ý nghĩ, dự định, mong muốn và cảm xúc) để giúp các cá nhân phát triển “thuyết trí tuệ” hoặc các kỹ năng hiểu ý nghĩ. Có rất nhiều các phương pháp để thực hiện điều này. Một phương pháp sử dụng hình ảnh về những suy nghĩ trong hình bong bóng để làm rõ những điều mà người khác đang nghĩ. Một phương pháp khác sử dụng một cái đầu hình nộm và các bức ảnh phim để làm rõ những gì mà người khác có thể nhìn thấy. Các phương pháp này được mô tả trong một cuốn sách được gọi là *Đạy trẻ tự kỷ hiểu ý nghĩ: Hướng dẫn thực hành* của Wiley được xuất bản năm 1999 (“*Teach Children with autism to Mind-Read: A practical Guide*). Một thử nghiệm có kiểm soát của

phương pháp này cho thấy rằng trẻ em bị tự kỷ có thể được dạy để hiểu các nguyên tắc cơ bản liên quan đến trạng thái tinh thần tới hành vi (như việc “nhìn suy ra biết” hoặc “mọi người cảm thấy vui vẻ khi có được điều mình muốn”) và thậm chí có thể tìm hiểu các nguyên tắc phức tạp hơn. như việc “mọi người cảm thấy vui vẻ khi họ nghĩ họ đang có được điều họ muốn”.

Một số phần mềm giáo dục đã cố gắng để dạy các kỹ năng đọc suy nghĩ cụ thể trong nhận thức cảm xúc. Băng DVD này được gọi là Hiểu ý nghĩ (Mind reading), đó là một cuốn sách khó điện tử về các biểu lộ cảm xúc của con người. Nó bao gồm 412 cảm xúc khác nhau, mỗi cái mô tả về sáu khuôn mặt diễn viên khác nhau và giọng nói của họ (nam giới và nữ giới, người trẻ và người già, các tính cách sắc tộc khác nhau). Nó bao gồm cả những ví dụ rất phù hợp với mọi lứa tuổi trẻ em cho đến người lớn. Điều này cho phép người tự kỷ hoặc Hội chứng Asperger học về cảm xúc theo cách thức hệ thống hóa cao (khai thác tính hệ thống hóa mạnh của họ) rất giống với việc mà người ta học ngoại ngữ. Các thử nghiệm với cả trẻ em và người lớn mắc Hội chứng Asperger cho thấy rằng sử dụng DVD trong khoảng thời gian ngắn 10 tuần có thể mang lại những cải thiện đáng kể trong nhận biết về cảm xúc, và trong trường hợp trẻ em, có được một mức độ nhất định về sự “tổng quát” về vật liệu mà trước đó chúng chưa từng được rèn luyện

### CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Các chiến lược cơ bản thường được sử dụng trong can thiệp, hỗ trợ cho trẻ tự kỷ là gì?
2. Những chương trình, phương pháp được sử dụng trong can thiệp, hỗ trợ cho trẻ tự kỷ? ưu, nhược điểm và cách sử dụng các chương trình, phương pháp?

## PHẦN 5: THỰC HÀNH HỖ TRỢ TRẺ TỰ KỸ TRÊN TỪNG LĨNH VỰC

Sử dụng hệ thống bài tập để thực hành hỗ trợ cho trẻ tự kỹ tại lớp và tại cơ sở:

### 1. Thực hành hỗ trợ trẻ phát triển kỹ năng vận động

- Thực hành chia làm 2 phần:
  - + Thực hành tại lớp: chia nhóm nhỏ thảo luận thực hành đóng vai
  - + Thực hành tại cơ sở: sử dụng hệ thống bài tập vận động và các chiến lược, phương pháp phù hợp để hỗ trợ trẻ tự kỹ phát triển vận động thô và vận động tinh.
- Sử dụng các bài tập vận động của PEP – R, Denver, 101 bài dạy trẻ tự kỹ...

### 2. Thực hành hỗ trợ phát triển kỹ năng nhận thức

- Thực hành chia làm 2 phần:
  - + Thực hành tại lớp: chia nhóm nhỏ thảo luận thực hành đóng vai
  - + Thực hành tại cơ sở: sử dụng hệ thống bài tập phát triển nhận thức và các chiến lược, phương pháp phù hợp để hỗ trợ trẻ tự kỹ phát triển nhận thức.
- Sử dụng các bài tập vận động của PEP – R, Denver, 101 bài dạy trẻ tự kỹ...

### 3. Thực hành hỗ trợ phát triển kỹ năng tư duy

- Thực hành chia làm 2 phần:
  - + Thực hành tại lớp: chia nhóm nhỏ thảo luận thực hành đóng vai
  - + Thực hành tại cơ sở: sử dụng hệ thống bài tập phát triển tư duy và các chiến lược, phương pháp phù hợp để hỗ trợ trẻ tự kỹ phát triển tư duy.
- Sử dụng các bài tập vận động của PEP – R, Denver, 101 bài dạy trẻ tự kỹ...

### 4. Thực hành hỗ trợ phát triển kỹ năng ngôn ngữ

Thực hành chia làm 2 phần:

- + Thực hành tại lớp: chia nhóm nhỏ thảo luận thực hành đóng vai
- + Thực hành tại cơ sở: sử dụng hệ thống bài tập phát triển ngôn ngữ và các chiến lược, phương pháp phù hợp để hỗ trợ trẻ tự kỷ phát triển ngôn ngữ.
- Sử dụng các bài tập vận động của PEP – R, Denver, 101 bài dạy trẻ tự kỷ...

### **5. Thực hành hỗ trợ phát triển kỹ năng giao tiếp – xã hội**

- Thực hành chia làm 2 phần:
  - + Thực hành tại lớp: chia nhóm nhỏ thảo luận thực hành đóng vai
  - + Thực hành tại cơ sở: sử dụng hệ thống bài tập phát triển kỹ năng giao tiếp – xã hội và các chiến lược, phương pháp phù hợp để hỗ trợ trẻ tự kỷ phát triển về giao tiếp – xã hội.
- Sử dụng các bài tập vận động của PEP – R, Denver, 101 bài dạy trẻ tự kỷ, sách giao tiếp, bảng giao tiếp, câu chuyện xã hội,....

### **6. Thực hành hỗ trợ phát triển các kỹ năng sinh hoạt – kỹ năng sống**

- Thực hành chia làm 2 phần:
  - + Thực hành tại lớp: chia nhóm nhỏ thảo luận thực hành đóng vai
  - + Thực hành tại cơ sở: sử dụng hệ thống bài tập và các chiến lược, phương pháp phù hợp để hỗ trợ trẻ tự kỷ phát triển kỹ năng sinh hoạt – kỹ năng sống.
- Sử dụng các bài tập vận động của PEP – R, Denver, 101 bài dạy trẻ tự kỷ, lịch trình bằng hình ảnh, thang đo hành vi thích ứng ABS-S:2, câu chuyện xã hội...

### **7. Thực hành hỗ trợ trẻ tự kỷ điều hòa cảm giác**

- Thực hành chia làm 2 phần:
  - + Thực hành tại lớp: chia nhóm nhỏ thảo luận thực hành đóng vai
  - + Thực hành tại cơ sở: sử dụng hệ thống bài tập và các chiến lược, phương pháp phù hợp để hỗ trợ trẻ tự kỷ điều hòa cảm giác.
- Sử dụng các bài tập vận động, tâm vận động, điều hòa cảm giác, yoga...

## **8. Thực hành quản lý hành vi cho trẻ tự kỷ**

- Thực hành chia làm 2 phần:
  - + Thực hành tại lớp: chia nhóm nhỏ thảo luận thực hành đóng vai
  - + Thực hành tại cơ sở: sử dụng hệ thống bài tập và các chiến lược, phương pháp phù hợp để giúp trẻ tự kỷ quản lý hành vi.
- Sử dụng các bài tập trong 101 bài dạy trẻ tự kỷ, can thiệp hành vi cho trẻ tự kỷ ABA,...



# PHỤ LỤC

## I. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH

### 1. Trường hợp 1

K. là một bé trai mắc hội chứng tự kỷ với tuổi thực là 3 tuổi, đã được can thiệp sớm 1 năm và hiện tại đặc điểm của trẻ như sau:

#### a) Những điểm mạnh

- **Vận động thô:** K. có thể đi lên cầu thang một cách độc lập, không cần giúp đỡ, đôi lúc bước chân luân phiên. Con cũng có thể bật nhảy liên tục tại chỗ, nhảy ra từ trong vòng, nhảy xuống từ bậc thấp (5 cm).

- **Vận động tinh:** K. đã có thể cầm tốt các đồ vật bằng hai ngón tay, con cũng có thể phối hợp hai tay, phối hợp tay mắt tương đối tốt, thể hiện qua các hoạt động: xếp hình (xếp hình 1 – 2 mảnh, xếp hình bằng các khối gỗ, nhựa), cầm bút vẽ, khâu hoa, khâu hạt to, ghép hoa thành hình đoàn tàu. Lực tay của K. cũng tốt hơn rất nhiều, con biết sử dụng lực phù hợp để thao tác trong những hoạt động này.

- **Nhận thức/ tư duy:** K. đã nhận thức được một số đối tượng trong môi trường xung quanh: con vật (con chó, mèo, bò, cá, gà trống), đồ vật (ti vi, quạt, điện thoại, dép,...), phương tiện giao thông (ô tô, xe đạp, xe máy, máy bay), hoa quả (quả chuối). Con cũng có nhận thức cơ bản về bản thân (các bộ phận cơ thể, đồ dùng của con, những người thân thuộc nhất xung quanh). Mặt khác, K. cũng đã có một số nhận thức cơ bản trong toán học: đếm vẹt từ 1 – 10, nhận biết được các số từ 1 – 10, hình tròn, vuông, tam giác.

Con có thể xếp được tốt hầu hết các bảng xếp hình một mảnh (quan sát và lựa chọn đúng vị trí), với những bảng từ 2 – 3 mảnh chỉ cần hướng dẫn một vài lần là con có thể thực hiện được. K. có thể vẽ nguệch ngoạc cuộn len, có thể dừng lại sau khi vẽ 1 – 2 vòng (tiền đề để vẽ hình tròn), bắt chước vẽ

đường thẳng; việc ghép được các bông hoa, các mảnh ghép nhựa, gỗ vào với nhau tạo thành hình theo quy luật nhất định cũng thể hiện rằng K. đã bắt đầu hình thành khả năng tư duy liên kết và khả năng tưởng tượng.

- **Ngôn ngữ:** Khả năng ngôn ngữ của K. không ổn định và ngôn ngữ diễn đạt có tiến bộ nhiều hơn so với ngôn ngữ tiếp nhận. K. có thể bắt chước nói được hầu hết các từ hoặc câu 2 – 3 từ, đôi lúc con cũng chủ động nói những từ, câu đó. Điều này thể hiện rằng K. không có vấn đề gì về khả năng phát âm cũng như tiếp nhận và xử lý âm thanh. K. cũng biết sử dụng nhiều hơn các cử chỉ điệu bộ trong giao tiếp (ánh mắt, nét mặt, cử chỉ của cơ thể). Hiện tại con cũng hiểu tốt hơn các yêu cầu một nhiệm vụ đơn giản mà giáo viên đưa ra. K. hiểu và thực hiện được yêu cầu “lấy và đưa cho cô...” (đồ vật, lô tô tranh ở trước mặt) tương đối tốt, điều mà nhiều trẻ chỉ tay được nhưng không dễ dàng lấy và đưa được. Ngoài ra, K. thuộc một số bài hát và bài thơ, đôi lúc con đọc và hát theo cô.

- **Giao tiếp/ xã hội:** K có sự quan tâm, chú ý và bắt chước lại hành động, ngôn ngữ của người khác. Con có thể quan sát và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn, chơi đồ chơi đúng cách, bắt chước tập thể dục, vận động theo nhạc, theo bài hát, đồng dao...(Con thổi ăn cỏ, trời nắng trời mưa, trời mưa che ô, ô sao bé không lắc, vượt ve...). Đặc biệt, với những hoạt động này cô chỉ cần làm mẫu một vài lần để con bắt chước làm theo, sau đó cô chỉ cần sử dụng ngôn ngữ (hát hoặc nói) là K. có thể ghi nhớ và tự làm được các động tác (vừa làm động tác vừa nói theo hoặc hát theo) với sự thích thú và chú ý nhìn cô.

Con đã có thể chỉ tương đối chính xác theo yêu cầu (trước đây con chỉ bất cứ thứ gì ở trước mặt khi nghe thấy từ “đâu”). Trong khi chỉ đôi lúc K. còn có ánh mắt xác nhận lại với cô (chỉ xong con nhìn cô xem có đúng hay không). K. cũng thích hoan hô, thích đập tay “yeah”, thích cười và chờ đợi lời khen của cô mỗi khi con hoàn thành nhiệm vụ.



## **b, Những hạn chế:**

- **Vận động:** Mặc dù K. đã có thể leo cầu thang độc lập, có thể nhảy nhưng nhìn chung khả năng vận động của con chưa chắc chắn. Con cũng không dám thử sức với những vận động phức tạp và mạnh mẽ hơn như nhảy vào vòng, nhảy liên tục về phía trước, nhảy xuống từ trên bậc cao... Con cũng cần được rèn luyện nhiều hơn để khả năng sử dụng các ngón tay, phối hợp hai tay, tay – mắt được khéo léo hơn nữa.

### **- Ngôn ngữ/giao tiếp:**

Với ngôn ngữ diễn đạt: Những thời điểm K. bắt chước nói và chủ động sử dụng lời nói ít, tùy vào hứng thú của con. Hơn nữa, với một số từ và câu con chỉ có phản xạ bắt chước phát âm lại chứ chưa thực sự hiểu ý nghĩa của từ, câu con nói ra. Con cũng ít sử dụng những từ, câu này trong giao tiếp mà chỉ là nói tự do, hoặc nói khi nhìn thấy đối tượng gắn với nó chứ không sử dụng lời nói để hướng tới người khác. Đôi lúc K. cũng phát ra những âm thanh vô nghĩa liên tục.

Với ngôn ngữ tiếp nhận: Khả năng hiểu và thực hiện yêu cầu của K. tiến bộ chậm. Con có thể tiếp nhận và xử lý âm thanh (lời nói) tốt nhưng với thông tin được truyền đạt trong lời nói thì lại khá hạn chế. Đến thời điểm hiện tại, một số yêu cầu một nhiệm vụ của cô nếu không được kèm theo cử chỉ hướng dẫn (chỉ dùng riêng lời nói) thì con ít khi hiểu và thực hiện được. Ví dụ: cô nói “K. kéo ghế vào”, “đi lấy quả bóng”, nếu không có kèm theo việc chỉ tay hoặc hướng dẫn trực tiếp thì con chưa hiểu và tự thực hiện được...

- **Nhận thức/tư duy:** K. đã nhận biết được một số đối tượng trong môi trường xung quanh, nhưng một số trong số những đối tượng này con chỉ nhận biết được trên những lô tô tranh khi được dạy. Khi chuyển sang các lô tô tranh kiểu hơi khác một chút thì con lại tỏ ra lúng túng và cần cô nhắc lại. Mặt khác, so với độ tuổi hiện tại của K. và với thời gian can thiệp cũng đã 6 tháng thì mức độ nhận thức của con như vậy còn hạn hẹp.

- **Kỹ năng xã hội:** Các kỹ năng xã hội cơ bản như chờ đợi, lần lượt, tương tác qua lại K. vẫn chưa thực sự hình thành được. K. cũng rất ít chủ động tương tác, nhất là với những người lạ và với các bạn cùng tuổi, cùng phòng.

- **Kỹ năng cá nhân:** K. vẫn chưa biết thể hiện nhu cầu vệ sinh cá nhân (đi tiêu/đại tiện). Mặt khác, việc ăn uống của con cũng có khó khăn, con hầu như không nhai thức ăn, chưa biết cách ngậm miệng để uống nước bằng cốc từng ngụm... Điều này sẽ là trở ngại lớn tới việc phát triển ngôn ngữ của K., đồng thời cũng là một khó khăn trong sinh hoạt khi tuổi của con ngày càng lớn hơn.

## **2. Sở thích của trẻ:**

- K. thích chơi các trò chơi xã hội, các bài hát và vận động theo bài hát; thích được vỗ tay khen và vui đùa.



## 2. Trường hợp 2

Hiện nay tuổi thực của V. là 5 tuổi. Theo kết quả đánh giá bằng thang đo Kyoto, tuổi phát triển trung bình của V. là 1 tuổi 9 tháng, khá chậm trễ so với tuổi thực. Trong đó, ở mỗi lĩnh vực lại có sự phát triển khác biệt. Cụ thể ở từng lĩnh vực như sau:

- **Vận động thô:** Lĩnh vực này V. đạt 38 tháng, gần tương đương với tuổi thực của con. V. khá nhanh nhẹn, mạnh mẽ trong các hoạt động chạy, nhảy, phối hợp các hoạt động của cơ thể; con có thể đi lên và xuống cầu thang chân bước luân phiên không cần hỗ trợ... Bên cạnh đó con chưa thực hiện được kỹ năng nhảy lên bằng 2 chân.
- **Vận động tinh:** V. có khả năng cầm nắm khá tốt, con có thể sử dụng ngón cái và ngón trỏ để nhặt đồ vật nhỏ, con có thể khâu hoa, ghép hoa, ghép hình 1 mảnh, cắm que vào đất nặn, xây tháp 8 khối, hay một số hoạt động khác có sử dụng đôi tay khi được hướng dẫn.
- **Nhận thức:** V. chưa có ngôn ngữ nói, ngôn ngữ hiểu cũng chưa tốt và cũng ít sự tập trung chú ý nên nhận thức của V. về môi trường xung quanh như đồ vật, con vật, màu sắc, phương tiện giao thông... khá chậm trễ. Đồng thời, nhận thức về bản thân như tên mình, các bộ phận cơ thể, người thân... cũng chưa hình thành được. Hiện tại V. chỉ thể hiện nhận thức về một số đồ quen thuộc thông qua các hoạt động hàng ngày như khi bảo con đi dép (giày) (con biết đôi giày), bảo con ngồi lên ghế (con biết chiếc ghế)....
- **Ngôn ngữ hiểu:** Do V. rất ít chú ý đến người khác, ít bắt chước, con thường thích chơi một mình và có phản ứng chống đối khi người khác tác động đến con nên việc hình thành ngôn ngữ hiểu cho V. cũng gặp nhiều khó khăn. Hiện tại, V. có thể hiểu được một số yêu cầu đơn giản, rõ ràng và dứt khoát hoặc yêu cầu có kèm theo cử chỉ của người lớn (ngồi xuống, lấy giày,

nhặt lên, cất đi, bye bye đi...). Nhưng nhiều khi do con thích làm theo ý mình nên V. cũng không thực hiện theo những yêu cầu đó.

- **Ngôn ngữ diễn đạt:** Về ngôn ngữ nói, V. có thể nhắc lại được một số từ như ạ, bà, mẹ nhưng con không sử dụng chủ động. V. cũng ít sử dụng cử chỉ điệu bộ, đôi lúc con kéo tay cô khi muốn lấy đồ nhưng không chỉ được đó là đồ gì, con thường hơi cáu khi không được phép làm một việc gì đó...

- **Kỹ năng giao tiếp - xã hội:** Cùng với ngôn ngữ, đây là lĩnh vực phát triển chậm nhất của V.. V. ít có sự giao tiếp mắt, ít có sự chú ý, tương tác trở lại với người khác. Con hầu như chơi một mình, hoạt động một mình và thường cáu hoặc giật lại khi người khác can thiệp vào hoạt động của con. V. thực hiện các hoạt động mạnh mẽ và dứt khoát để không theo hướng dẫn của người lớn. Con có thể chào, bye bye, nói ạ nhưng chưa chủ động.

- **Khả năng bắt chước:** V. rất ít thể hiện sự bắt chước về ngôn ngữ và hành động. Tuy nhiên, thông qua các hoạt động chơi, khi giáo viên làm mẫu rồi hướng dẫn con làm lại, con có thể làm được mặc dù chưa chính xác (như cắm que vào đất nặn, thả xu, thả khối vào hộp, búng cắm chốt, ghép hoa...)

- **Tập trung chú ý:** V. ít chú ý đến người khác. Con ít chú ý đến những hướng dẫn bằng lời nhưng lại có khả năng tập trung trong các hoạt động chơi, tập trung với đồ vật và có sự chú ý đến những hướng dẫn bằng hành động. Người lớn cần bắt đầu từ đặc điểm này để có thể giúp con học tập.

- **Kỹ năng cá nhân:** V. có thể tự đi vệ sinh, đi dép quai hậu nhưng chưa thực hiện được các kỹ năng khác như: xúc ăn, rửa tay, mặc và cởi quần áo chui, đánh răng rửa mặt...

### **Sở thích của trẻ**

V. không có sở thích nào đặc biệt. Một số đồ chơi con thích như xếp hình, lắp ghép hình. Con có thể chơi đi chơi lại với những đồ chơi này nhiều lần. Ngoài ra, V. còn rất thích chơi trong bể bóng.

### 3. Trường hợp 3

Q. là một bé trai 8 tuổi, được chẩn đoán Tự kỷ điển hình, đã được can thiệp sớm 5 năm và hiện tại đặc điểm của trẻ như sau:

➤ *Vận động:*

+ Vận động thô: Hiện tại, Q. đã biết giữ thăng bằng trên một chân và nhảy lò cò được một đoạn. Khả năng phối hợp vận động tốt hơn trong một số hoạt động như nhảy, tập thể dục, chơi với bóng.

+ Vận động tinh: Q. cũng đã có sự khéo léo hơn trong các hoạt động: tô màu gọn gàng và tô được cả những chi tiết nhỏ, cắt giấy theo nhiều hình dạng khác nhau hơn, đòi hỏi sự điều chỉnh nhiều hơn.

➤ *Nhận thức – tư duy:*

Con đã được trải nghiệm với nhiều hoạt động khác nhau, bắt đầu khám phá những tính chất không nhìn thấy bằng mắt và có thể tham gia các hoạt động với sự hỗ trợ, nhắc nhở của giáo viên. Q. cũng có tiến bộ trong hoạt động xếp hình, vẽ, tô màu, khả năng quan sát và thực hiện theo mẫu tốt hơn, biết phân biệt các vị trí khác nhau cần tô màu khác nhau nếu được nhắc nhở; con hiểu quy luật 2 – 3 màu sắc liên tiếp nhau và có thể tô đúng không cần gợi ý.

➤ *Ngôn ngữ - xã hội:*

Q. hiểu ngôn ngữ hơn giai đoạn trước bởi con đã tích lũy được các tình huống quen thuộc hàng ngày, phản ứng với các từ khóa và thực hiện yêu cầu.

Q. có khả năng nhận biết tranh và phản ứng với việc sử dụng tranh giao tiếp tương đối tốt khi sử dụng PECS ở các bước đơn giản.

Q. cũng đã có tiến bộ trong các hoạt động tự phục vụ và sinh hoạt hàng ngày, con có thể tự lập nhiều hơn trong một số hoạt động ở nhà và giúp đỡ mẹ và cô một số việc đơn giản như: tự đi vệ sinh, quét nhà, giặt khăn, lau bàn ghế, hút rác, rửa mặt,....

## **b, Những tồn tại:**

Vì Q. rất khó tập trung và duy trì sự chú ý, kèm theo những hành vi và không có nhiều nhu cầu được thể hiện ra ngoài, vì vậy sự tham gia của Q. vào quá trình học tập là rất ít và không đem lại hiệu quả cao. Con cũng khó hiểu được thực sự bản chất của vấn đề trong mọi tình huống (học tập, giao tiếp, sinh hoạt) mà chỉ là lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen hoặc mức độ hiểu rất sơ đẳng. Chính vì thế, trong tất cả các lĩnh vực phát triển của Q. đều đang có rất nhiều tồn tại.

### ➤ *Vận động:*

Q. thể hiện các khó khăn trong kỹ năng đòi hỏi sự phối hợp vận động của cơ thể: khả năng giữ thăng bằng trong trạng thái chân không tiếp đất chưa tốt, con nhảy lò cò được nhưng chưa duy trì được một đoạn dài, chưa thực hiện tốt được các bài tập thể dục đòi hỏi phải phối hợp cả tay, chân và có sự luân chuyển giữa các động tác (Ví dụ: giơ tay sang ngang và co chân ra sau, rồi đưa hai tay ra trước và đá chân ra trước...)

Vận động tinh chưa thực sự khéo léo, linh hoạt, lực tay yếu, vì vậy trong hoạt động vẽ, tô màu, cắt hình...chưa được chuẩn, các nét vẽ, tô còn mờ và chưa chắc chắn.

### ➤ *Nhận thức – tư duy:*

Do sự hạn chế về ngôn ngữ nên vốn nhận thức của Q. chủ yếu là các đặc điểm bên ngoài của đối tượng, có thể nhìn thấy bằng mắt, có thể chỉ ra bằng các phương tiện trực quan. Con khó khăn trong việc khám phá những đặc tính bên trong, không nhìn thấy bằng mắt (so sánh nặng – nhẹ, cảm nhận mùi vị,...)

Mặc dù đã thực hiện được một số bài tập về số - số lượng nhưng nhìn chung, Q. mới chỉ dừng lại ở mức độ ghi nhớ, “chụp hình” và thể hiện lại, con chưa hiểu bản chất của khái quát số lượng.

### ➤ *Ngôn ngữ - xã hội:*

Q. vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc hiểu ngôn ngữ và diễn đạt ngôn ngữ, sự tiến bộ của Q. là rất nhỏ, con không chủ động phát âm và sử dụng ngôn ngữ nói vào thực tế mà luôn luôn cần người lớn nhắc nhở. Q. cũng không hiểu nhiều yêu cầu bằng lời, chủ yếu vẫn là những yêu cầu quen thuộc.

Q. thường có thói quen đi vệ sinh ở một nơi nhất định, rất hiếm khi đi vệ sinh ở chỗ lạ kể cả khi đã rất muốn đi. Con chưa biết tự đánh răng, mặc quần áo, tắm rửa, chưa biết cách thể hiện nhiều các nhu cầu của bản thân cho người lớn biết.

- *Hành vi:* Q. khá hiền lành và vui vẻ nhưng có rất nhiều hành vi kích thích cảm giác: vẫy tay, nhìn xéo, nhảy tại chỗ hoặc chạy vòng tròn, cười to một mình, vỗ tay, tặc lưỡi, phát ra các chuỗi âm thanh, đôi lúc hét....

#### **Sở thích của trẻ:**

- Q. có hứng thú hơn với một số hoạt động như cắt giấy, tô màu, xếp hình, thả bóng...

**Nhu cầu của gia đình:** gia đình mong muốn con có thể nói được và thể hiện những nhu cầu, mong muốn của bản thân, con học được các kỹ năng về tiếng Việt và toán cơ bản để sau này có thể hỗ trợ cho việc kinh doanh của gia đình.

### 3. Trường hợp 4

**H.** là một bé gái 11 tuổi, đã được chẩn đoán tự kỷ mức độ nặng, được can thiệp sớm từ lúc 3 tuổi cho đến nay nhưng mức độ tiến triển không nhiều. Hiện tại cháu đang được chăm sóc, hỗ trợ tại một trung tâm bảo trợ xã hội, tuổi phát triển tương đương với trẻ 2 tuổi 6 tháng với các đặc điểm của cháu như sau:

- *Vận động*: H. đi lại, chạy nhảy nhanh nhẹn, vững vàng nhưng cháu thường ngồi một chỗ, ít vận động, không thích tham gia các hoạt động vận động. H. có thể thực hiện một số hoạt động vận động tinh như bóp kẹp quần áo, gấp quần áo theo hướng dẫn, khâu hạt, dán giấy...nhưng chưa biết phối hợp tay để thực hiện các thao tác phức tạp hơn như cài khuy áo, kéo khóa áo, buộc dây giày...

- *Nhận thức*: H. nhận biết được tên gọi của các đối tượng quen thuộc trong môi trường xung quanh, thể hiện bằng cách chỉ tay khi được hỏi, con cũng biết một vài màu sắc và hình dạng cơ bản và số từ 1 - 10 nhưng chưa hiểu các khái niệm đối lập (to – nhỏ, dài – ngắn), không hiểu được các đặc tính bên trong của sự vật, sự việc.

- *Tư duy*: H. có thể làm theo các mẫu 2 – 3 bước của người lớn, biết kết hợp một số chi tiết với nhau để tạo thành một hình/sản phẩm theo hướng dẫn. H. biết vẽ hình tròn, tô màu đơn giản sử dụng 2 – 3 màu. Tư duy của cháu hoàn toàn là trực quan ở mức độ đơn giản.

- *Ngôn ngữ - xã hội*: H. nói được khoảng 10 – 15 từ đơn nhưng thường không chủ động sử dụng trong giao tiếp, con hiểu những yêu cầu một nhiệm vụ trong cuộc sống quen thuộc có kèm theo chỉ dẫn bằng cử chỉ hoặc hình ảnh trực quan, ít hiểu lời nói đơn thuần. H. ít có nhu cầu giao tiếp, thường thích ở một mình và đôi lúc khó chịu khi người lạ hỏi tới, nhưng cháu lại rất gần gũi và thân thiết với một người chăm sóc cho cháu, thể hiện tình cảm và giao tiếp mắt với người đó nhiều hơn.



- *Kỹ năng cá nhân*: H. biết tự đi tiêu tiện nhưng đại tiện cần người hỗ trợ, con biết tự xúc ăn, tự rửa mặt, đánh răng có sự giám sát, mặc được quần áo chui đầu, đi tất và dép quai hậu, hỗ trợ người thân làm một vài bước trong hoạt động sinh hoạt nhưng cần hỗ trợ nhiều vì cháu không tập trung. H. bắt đầu có dấu hiệu dậy thì và đã có kinh nguyệt tháng đầu tiên, nhưng cháu chưa nhận thức được những thay đổi trên cơ thể mình.

- *Hành vi*: H. có xu hướng thụ động nhưng cũng có nhiều hành vi kích thích cảm giác: vẫy tay, nhìn xéo, nhảy tại chỗ hoặc chạy vòng tròn, hay tự nhiên khóc một mình, phát ra các chuỗi âm thanh, e a hát tự do không rõ bài...

**Sở thích**: H. thích nghe nhạc, thích e a hát và thích những khoảng thời gian ở bên người chăm sóc chính ở trung tâm.

**Nhu cầu của gia đình**: gia đình H. ít quan tâm tới sự phát triển và cuộc sống của cháu ở trung tâm bảo trợ, họ mong muốn cháu có thể tự sống độc lập được khi lớn lên.

#### 4. Trường hợp 5

L. là một bé trai 10 tuổi được chẩn đoán tự kỷ mức độ trung bình, cháu được hỗ trợ can thiệp từ lúc 4 tuổi cho đến nay và đã có nhiều tiến bộ, hiện tại cháu đang tiếp tục được hỗ trợ tại trung tâm và theo học lớp 1 tại trường hòa nhập. Hiện tại tuổi phát triển của cháu tương đương với trẻ 5 tuổi với các đặc điểm của cháu như sau:

- *Vận động*: L. có khả năng vận động tương đối tốt, cháu đang tập đi xe đạp 2 bánh thấp có sự hỗ trợ. Về vận động tinh, cháu có thể thực hiện được các thao tác khéo léo để vẽ các chi tiết nhỏ, viết chữ, cài cúc áo,...

- *Nhận thức – tư duy*: L. có thể hiểu được những tính chất bên trong của sự vật hiện tượng như nặng nhẹ, nhanh chậm, xấu đẹp, chất liệu của đồ vật, phân loại các đối tượng theo chức năng (đồ vật, con vật, đồ dùng nấu ăn, đồ dùng phòng ngủ,...)...Cháu nhận biết và hiểu được chức năng của một số nghề nghiệp cơ bản. Cháu nhận biết được các số từ 1 – 100, hiểu về số lượng và khái quát được trong phạm vi 10, tách gộp và thêm bớt được trong phạm vi 10. L. có thể tự sắp xếp được các chi tiết thành một hình phức tạp theo tương tượng của bản thân, cháu đặc biệt thích xếp hình không gian và thường sáng tạo ra rất nhiều cách sắp xếp khác nhau...Cháu chưa biết cộng trừ trong phạm vi 10, chưa hiểu chắc chắn các khái niệm trung gian như to nhất – to vừa – nhỏ nhất...

- *Ngôn ngữ*: L. có thể nói được các câu trung bình 8 – 10 tiếng, có thể dùng một vài từ nối để liên kết câu, sử dụng 2 – 3 câu để nói về một vấn đề, sự vật, sự việc. Cháu hiểu được những hướng dẫn, yêu cầu bằng lời đơn thuần, biết giải một số bài toán thêm bớt bằng lời văn đơn giản, nghe hiểu nội dung truyện ngắn có 3 – 4 tình tiết liên quan đến nhau; trả lời được các dạng câu hỏi như thế nào, vì sao ở mức độ trực quan. L. biết ghép vần và đọc được những câu chuyện ngắn nhưng chưa hiểu được hết về nội dung. Đôi lúc cháu hay nói tự do kiểu tường thuật lại những gì người khác đang làm.

- *Giao tiếp – xã hội*: L. là một cậu bé có xu hướng cởi mở, có nhu cầu giao tiếp nhưng cách sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ trong giao tiếp nhiều lúc không phù hợp hoàn cảnh, dễ gây cho người khác khó chịu. Cháu biết cách giải quyết các tình huống có vấn đề với đồ vật tương đối tốt, các tình huống liên quan đến nhu cầu của bản thân nhưng chưa tốt trong việc giải quyết các tình huống có vấn đề với người khác (VD khi bị bạn lấy đồ chơi, ở lớp bị bạn trêu...). Nhiều lúc cháu cũng thể hiện sự cứng nhắc trong cách giải quyết vấn đề, dễ khó chịu, nổi cáu khi gặp một tình huống vướng mắc (khi gặp bài tập khó, viết chậm hơn các bạn,...)

- *Hành vi*: L. không có nhiều hành vi kích thích cảm giác, chỉ đôi lúc nói tự do nhưng có hành vi cáu, khóc, la hét khi gặp phải trở ngại. Những hành vi này đôi lúc ảnh hưởng đến các bạn khác trong lớp tiểu học hoặc giáo viên can thiệp, gia đình phải sử dụng nhiều chiến lược khác nhau để giúp cháu bình tĩnh (thỏa thuận, đánh lạc hướng, khuyến khích...). Ngoài ra, thời gian gần đây L. xuất hiện hành vi thủ dâm, đặc biệt là những lúc cháu ngồi một mình, không có việc gì làm, một số biểu hiện dậy thì cũng bắt đầu xuất hiện trên cơ thể (mọc lông).

- *Kỹ năng cá nhân và nhu cầu của gia đình*: L. tương đối độc lập trong các hoạt động ăn uống, đánh răng, rửa mặt, có thể tự tắm và mặc quần áo, giúp người lớn làm việc nhà. Gia đình cháu mong muốn cháu có thể học được các kỹ năng sinh hoạt khác như tự nấu một vài món ăn đơn giản, tự dọn dẹp được phòng của mình, và biết tự đi mua một số đồ đơn giản ở cửa hàng gần nhà. Trong tương lai cháu có thể biết tính toán và đọc viết để hỗ trợ gia đình trong việc kinh doanh.

## II. MẪU KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN HOÀN CHỈNH

### KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN

Lần 4

#### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRẺ

Họ và tên:	V.H.G	Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	26/05/2014	Ca học:	5 ca/tuần Thứ 2 - 3 - 4 - 5 - 6

#### 1. Nhận xét kế hoạch can thiệp lần 3 (từ 01/04/2017 đến 31/10/2017):

Sau thời gian 6 tháng thực hiện KHGDCN lần 3, H.G đã có nhiều tiến bộ ở tất cả các lĩnh vực và đạt được tất cả các mục tiêu cô đã đặt ra. Tuy nhiên, con vẫn có một số điểm yếu làm ảnh hưởng tới tốc độ tiến triển, đặc biệt là ở lĩnh vực ngôn ngữ lời nói. Sau đây là những phân tích cụ thể:

##### a, Kết quả đạt được:

➤ *Vận động*: H.G có khả năng vận động khá tốt, nhanh nhẹn và mạnh mẽ trong vận động thô, khéo léo trong vận động tinh:

+ *Vận động thô*: Con đã đạt được 100% mục tiêu biết quan sát và bắt chước các hoạt động vận động phối hợp hai động tác cùng một lúc - đạt 60 – 70% kỹ năng cần tiến tới ở giai đoạn 4 tuổi. Điều này được thể hiện qua các hoạt động: con giữ được thăng bằng trên một chân trong khoảng 5 giây và nhảy được lò cò về phía trước 3 – 5 bước; biết kết hợp hai động tác cùng một lúc trong các bài tập thể dục và vận động theo nhạc (vừa giơ tay lên và đá chân, vừa nhảy lên vừa giang tay ra,...).

+ *Vận động tinh*: con đạt được 100% kỹ năng phối hợp hai tay theo

kiểu một tay chính, một tay hỗ trợ trong tất cả các hoạt động và đang có khoảng 20 - 30% kỹ năng phối hợp hai tay theo kiểu song song (hai tay có vai trò ngang nhau) và phối hợp hai thao tác cùng lúc trên tay thuận. Hiện tại, con có thể cắt giấy theo đường thẳng 3 cm, đôi lúc biết cài cúc áo cho búp bê, tô màu gọn gàng trong hình, đều và biết điều chỉnh để tô trong các vị trí nhỏ....

➤ *Nhận thức – tư duy*: Có thể nói đây là lĩnh vực G có sự tiến bộ rõ ràng nhất, không những đạt được những mục tiêu cô đặt ra mà còn có khả năng mở rộng và nâng cao hơn, đã bước sang được một giai đoạn phát triển mới ở lĩnh vực này. Cụ thể:

G có khả năng quan sát, phân biệt, tưởng tượng và khái quát vấn đề khá tốt. Khi được cô cung cấp về tên gọi, các đặc điểm của đối tượng, liên kết hai tính chất, hai đặc điểm,...con có thể ghi nhớ và mở rộng trong các hoạt động khác và hiểu chắc chắn vấn đề và thể hiện chúng trong các trò chơi, đặc biệt là trò chơi biểu tượng.

⇒ G đã đạt được 100% mục tiêu “biết liên kết giữa nhận thức về tên gọi và đặc điểm chức năng của các đối tượng trong môi trường xung quanh với nhau: con biết phân biệt môi trường sống của các con vật, các đồ dùng trong các phòng khác nhau, địa bàn hoạt động của các phương tiện giao thông thông qua các trò chơi đặt con vật/phương tiện vào môi trường mô phỏng, sử dụng các đồ dùng trong trò chơi giả vờ,...

⇒ Con nhận biết chắc chắn khoảng 8 hình dạng và 10 màu sắc, luôn ứng dụng được trong cuộc sống hàng ngày. Con nhận biết được các mặt số từ 1 – 10 và bắt đầu hiểu số lượng 1, 2.

⇒ Con phân biệt được khoảng 8 – 10 cặp đối lập hữu hình (to nhỏ, dài ngắn, nhiều ít, cao thấp, trong ngoài, trên dưới,...) và cũng đã nhận ra được một số tính chất vô hình như: mùi (thơm), vị (cay, ngọt, chua, mặn), cảm giác (nặng, nóng, lạnh)...

⇒ Con tự biết sắp xếp các đối tượng theo quy luật xen kẽ mà không cần theo dõi mẫu (1 màu xanh – 1 màu vàng, 1 hình tròn – 1 hình vuông...)

⇒ Con nhận ra được các dấu hiệu thời gian và thời tiết qua cảm nhận bên ngoài (chưa hiểu bản chất) như sáng – tối, trời mưa – trời nắng.

⇒ Con bắt đầu biết liên kết các chi tiết với nhau trong hình vẽ để tạo thành một hình ảnh thực tế, vẽ được hình mặt người, quả táo, quả cam, ông mặt trời,... Thời gian này con cũng thích tô màu hơn và đã biết tô màu theo khu vực, biết tự lựa chọn 4 – 5 màu khác nhau để phối cho một hình/bức tranh có 4 – 5 khu vực/chi tiết mà không cần cô gợi ý.

⇒ Trong trò chơi tạo hình, G thể hiện khả năng tưởng tượng và liên kết thực tế khá tốt, có thể nói đây là một trong những điểm mạnh rõ ràng nhất ở con. G biết tự lắp ghép, liên kết nhiều hơn 3 chi tiết để tạo thành một hình có ý nghĩa (đôi khi là theo chủ đích ban đầu, đôi khi là làm xong sản phẩm rồi mới liên tưởng). Ví dụ: lắp những ống nước thành hình chữ nhật thành giường cho búp bê; khi đang cắt giấy theo đường thẳng vẽ sẵn, con cắt một đoạn làm cái cán và giả vờ đó là chiếc lược chải đầu; con tự xếp các ngôi nhà cao – thấp khác nhau bằng các khối gỗ hoặc nhựa; tự xếp một hình và nói rằng đó là chiếc ô tô...

⇒ Khả năng nhận thức, tư duy khái quát cũng được thể hiện rõ ràng trong trò chơi giả vờ (biểu tượng): con biết kết hợp các đồ vật với nhau để tạo thành một hoạt động hoàn chỉnh, mô phỏng chính xác theo thực tế và bắt đầu có một chuỗi hành động hoặc 2 – 3 hoạt động liên quan đến nhau hoặc kế tiếp nhau. Ví dụ, trong trò chơi nấu ăn, con biết đập trứng - cho vào chảo – đảo lên – cho ra đĩa – mời cô ăn; nấu đồ ăn – pha nước cam – đặt đồ ăn và nước cam vào chung 1 đĩa rồi mời cô...

⇒ Ngoài ra, khả năng tập trung và duy trì chú ý của G cũng được thể hiện tương ứng với các hoạt động ở giai đoạn này.

- Tất cả những phân tích này cho thấy, G đã hình thành tương đối chắc chắn khả năng nhận thức – tư duy hai chiều trực quan và đang bắt đầu chuyển sang giai đoạn cảm nhận từ bên trong với các yếu tố, quá trình không trực tiếp nhìn được bằng mắt.

➤ *Ngôn ngữ - xã hội:*

+ Ngôn ngữ tiếp nhận: con đã đạt được 100% mục tiêu đặt ra trong kế hoạch lần 3. Vì khả năng nhận thức, tư duy của G tương đối tốt nên con cũng dễ dàng tiếp nhận và hiểu các yêu cầu, thông tin cô cung cấp trong mỗi tình huống cụ thể; hiểu các từ chỉ tính chất và một số từ trừu tượng như đã nói đến ở phần nhận thức, tư duy.

Hiện tại G có thể thực hiện được các yêu cầu hai nhiệm vụ ở mức độ khác nhau: lấy hai đồ vật cùng một lúc, thực hiện yêu cầu 2 nhiệm vụ kế tiếp có liên quan đến nhau hoặc không liên quan đến nhau.

Con hiểu các dạng câu hỏi cơ bản: ai, cái gì, con gì, có – không, đang làm gì.

+ Ngôn ngữ diễn đạt: con cũng đạt được 100% mục tiêu đặt ra. Hiện tại G chủ yếu nói được các câu 3 từ (chiếm 70 – 80%), khoảng 15% các câu 4 – 5 từ và 15% vẫn là các câu 2 từ. Con biết cách sử dụng kết hợp cử chỉ, điệu bộ và lời nói với nhau trong các tình huống giao tiếp; biết trả lời câu hỏi của người lớn bằng ngôn ngữ nói; biết vừa chỉ tay vừa đếm trên đồ vật đến 10 (tư duy và ngôn ngữ)...

+ Giao tiếp – xã hội: G biết cách sử dụng cử chỉ và ngôn ngữ nói vào trong giao tiếp ở các tình huống cụ thể một cách chủ động và linh hoạt, kể cả đối với cô giáo, bố mẹ hay các bạn và người không thân quen.

Trong nhóm nhỏ, G biết vừa kết hợp nhiệm vụ chơi của mình, vừa trò chuyện đơn giản với bạn hoặc hướng dẫn/đưa ra nhiệm vụ cho bạn, lôi kéo bạn chơi theo cách của mình.

Đặc biệt, cũng như phân tích ở phần nhận thức, tư duy, G có thể mạnh ở phần chơi biểu tượng. Trong khi chơi, con hiểu các tình huống và tự mình đặt ra các tình huống chơi và giải quyết chúng, biết tái hiện các kinh nghiệm xã hội của bản thân vào trong trò chơi (VD: bị đứt tay, em muốn ăn trứng thì đi nấu trứng, bị đau bụng thì đi khám bác sĩ, tiêm và uống thuốc...), biết liên kết giữa đồ vật, hoạt động và nhân vật (các em búp bê hoặc cô và bạn trong

phòng) với nhau, thực hiện một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau và đã đặt mình vào vị trí của nhân vật, tức là đã bắt đầu có nội tâm nhân vật (em bé đói, em bé đau và khóc nhè,...)

- Nhìn chung, G có khả năng giải quyết vấn đề tương đối tốt, luôn chủ động và cởi mở trong giao tiếp.

## **b, Những tồn tại:**

Hiện tại, các lĩnh vực phát triển của G đều tương đối tốt nhưng cũng như giai đoạn trước, con vẫn bộc lộ khó khăn khá rõ ràng ở phần ngôn ngữ lời nói. Mặc dù đã được cung cấp các kiến thức, kỹ năng khá chắc chắn và đồng đều ở tất cả các lĩnh vực, được trải nghiệm thực tế đa dạng và phong phú, được cung cấp nhiều vốn từ và câu, nhưng đến nay đây là lĩnh vực con chậm trễ nhất so với các lĩnh vực khác và bắt đầu cản trở sự phát triển chung, bởi đến giai đoạn trên 3 tuổi, trẻ sẽ cần sử dụng rất nhiều ngôn ngữ trong mọi hoạt động, ngôn ngữ là phương tiện để trẻ tiếp nhận và thể hiện bản thân.

### ➤ *Ngôn ngữ - xã hội:*

- Ngôn ngữ tiếp nhận: mặc dù khả năng nhận thức, tư duy tốt khiến con tiếp thu nhanh và giải quyết vấn đề tốt nhưng con vẫn có khó khăn trong việc hiểu và xử lý các thông tin bằng lời nói mà cô cung cấp (nếu có kèm theo cử chỉ hỗ trợ thì con thực hiện tốt hơn là cô sử dụng lời nói đơn thuần). Ví dụ, cô hỏi “hôm nay ai đưa Su đi học? bố hay mẹ?”, con trả lời nhầm hoặc phải trả lời đến lần thứ 2, thứ 3 sau khi cô gợi ý thêm mới đúng.

- Ngôn ngữ nói: G đã có vốn từ phong phú, khả năng nhận thức và hiểu tốt nhưng tốc độ mở rộng độ dài câu nói khá chậm. Khi kết thúc kế hoạch dài hạn lần 2, con nói được khoảng 80 – 100 từ đơn nhưng đến hiện tại con vẫn chủ yếu nói các câu 3 từ (trong khi đây là mục tiêu luôn được ưu tiên hơn so với những mục tiêu khác), nhiều lúc vẫn là 2 từ nếu như cô không hỗ trợ nói mẫu. G khó khăn trong việc nối các từ với nhau khi phát âm, khó chuyển khẩu hình miệng và phát âm không được tròn trịa.



G rất khó nhớ từ, khó thuộc các bài hát, bài thơ kể cả các bài ngắn và quen thuộc (yêu mẹ, bắp cải xanh, một con vịt...). Hiện tại con chưa tự đọc, tự hát được hoàn chỉnh một bài vì con không nhớ hết, cô phải gợi ý hoặc nói mẫu con mới đọc/hát lại được (mặc dù đã được nghe nhiều lần).

⇒ Chính vì sự khó khăn về ngôn ngữ mà G không thể hiện được khả năng bên trong của bản thân, kéo sự phát triển của nhận thức, tư duy chậm lại ở giai đoạn này. Ví dụ: khi con nhìn chiếc khăn mặt, con lập tức gọi tên, cô hỏi “khăn mặt để làm gì?”, con đưa hai tay lên giả vờ rửa mặt nhưng lại trả lời là “khăn màu xanh, màu vàng”. Tương tự như vậy với các tình huống khác, con hiểu vấn đề nhưng không thể tự trả lời/điển đạt một cách chính xác bằng lời nói.

- G chưa phân biệt rõ ràng giữa bản thân và người xung quanh bằng các yếu tố xã hội: họ và tên, tuổi, giới tính do sự giới hạn về hiểu và điển đạt lời nói. Con đã có nhiều các kinh nghiệm xã hội và hiểu chúng ngay tại thời điểm xảy ra, con cũng tự tái hiện lại được bằng hành động và qua trò chơi nhưng lại chưa hiểu câu hỏi giả định của cô và biết cách trả lời (VD: sao chỗ này lại bị đau, nếu con bị đói thì phải làm thế nào?..)

➤ *Vận động tinh*: G có xu hướng sử dụng tay trái nhiều hơn tay phải, nên tay trái của con cũng không hoàn toàn thao tác một cách khéo léo giống như so với tay phải là tay thuận (chưa làm chủ được cây kéo, lực tay sử dụng bút để vẽ hơi yếu...).

➤ *Nhận thức – tư duy*: sự cản trở của ngôn ngữ không những khiến G không thể hiện được hết khả năng của mình ra ngoài mà còn làm chậm lại sự phát triển ở lĩnh vực này. Hiện tại, G chưa thực sự phân biệt/so sánh chắc chắn nhiều cặp đối lập hữu hình khác nhau, ở nhiều tình huống khác nhau mà chủ yếu xoay quanh những gì cô đã dạy.

➤ *Hành vi, nề nếp*: về cơ bản G khá ngoan ngoãn và hợp tác với cô trong mọi giờ học nhưng đôi lúc vẫn thể hiện sự bướng bỉnh, không nghe lời trong một số tình huống: không chia sẻ đồ chơi với bạn, không thích làm một hoạt

động mà cô đưa ra, không muốn dọn đồ chơi....Hơn nữa, bản thân G là một bé khá hiếu động, cá tính mạnh nên thường có xu hướng làm theo ý mình và dễ không hài lòng khi phải theo sự dẫn dắt của người lớn. Những lúc con không thích con thường không quan tâm, không chú ý đến những gì cô đang nói, hướng dẫn => những điều này cũng làm ảnh hưởng đến sự tiếp thu của con, đặc biệt là ở lĩnh vực ngôn ngữ.

\* **Kết luận:** Tóm lại, trong thời gian qua con đã có nhiều tiến bộ ở tất cả các lĩnh vực, G có thể mạnh ở vận động, tư duy và giao tiếp – xã hội nhưng có khó khăn ở lĩnh vực ngôn ngữ lời nói (cả hiểu và thể hiện).

## **2. Sở thích của trẻ:**

- G có nhiều sở thích khác nhau với đồ chơi và hoạt động, chỉ cần cô tổ chức chúng một cách vui nhộn và thực tế. Con đặc biệt thích các trò chơi biểu tượng (đang ở cuối giai đoạn giả vờ và bước sang đóng vai).

## **3. Những nhu cầu cần hỗ trợ:**

Dựa vào những phân tích kết quả con đã đạt được và những tồn tại trong thời gian qua, đồng thời xem xét xu hướng tính cách và những điểm yếu của bản thân con, cộng với nhu cầu từ gia đình, G cần được tập trung hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Tiếp tục cung cấp vốn từ/câu từ 3 – 5 tiếng và tăng dần lên sau khi con đã đạt được, giúp G hiểu và thực hiện được các yêu cầu phức tạp hơn (hơn 2 nhiệm vụ), các từ ngữ chỉ tính chất của sự vật, sự việc (trừu tượng hóa và đòi hỏi sự tưởng tượng nhiều hơn); hiểu và trả lời được các dạng câu hỏi một cách chắc chắn, mở rộng các dạng câu hỏi để làm gì? Đi đâu? Ai đi? Như thế nào? Bước đầu làm quen với câu hỏi “tại sao”.

- Mở rộng độ dài câu nói (3 – 5 tiếng và nhiều hơn) và cải thiện khả năng phát âm, từ đó giúp con sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp tốt hơn, biết thể hiện nhu cầu, khả năng nhận thức và ý kiến của bản thân bằng ngôn ngữ lời

nói. Biết phân biệt giữa bản thân và người khác bằng các yếu tố xã hội (tên, tuổi, giới tính, hoạt động...), hiểu tình huống giả định,...

- Củng cố chắc chắn khả năng nhận thức, tư duy hai chiều hữu hình: phân biệt, so sánh các cặp đối lập hữu hình, xếp hình không gian hai chiều, vẽ và tô màu các đối tượng liên kết với thực tế, quan sát và làm theo mẫu, sắp xếp theo quy luật,... Sau đó, mở rộng hơn các hoạt động giúp con trải nghiệm với những tính chất vô hình của sự vật/sự việc, đòi hỏi sự cảm nhận từ bản thân con (mùi, vị, âm thanh, chất liệu của đồ vật, mối quan hệ góc cạnh, mối quan hệ giữa bản thân và người khác...)

- Giúp con hình thành chắc chắn kỹ năng phối hợp song song hai tư thế/động tác của cơ thể và hai tay với nhau,...

#### **4. Tài liệu tham khảo:**

- Chương trình giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 - 4 tuổi.
- Các chiến lược phát triển ngôn ngữ cho trẻ
- Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non
- Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non



## II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CÁ NHÂN DÀI HẠN

Thời gian thực hiện kế hoạch: 08 tháng (kể từ ngày 01/11/2017 đến 30/06/2018)

STT	Lĩnh vực	Mục tiêu dài hạn	Mục tiêu ngắn hạn	Kết quả			Ghi chú	
				Đ	CKN	K		
1	Ngôn ngữ - giao tiếp	G biết hình dung lời nói của người lớn theo một quy trình 2 -3 bước/thông tin và tự thực hiện theo không cần nhìn trực quan (80%)	Thực hiện được hướng dẫn bằng lời 2 – 3 bước/thông tin trong các hoạt động tạo hình (80%)					
			Thực hiện được hướng dẫn bằng lời 2 – 3 bước/thông tin trong trò chơi giả vờ, đóng vai (80%)					
			G thực hiện được các yêu cầu 2 -3 nhiệm vụ/thông tin trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày					
		G nói được các câu 5 – 7 tiếng, 70% chủ động, 30% hỗ trợ, và biết trò chuyện 2 - 3 lượt trong nhóm bạn	Con nói được 100% các câu 3 tiếng					1 tháng
			Con nói được 90 – 100% các câu 4 tiếng					2 tháng
			Con nói được 70% các câu 5 – 7 tiếng, có hỗ trợ 30%					3 tháng
			Con biết trò chuyện 2 – 3 lượt trong nhóm bạn theo chủ đề của hoạt động					6 tháng
		G biết sử dụng ngôn ngữ nói để miêu tả trực tiếp, kể lại sự việc 1	Miêu tả được bức tranh có hai chủ thể và hành động không liên quan (80%)					Kết hợp kể chuyện
			Miêu tả được bức tranh có hai chủ					

		thông tin và trả lời 2 dạng câu hỏi (80%)	thể và hành động có liên quan (80%)				ên theo tranh tùng chi tiết đơn lẻ
			Kể lại được 1 sự việc đã diễn ra trong khoảng thời gian 1 ngày khi được hỏi (80%)				
			Trả lời được dạng câu hỏi “để làm gì?” với các đồ vật, đồ ăn, đồ uống...đạt 80%				
			Trả lời được dạng câu hỏi: “ở đâu?” đạt 80%				
2	Kỹ năng xã hội	Biết phân biệt giữa bản thân và người khác, giữa mọi người bằng 4 đặc điểm cơ bản	Con (hiểu) trả lời được họ tên của bản thân và người thân, giáo viên, bạn bè (100%)				
			Con (hiểu) trả lời được tuổi của bản thân và gọi đúng ngôi phù hợp với tuổi của mọi người xung quanh (90%)				Ông, bà, cô, chị...
			Con phân biệt được 4 – 5 trạng thái cảm xúc, chỉ ra được và có phản ứng phù hợp trong thực tế (90%)				
			Con (hiểu) trả lời được giới tính của bản thân và mọi người xung quanh qua hình dáng bên ngoài (90%)				
		Con hiểu các tình huống có vấn đề giả định liên quan	Con biết tự giải quyết các nhu cầu cơ bản của bản thân bằng cách tự làm hoặc nói với người lớn (100%)				Đói, khát, buồn

		đến nhu cầu của bản thân và biết giải quyết bằng cách diễn tả qua ngôn ngữ (80%)	Con biết trả lời tình huống giả định liên quan đến nhu cầu của nhân vật khi xem tranh, truyện (80%)				ngủ, nóng, lạnh, buồn vè sinh.. ...
			Con biết trả lời tình huống giả định liên quan đến nhu cầu của bản thân/nhân vật trong thực tế hoặc trò chơi (80%)				
3	Nhận thức – tư duy	Con biết phân biệt 20 – 30 cặp đối lập hữu hình, đạt 90% các hoạt động và cách thức thể hiện	Con phân biệt được 20 – 30 cặp đối lập trên đồ vật cùng loại trong thực tế (90%)				Cùng là cái cốc..
			Con biết phân biệt 20 – 30 cặp đối lập trên đồ vật khác loại trong thực tế (80%)				Cái cốc- cái bình
			Con phân biệt được 20 – 30 cặp đối lập cùng loại trên hình ảnh (90%)				Cùng hình tròn
			Con phân biệt được 20-30 cặp đối lập khác loại trên hình ảnh (80%)				Hình tròn- ngôi nhà
		Con biết phân biệt 4-5 cặp đối lập vô hình, đạt 80 – 90% các hoạt động và cách thức	G phân biệt được nóng-lạnh qua bàn tay/miệng và liên tưởng được khi xem hình (90%)				Thể hiện ra
			G phân biệt được nặng – nhẹ khi cầm trên tay với 2 đồ vật khác				bằng ngôn

	thể hiện	loại/cùng loại chênh lệch rõ ràng (80%)				ngữ nói
		Con phân biệt được vị ngọt - chua/cay/mặn qua miệng và liên tưởng được khi xem hình (80%)				
		Con phân biệt được giữa các đồ vật khác nhau qua cảm nhận từ bàn tay (bịt mắt), trong nhóm 5 đạt 90%				
		Con biết phân biệt giữa các đồ vật khác nhau qua âm thanh chúng phát ra (trong nhóm 5) – 90%				
	G biết hình dung về cách thực hiện một sản phẩm có 2 – 4 chi tiết cho trước và tự tìm được cách hoàn thiện (đạt 80% các hoạt động và có 20% gợi ý)	Con vẽ được 5-7 đối tượng được ghép bởi 3 – 4 chi tiết/nét vẽ				Chỉ cho mẫu ban đầu, ko làm mẫu từng thao tác
		G tạo ra được 7-10 sản phẩm có 3-4 chi tiết bằng các khối gỗ, ống nhựa, thanh ghép nhựa, que tính				
		Con biết tô màu theo mẫu bức tranh có bố cục 2 – 3 hình				
		Con biết ghép thành hình bức tranh có 3-4 mảnh không cần hỗ trợ, 4 mảnh trở lên có hỗ trợ 30%				
	G biết phân loại đồ vật theo đặc điểm chức năng (nhìn bề ngoài khác nhau nhưng	Con biết phân loại các đồ dùng trong gia đình theo phòng (bằng tranh ảnh và mô hình), 90%				Mở rộng lên nhóm
		Con biết phân biệt giữa các loại quả và con vật (bằng tranh ảnh và mô				3 – 4

		có điểm chung), thể hiện bằng ngôn ngữ, đạt 80 - 90%	hình), 90%				loại theo khả năng
			Con biết phân biệt giữa phương tiện giao thông và đồ dùng (bằng tranh ảnh và mô hình), 90%				
			Con biết phân biệt giữa đồ ăn và đồ uống (bằng tranh ảnh và mô hình), 90%				
		Con biết đếm chắc chắn trên đồ vật đến 10 và hiểu số lượng trong phạm vi 5	Con nhận biết được 100% mặt số 0 - 10				
			Con đếm được 100% trên đồ vật 1 – 10				
			Con biết lấy đồ vật theo số lượng cho trước 1 – 5				
			Con biết lấy số theo số lượng từ 1-5				
4	Vận động	Biết phối hợp hai động tác/tư thế khác nhau của cơ thể cùng một lúc, đạt 80% các hoạt động	Con biết nhảy lò cò trên 5 bước và quay ngược lại trên cả hai chân				Mở rộng theo khả năng
			Con biết phối hợp hai động tác cùng một lúc khi tập thể dục				
			Con biết phối hợp hai động tác cùng một lúc khi múa, nhảy theo nhạc				
			Con biết đi xe đạp 3 bánh tự lái				
		Biết phối hợp hai tay song song với nhau, thực hiện	Con biết cắt giấy theo đường thẳng và các hình dạng cơ bản (80%)				Mở rộng theo
			Con biết cài cúc áo và kéo khóa áo				



		hai thao tác cùng lúc trên tay thuận và xác định đúng mục tiêu bằng cách phối hợp tay mắt (đạt 60% các hoạt động)	có sự hỗ trợ 20%				khả năng
			Con ném được bóng/túi đồ trúng đích ở khoảng cách 1m (90%)				
			Con biết bắt bóng (ĐK 20cm) ở khoảng cách 1m (90%)				
			Con biết khâu dây qua bìa cứng luân phiên 2 mặt				

**KHGDCN của trẻ được xây dựng dựa trên sự thống nhất giữa gia đình và Trung tâm**

**Chú thích:** **Đ:** đạt (trẻ tự hoàn thành hoạt động không cần hỗ trợ)

**CKN:** có khả năng (trẻ hoàn thành được hoạt động có sự hỗ trợ của GV)

**K:** không (trẻ không hoàn thành được hoạt động cả khi có GV hỗ trợ)

*Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm  
2017*

**Ý kiến của gia đình**

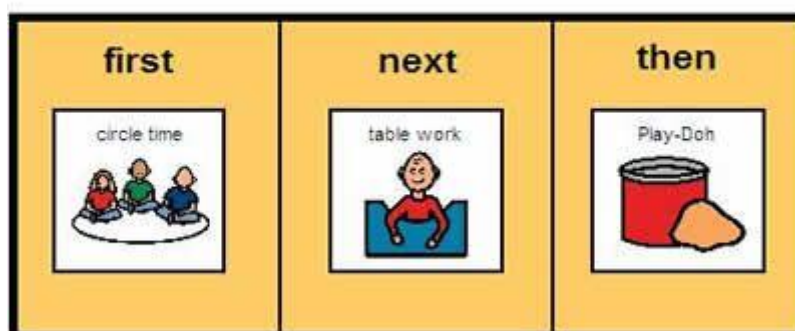
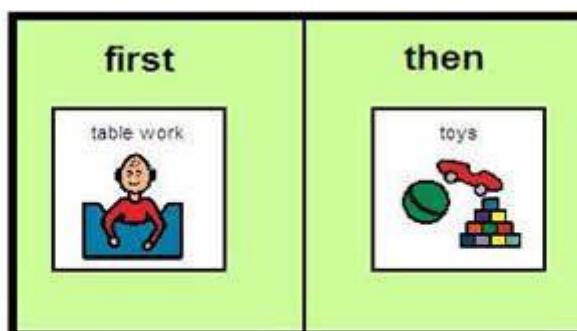
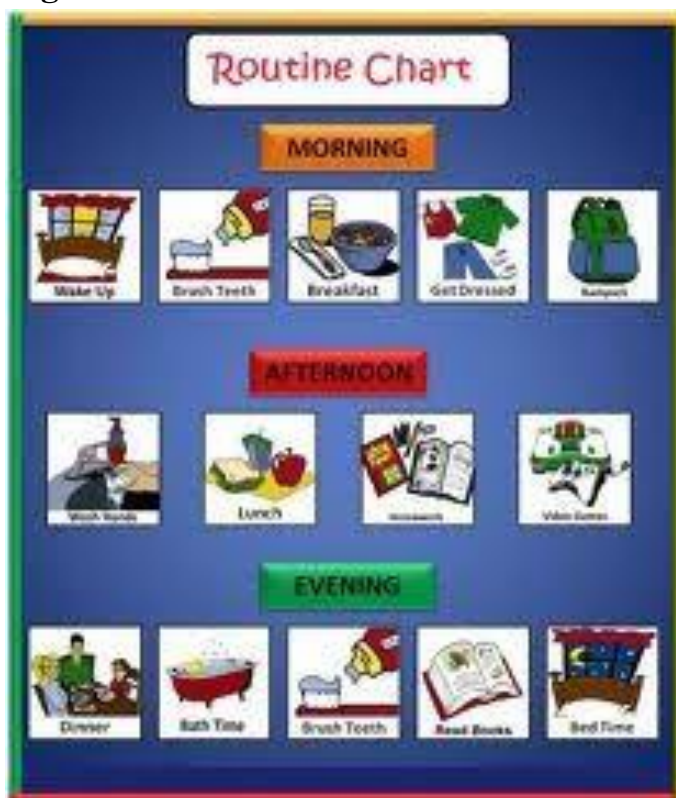
**Người lập kế hoạch**

.....  
.....  
.....  
.....

N.T.T.M

### III. MỘT SỐ MẪU AAC

#### 1. Lịch trình bằng hình ảnh





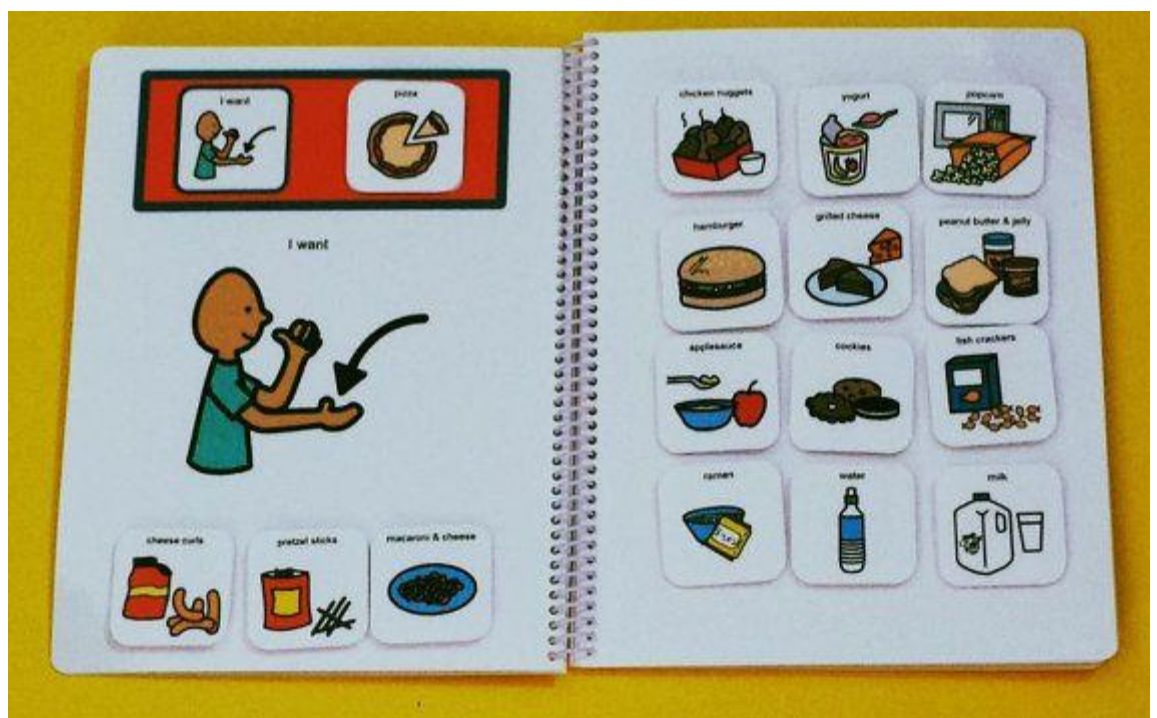
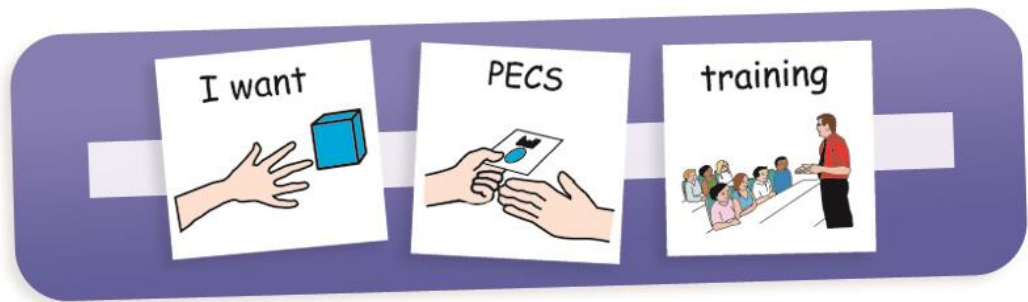
## 2. Bảng giao tiếp

**Bath time Communication!**

The Picture Communication Symbols ©1981-2011 by Mayer-Johnson, LLC. All Rights Reserved Worldwide. Used with permission. Boardmaker® is a trademark of Mayer-Johnson, LLC.

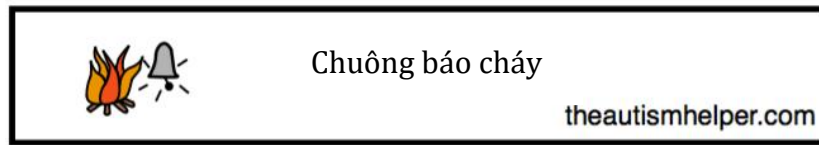
I 	don't 	water 	shampoo 	more 	different 
want 	like 	wash 	soap 	fun 	in 
you 	don't like 	play 	towel 	tub 	out 
it 	splash 	toys 	bubble 	shower 	all done 

### 3. PECS

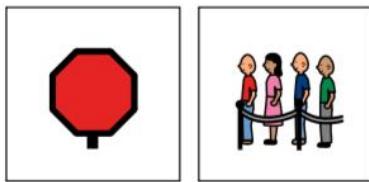


## 4. Câu chuyện xã hội

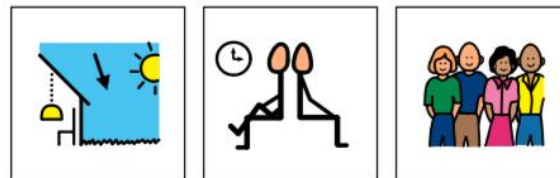
### Câu chuyện 1



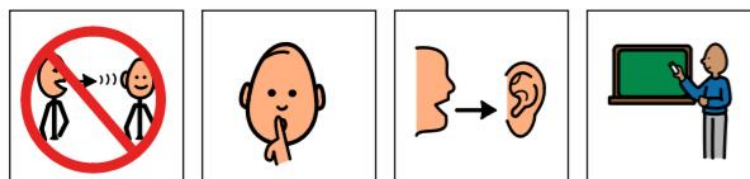
Đây là chuông báo cháy, khi nó bật lên



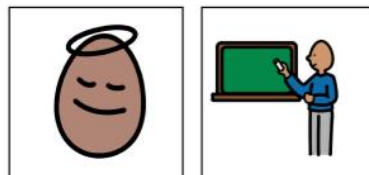
Hãy dừng tất cả các công việc của bạn lại và xếp hàng ở ngoài cửa



Đi ra ngoài và đợi cùng với bạn bè của mình



Hãy giữ trật tự, không nói chuyện, lắng nghe chỉ dẫn của giáo viên



Khi tôi biết cách thực hiện tốt lúc có chuông báo cháy, cô giáo sẽ rất vui.

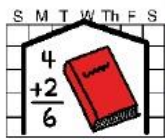
## Câu chuyện 2

### Trở lại trường học

Tôi đã có một kỳ nghỉ hè thật là vui với bạn bè



và gia đình



Vào tháng 9, đó là lúc tôi phải quay lại trường học

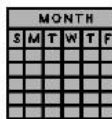
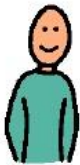
Ở trường, tôi sẽ gặp lại bạn bè và giáo viên của mình



Khi đến trường tôi cần tuân theo những quy tắc mới và khác so với ở nhà



Nếu tôi không biết về lịch học ở trường, tôi có thể hỏi người lớn để được chỉ dẫn



Nếu không biết rõ về nội quy ở lớp, tôi có thể hỏi giáo viên



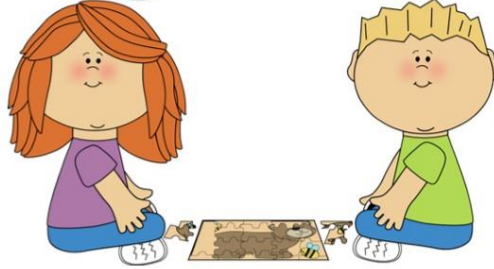
Trở lại trường học tôi sẽ có một lịch trình khác so với lúc tôi nghỉ hè, nhưng tôi sẽ vui vẻ để học và chơi cùng với các bạn.



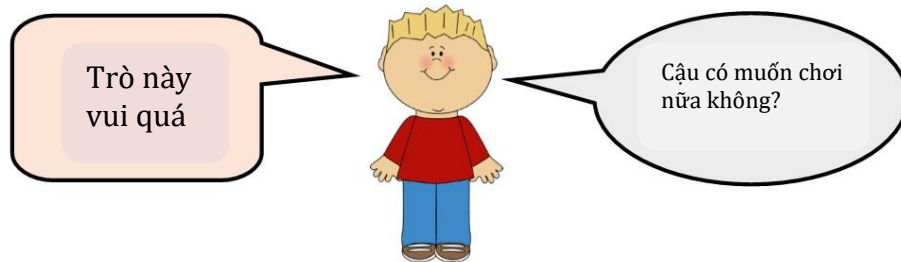


### Câu chuyện 3

# Thắng và thua



Tôi muốn chơi các trò chơi và là người chiến thắng. Trẻ con ai cũng muốn là người thắng



Khi tôi thắng, tôi có thể nói những câu như “trò chơi này thật thích”, “vui quá”, “tớ rất vui vì chơi cùng với cậu”, hoặc “cậu có muốn chơi nữa không?”

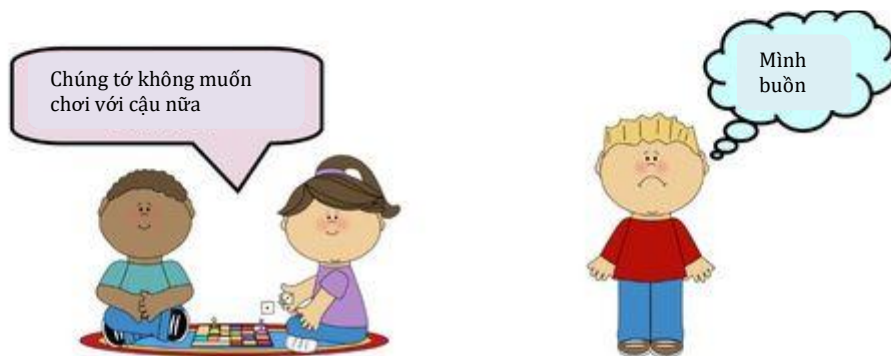


Đôi khi tôi thua. Điều đó làm tôi cảm thấy tức giận. Tôi không thích cảm giác thua cuộc.

Đôi lúc tôi thua, tôi như đánh mất chính mình và cáu giận với người đã thắng tôi hoặc nói những điều tồi tệ



Khi tôi tức giận và không kiểm soát được mình, điều đó sẽ làm người khác buồn. Các bạn sẽ nghĩ rằng tôi thật vô lý và không biết cách kiềm chế



Các bạn sẽ không muốn chơi cùng với tôi nữa. Điều này sẽ làm tôi buồn bởi vì tôi rất thích chơi trò chơi



Khi tôi mất kiểm soát, tôi cần dừng lại, hít thở thật sâu và nghĩ trong đầu rằng: "không sao cả, có thể tôi sẽ thắng ở lần chơi tiếp theo".



## IV. HỆ THỐNG BÀI TẬP

### 1. Bài tập phát triển vận động thô

#### **Bài tập 1: ĐUỔI BẮT**

Vận động thô, cánh tay, 1 – 2 tuổi

**Tương tác cá nhân, xã hội, 1 – 2 tuổi**

**Thể hiện nhận thức, ngôn ngữ tiếp nhận, 1 – 2 tuổi (tương đối)**

**Mục đích:** Nâng cao kỹ năng vận động cánh tay và tương tác xã hội thích hợp

**Mục tiêu:** Chơi đuổi bắt với người khác

**Đồ dùng:** Bóng nhựa bằng cao su mềm cỡ vừa

**Hướng dẫn:** Giúp trẻ đứng đối mặt với bạn cách gần 30 cm. Cầm tay trẻ đưa về phía trước, mu bàn tay hướng lên trên, và đưa bóng cho trẻ. Sau đó, cũng đưa tay bạn ra phá trước như vậy. Nói “An, bắt bóng” hoặc làm động tác đưa bóng. Nếu trẻ không đáp lại, lặp lại câu nói hoặc động tác và lấy bóng từ trẻ. Khen trẻ ngay lập tức dù bạn có phải lấy bóng từ tay trẻ. Lặp lại quy trình đến khi trẻ biết lấy tay đỡ bóng.

Đứng cách xa trẻ thêm một bước chân nữa và nhẹ nhàng thả bóng vào đúng tay trẻ. Lúc đầu,, đừng quan tâm trẻ có đón bóng được không. Chỉ đơn giản giành bóng và trở lại vị trí cầm bóng. Nói “bắt bóng” hoặc làm động tác để thả quả bóng cho bạn. Nếu trẻ lúng túng vì đứng xa hơn trước, giả vờ động tác thả bóng. Tiếp tục thả bóng cho trẻ, dù trẻ chỉ cầm bóng, đến khi trẻ biết thả bóng cho bạn. Khen trẻ đã thả cho bạn. Nếu trẻ bắt bóng, đừng tiếc lời khen để trẻ biết bạn đánh giá cao trẻ.

## **Bài tập 2: ĐÁ BÓNG**

Vận động thô, hai chân, 2 – 3 tuổi

**Tương tác cá nhân, xã hội, 1 – 2 tuổi**

**Mục đích:** Nâng cao khả năng phối hợp chân mắt và học cách đá quả bóng to

**Mục tiêu:** Đá quả bóng to cho người khác

**Đồ dùng:** Hai cái ghế, một quả bóng to

**Hướng dẫn:** Xếp hai cái ghế cạnh tường và dùng các hộp hoặc vật nào đó xếp lại bên ngoài để ngăn thành một khu bao kín mà bạn và trẻ có thể đá bóng qua lại nhưng bóng không lăn ra ngoài. Để trẻ ngồi vào một ghế còn bạn ngồi ghế kia. Nhẹ nhàng lăn bóng về phía trẻ bằng chân. Lặp lại động tác nếu cần rồi khuyến khích trẻ đá bóng cho bạn. Nếu trẻ khó hiểu phải làm gì, bắt đầu bằng việc đặt bóng ở ngay chân của trẻ và thao tác một chân để đá bóng đi. Thưởng ngay cho trẻ và khuyến khích trẻ đá bóng trở lại. Cố để đá bóng cho bạn nhẹ nhàng và sau đó kiểm soát bóng khi bạn đá bóng lại cho trẻ.

### **Bài tập 3: VƯỢT CHƯỚNG NGẠI VẬT MỨC ĐỘ CAO**

Vận động thô, toàn thân, 3 – 4 tuổi

**Tri giác, thị giác, 1 – 2 tuổi**

**Mục đích:** Nâng cao khả năng kiểm soát và giữ thăng bằng toàn thân

**Mục tiêu:** Hoàn thành công đoạn vượt 5 bước chướng ngại vật khó

**Đồ dùng:** Ghế, chổi, hộp, đồ đạc, dây

**Hướng dẫn:** Khi trẻ hoàn thành công đoạn vượt chướng ngại vật đơn giản không có trợ giúp, tạo ra các công đoạn khó khăn hơn gồm 5 chướng ngại vật chủ yếu là để tập giữ thăng bằng và kiểm soát bản thân. Lặp lại quy trình giống quy trình đơn giản. Đặt một đoạn dây để trẻ có thể đi theo một lộ trình nhất định. Dẫn trẻ đi qua đó vài lần để chắc chắn trẻ biết làm gì mỗi khi gặp chướng ngại vật. Đứng gần trẻ nhiều lần để nhắc trẻ đi theo sợi dây. Ví dụ về công đoạn vượt 5 chướng ngại vật khó như sau:

- a. Bò dưới cái chổi vắt qua hai cái ghế
- b. Nhảy qua cái chổi vắt qua hai cái ghế
- c. Bò qua hộp lớn dựng lên sau khi khoét hai mặt trên và dưới
- d. Đi giữa hai thứ đồ đặt gần nhau để trẻ biết nghiêng mình lách qua
- e. Bước từ ghế này sang ghế khác

#### **Bài tập 4: NÉM BÓNG QUA LỚP Ô TÔ (vòng nhựa)**

Vận động thô, cánh tay, 4- 5 tuổi

**Phối hợp tay mắt, kiểm soát, 5 -6 tuổi**

**Mục đích:** Ném trực tiếp thẳng vào mục tiêu

**Mục tiêu:** Ném bóng cỡ vừa qua lớp đứng yên

**Đồ dùng:** Lớp ô tô cũ, dây thừng to, bóng cỡ vừa

**Hướng dẫn:** Treo lớp ô tô cũ lên cây cách mặt đất hơn 1m. Để trẻ đứng ngay trước lớp xe và giúp thả bóng qua lỗ. Khen trẻ ngay lập tức. Giảm dần sự trợ giúp khi trẻ bắt đầu hiểu cần làm gì. Khi trẻ thả bóng qua lỗ dễ dàng thẳng từ trước lớp, cho trẻ dịch xa hơn đến khi trẻ tung bóng qua lỗ từ vạch vẽ đằng sau cách lớp 1m. Ghi lại số lần trẻ tung bóng qua lỗ từ khoảng cách đó. Đảm bảo trẻ ném bóng qua lớp ít nhất 7/10 lần trước khi chuyển sang vạch xa lớp hơn. Cũng phải nhớ rằng lớp luôn đứng yên.



## **Bài tập 5: KÉO CO**

Vận động thô, toàn thân, 5 -6 tuổi

**Vận động tinh, cầm nắm, 1 – 2 tuổi**

**Mục đích:** Nâng cao sức khỏe đôi tay và sự phát triển cơ bắp toàn diện

**Mục tiêu:** Kéo một sợi dây được người khác giữ với tất cả nội lực

**Đồ dùng:** Dây dài gần 1m

**Hướng dẫn:** Vẽ một vạch thẳng trên sàn, bằng phấn hoặc băng dính đều được và đặt sợi dây vắt ngang qua vạch thẳng. Đưa cho trẻ cầm một đầu của sợi dây trong khi bạn cầm đầu kia. Dùng kí hiệu cho trẻ cố gắng kéo bạn qua 1 vạch. Lúc đầu làm cho trẻ kéo dễ dàng và khen trẻ “kéo khỏe lắm”. Dần dần



## 2. Bài tập phát triển vận động tinh- phối hợp tay mắt

### Bài tập 6: TÔ MÀU

Phối hợp tay mắt, vẽ, 1 – 2 tuổi

**Vận động tinh, thao tác, 1 – 2 tuổi**

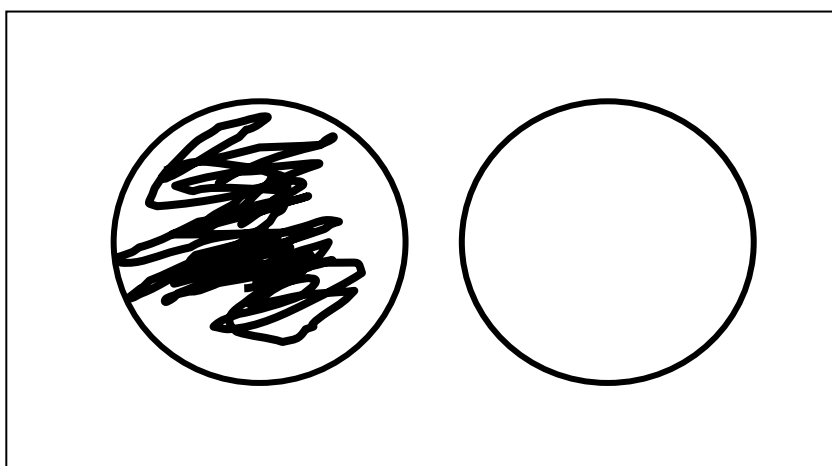
**Bắt chước, vận động, 1 – 2 tuổi**

**Mục đích:** Nâng cao khả năng kiểm soát bàn tay và kỹ năng tô màu

**Mục tiêu:** Tạo 4 – 5 dấu vết bằng bút màu trong một đường viền rộng

**Đồ dùng:** Bút màu, giấy, bút đánh dấu

**Hướng dẫn:** Dùng bút đánh dấu, vạch ra hai hình vuông hoặc tròn giống hệt nhau trên một tờ giấy phẳng. Làm cho đường viền đậm, to và dễ nhìn (xem hình). Đặt một tờ giấy và hai bút màu trên bàn trước mặt trẻ. Lấy một bút màu và tạo ra vài dấu vết trong đường viền. Đưa cho trẻ bút màu thứ hai và nói “con làm đi”. Giúp trẻ cầm bút trong tay và nguệch ngoạc và giãy bên trong đường viền. Khen ngợi trẻ và lấy đi tờ thứ nhất. Lấy tờ thứ hai và lặp lại quy trình. Lúc đầu trẻ có thể không hiểu ý bạn là phải tô màu bên trong đường viền. Tiếp tục tạo dấu vết bên trong đường viền và dùng tay bạn để giúp trẻ nguệch ngoạc tạo dấu vết trong đường viền. Giảm dần sự điều khiển tay trẻ để trẻ bắt đầu tô màu có kiểm soát. Thưởng cho trẻ khi trẻ kết thúc.



## **Bài tập 7: XÂU HẠT**

Phối hợp tay mắt, kiểm soát, 2 – 3 tuổi

**Vận động tinh, phối hợp hai tay, 2 – 3 tuổi**

**Mục đích:** Nâng cao khả năng phối hợp tay mắt và dùng hai tay phối hợp

**Mục tiêu:** Xâu năm hạt qua dây buộc giày không cần trợ giúp

**Đồ dùng:** Dây buộc giày, hạt

**Hướng dẫn:** Khi trẻ có thể xâu hai hạt vào một que nhựa không cần trợ giúp, chuyển sang dây mềm. Thắt một đầu dây lại để khi xỏ hạt vào không bị tuột ra ngoài. Minh họa động tác xỏ hạt vào dây buộc giày. Đảm bảo trẻ đang quan sát bạn. Sau đó hướng dẫn trẻ cầm dây buộc giày bằng một tay và cầm hạt bằng một tay. Giúp trẻ xỏ đầu dây buộc giày qua lỗ của hạt và kéo sát nút thắt. Lặp lại hoạt động cho đến khi trẻ xỏ được 5 hạt vào dây. Lúc đầu có thể bạn phải tiếp tục hướng dẫn trẻ trong suốt hoạt động. Nhớ rằng trẻ phải biết rằng mỗi tay thực hiện một nhiệm vụ riêng trước khi phối hợp hai tay với nhau. Lặp lại hoạt động cho đến khi trẻ biết xỏ năm hạt mà không cần trợ giúp.

## Bài tập 8: VẼ ĐƯỜNG THẲNG NGANG

Phối hợp tay mắt, vẽ, 3 – 4 tuổi

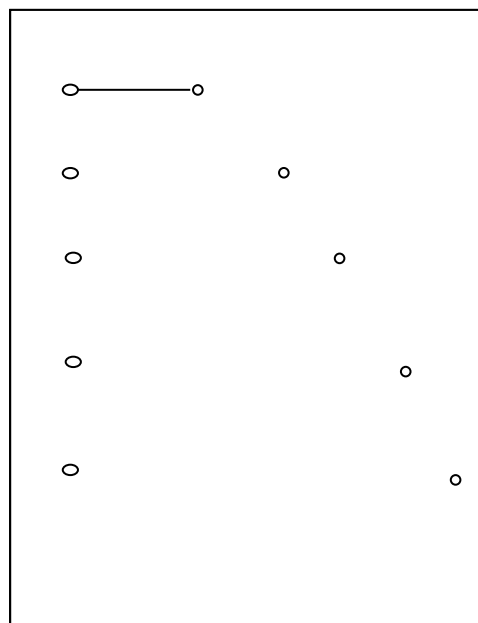
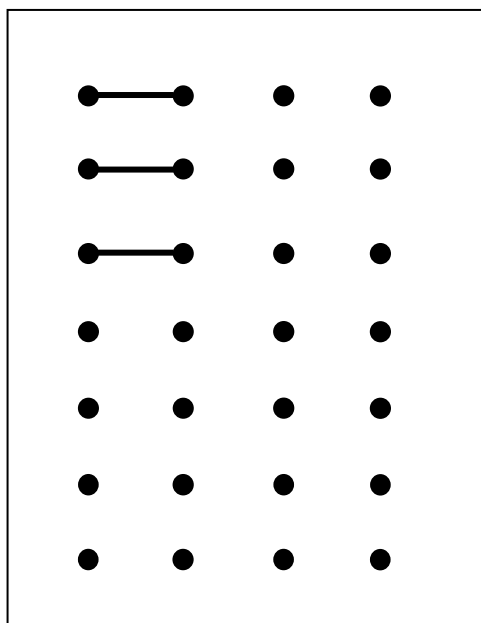
**Vận động tinh, thao tác, 3 – 4 tuổi**

**Mục đích:** Nâng cao khả năng kiểm soát tay và những kỹ năng vẽ đơn giản

**Mục tiêu:** Vẽ ba đường thẳng ngang bằng cách nối các chấm

**Đồ dùng:** Giấy, bút màu, bút đánh dấu

**Hướng dẫn:** Dùng bút đánh dấu, chuẩn bị nhiều tờ giấy khác nhau bằng cách vẽ năm hoặc sáu bộ chấm lớn cách nhau gần 3 cm (xem hình). Cầm tay trẻ và đưa bút màu cho trẻ. Giúp trẻ đặt bút màu vào chấm ở phía bên trái. Nói “đặt vào đây” và hướng dẫn trẻ đưa bút sang chấm ở bên phải. Giảm sự kiểm soát đối với tay trẻ khi bạn cảm thấy trẻ tự mình biết đưa bút màu. Thưởng ngay khi hoàn thành xong mỗi tờ giấy. Khi trẻ có thể vẽ đường thẳng giữa các chấm cách xa nhau gần 3 cm, tăng dần khoảng cách giữa các chấm và làm chúng mờ đi.





## **Bài tập 9: CẮT BẰNG KÉO**

Phối hợp tay mắt, kiểm soát, 4 – 5 tuổi

**Vận động tinh, thao tác, 4 – 5 tuổi**

**Vận động tinh, phối hợp hai tay, 4 – 5 tuổi**

**Mục đích:** Nâng cao khả năng kiểm soát kéo và phối hợp tay mắt

**Mục tiêu:** Cắt những dải giấy theo hường đánh dấu rõ ràng

**Đồ dùng:** Giấy, kéo, bút đánh dấu

**Hướng dẫn:** Cắt một mảnh giấy trắng phẳng thành những dải rộng khoảng 3 cm. Dùng bút đánh dấu, vẽ những đường thẳng đen đậm dọc theo dải giấy cách nhau khoảng 5 cm. Đưa cho trẻ một dải giấy và kéo rồi giúp trẻ đặt tay đúng cách để cầm cả kéo và giấy. Chỉ vào một đường thẳng trên giấy và nói “con cắt đi”. Nếu trẻ lúng túng hoặc cắt vào chỗ khác mà không cắt trên đường thẳng, hướng tay trẻ để cắt gần sát với đường thẳng. Thường ngay cho trẻ. Lặp lại hoạt động nhiều lần đến khi trẻ cắt trên đường thẳng mà không cần trợ giúp. Khi trẻ quen với việc cắt trên đường thẳng sau khi bạn chỉ thì cố gắng chỉ hướng dẫn bằng lời “con cắt đi” chứ không chỉ. Quan sát xem liệu trẻ có tự tìm thấy đường thẳng và cắt đúng không.

## **Bài tập 10: ĐINH GHIM VÀO BẢNG I**

Vận động tinh, thao tác, 5-6 tuổi

**Bắt chước, vận động, cầm nắm, 2-3 tuổi**

**Vận động tinh, cầm nắm, 2-3 tuổi**

**Mục đích:** Nâng cao khả năng kiểm soát vận động tinh và sức khỏe bàn tay

**Mục tiêu:** Ấn 12 đinh ghim vào bảng xốp

**Đồ dùng:** Đinh ghim bảng (mũ ngắn), bảng xốp

**Hướng dẫn:** Ngồi tại bàn với trẻ và đặt bảng xốp trên bàn trước mặt trẻ. Đặt đinh ghim bảng ở ngoài để cả cô và trò đều với tới. Đảm bảo rằng trẻ đang quan sát khi bạn nhặt đinh ghim đầu tiên. Dùng ngón cái và ngón trỏ nhặt đinh ghim ở phần mũ. Cầm nó trước mặt trẻ để trẻ thấy chính xác cách cầm. Nói “Nhìn này, An” và từ từ ấn đinh ghim bảng. Cầm ngón cái và ngón trỏ của trẻ rồi lặp lại quy trình, hướng dẫn trẻ nhặt đinh ghim lên và ấn vào bảng xốp. Chỉ vào đinh ghim thứ hai và nói “Đặt nó vào” rồi chỉ vào bảng. Nếu trẻ không dịch chuyển để nhặt đinh ghim, cầm tay trẻ và hướng dẫn trẻ lần nữa. Lặp lại quy trình đến khi trẻ có thể nhặt 12 đinh ghim đặt vào bảng xốp. Lúc đầu, rải ra 3-4 đinh ghim trên bàn nhưng khi trẻ đã biết cần làm gì thì tăng dần số đinh ghim.

## **Bài tập 11: ĐAN GÀI**

Vận động tinh, thao tác 5-6 tuổi

**Thể hiện nhận thức, ngôn ngữ tiếp nhận, 4-5 tuổi**

**Mục đích:** Học cách đan gài theo kiểu trên dưới tuần tự

**Mục tiêu:** Hiểu khái niệm trên dưới và di chuyển giấy tương ứng. Thực hiện đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Đồ dùng:** Giấy thủ công (2-3 màu)

**Hướng dẫn:** Cắt tờ giấy thành các dải 3cm (màu 1: dài 20cm, màu 2: dài 50cm). Giữ một tờ giấy nguyên vẹn để làm nền. Ghim các dải giấy màu 1 vào phần đầu của tờ giấy nguyên vẹn. Lấy các dải giấy màu 2 và đan gài qua chúng, từ phải sang trái (vì trẻ thuận tay phải). Khi minh họa động tác nói trên-dưới khi di chuyển dải giấy. Đưa cho trẻ dải giấy khác và giúp trẻ di chuyển trên-dưới. Bạn sẽ cần cho trẻ thấy bạn phải lồng nó lên trên, xuống dưới tùy theo vị trí của dải giấy ở trên. Dùng câu đơn giản “Nhìn này, An, cái này ở trên nên cái mới này ở dưới”. Khi trẻ thực hiện quan sát từ xa và ngăn không bị lúng túng hoặc bắt đầu nản. Sau khi dải giấy đã được đặt đúng chỗ, làm nó chắc chắn bằng cách dán lại. Khi kết xong, khen trẻ và đưa kéo để trẻ cắt bỏ phần đầu thừa. Treo nó trên tường bếp hoặc đặt nó giữa bàn ăn khi dùng bữa tráng miệng. Khi nhìn thấy sản phẩm của mình, trẻ sẽ có thêm động lực để tiếp tục thực hiện vào lần tiếp theo.

## **Bài tập 12: ĐINH GHIM VÀO BẢNG II**

### **Phối hợp tay mắt, kiểm soát, 5 -6 tuổi**

**Mục đích:** Nâng cao khả năng cầm nắm và nhắm đối tượng vào đúng mục tiêu

**Mục tiêu:** Gắn 12 đinh ghim vào một bảng tin đúng mẫu đưa ra trên tờ giấy màu

**Đồ dùng:** Đinh ghim bảng (mũ ngắn), bảng gắn, giấy màu

**Hướng dẫn:** Đặt một đinh ghim bảng trước mặt trẻ và hướng tay trẻ cầm vào phần mũ đinh một cách cẩn thận để nhặt nó lên. Sau đó hướng tay trẻ gắn đinh ghim vào bảng tin. Lặp lại quy trình cho đến khi trẻ có thể gắn đinh ghim vào bảng một cách ngẫu nhiên mà không cần trợ giúp. Dán 12 chấm giấy lên bảng theo hình dạng của một đối tượng để nhận biết như là ngôi nhà hoặc một hình khuôn mặt. Rải các đinh ghim lên bàn trước mặt trẻ. Chỉ vào một đinh ghim và chỉ vào một chấm rồi nói “Gắn vào đó”. Nếu trẻ cố gắng gắn đinh ghim vào nơi nào đó mà không gắn vào chấm, nhẹ nhàng hướng tay trẻ vào đúng chỗ. Lặp lại quy trình với số đinh ghim còn lại. Khi trẻ bắt đầu quen với nhiệm vụ, thỉnh thoảng lại nói “Gắn vào đó” nhưng không chỉ vào chấm. Quan sát trẻ có thể định vị bằng mắt một chấm chưa gắn để chèn vào không. Nếu trẻ lúng túng, nhanh chóng chỉ vào chấm để trẻ không nản chí.

### 3. Bài tập phát triển nhận thức

#### **Bài tập 13: NHẬN RA VỊ TRÍ CỦA ĐỒ VẬT**

Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 1 – 2 tuổi

**Tri giác, thị giác, 1 – 2 tuổi**

**Vận động tinh, kiểm soát, 0 – 1 tuổi**

**Mục đích:** Phát triển khả năng hiểu tên các đồ vật quen thuộc và tăng cường kỹ năng định hướng thị giác

**Mục tiêu:** Trẻ ngồi tại bàn, nhìn quanh phòng và chỉ không cần hỗ trợ vào đồ vật cụ thể để đáp ứng cho câu hỏi: “...ở đâu?”

**Đồ dùng:** Bàn học, hai ghế, bốn đồ vật quen thuộc với trẻ

**Hướng dẫn:** Chọn 4 đồ vật trẻ biết tên. Khi bắt đầu thực hiện hoạt động này, giáo viên cùng trẻ ngồi tại bàn và đặt bốn vật lên bàn. Chỉ cho trẻ xem từng đồ vật và gọi tên đồ vật đó cho trẻ biết. Sau đó, đặt từng đồ vật vào các vị trí dễ nhìn trong phòng. Cầm tay khỏi bàn và hỏi trẻ: “quả bóng đâu”. Không để trẻ đứng dậy và đi lấy đồ vật mà yêu cầu trẻ ngồi tại chỗ, nhìn quanh phòng và nhìn vào vị trí quả bóng. Một điều quan trọng là đầu tiên cần hướng dẫn trẻ sử dụng cử chỉ lấy ví dụ như chỉ tay. Lặp lại hướng dẫn đối với những đồ vật còn lại. Nếu trẻ không nhìn quanh phòng để tìm đồ vật yêu cầu, lặp lại câu hỏi và hướng dẫn trẻ nhìn vào các đồ vật, hỏi “quả bóng đâu”. Khi trẻ nhìn vào quả bóng, thả tay trẻ ra và hướng dẫn trẻ chỉ vào đồ vật. Khuyến khích trẻ gọi tên đồ vật nếu trẻ có ngôn ngữ nói. Sau khi trẻ đã chỉ đúng tất cả các đồ vật, nói “con lấy quả bóng” và để trẻ đứng dậy đi lấy quả bóng. Cần chú ý nhấn mạnh để trẻ phân biệt được “quả bóng ở đâu” và “lấy quả bóng”. Khi trẻ đã biết xác định vị trí và chỉ được vào đồ vật sau khi quan sát bạn đặt các đồ vật đó vào các vị trí khác trong phòng, tiếp tục thực hiện hoạt động nhưng để các đồ vật trước khi trẻ vào phòng. Nhớ rằng nên đặt các đồ vật vào các vị trí dễ nhìn trong tầm mắt trẻ.

## **Bài tập 14: KẾT HỢP TRANH**

Nhận thức thể hiện, kết hợp, 2 – 3 tuổi

### **Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 2 – 3 tuổi**

**Mục đích:** Phát triển kỹ năng kết hợp và khả năng nhận thức rằng một danh từ có thể đại diện cho nhiều đồ vật chứ không phải tên gọi cho một đồ vật cụ thể.

**Mục tiêu:** Kết hợp tranh về các đồ vật tương tự, mỗi đồ vật có một số hình ảnh đại diện khác nhau

**Đồ dùng:** Các bức tranh về những đồ vật cùng loại nhưng không phải duy nhất một loại (ví dụ: tranh về các chiếc giày khác nhau)

**Hướng dẫn:** Đưa ra một nhóm các bức tranh về một loại đồ vật nào đó (ví dụ, các tranh về chiếc giày khác nhau), xáo trộn cùng với một số bức tranh về các khác vật khác. Lấy ra một bức tranh về chiếc giày và nói “con nhìn xem, chiếc giày”. Sau đó nói “con tìm chiếc giày nào” và chỉ vào các bức tranh. Sử dụng cử chỉ để hỗ trợ trẻ đưa cho bạn tất cả các bức tranh chiếc giày. Nếu trẻ đưa cho bạn một bức tranh về chiếc giày nhưng sau đó không tìm thêm nữa, thu hút sự chú ý của trẻ bằng cách nói “con hãy tìm một chiếc giày khác nữa”. Cố gắng thu thập các hình ảnh khác nhau về một loại đồ vật. Một khái niệm quan trọng mà trẻ em cần phải hiểu là từ “chiếc giày” có thể đúng với một số lượng lớn các đồ vật với vẻ ngoài có phần khác nhau.

## **Bài tập 15: NGHE HIỂU TÊN CÁC MÀU SẮC**

Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 3 – 4 tuổi

### **Tri giác, thị giác, 3 – 4 tuổi**

**Mục đích:** Tăng cường khả năng nhận thức về các màu sắc và phát triển nghe hiểu tên các màu sắc cơ bản

**Mục tiêu:** Đưa đúng khối gỗ màu khi được yêu cầu

**Đồ dùng:** Các khối gỗ màu, hạt nhựa màu, giấy màu

**Hướng dẫn:** Khi trẻ biết kết hợp các khối gỗ theo màu, bắt đầu yêu cầu trẻ đáp ứng với màu sắc. Trong hoạt động kết hợp, bạn đã cho trẻ cơ hội làm quen với tên gọi các màu. Bây giờ, bạn cần chắc chắn rằng trẻ biết liên kết tên gọi màu sắc với khối gỗ. Chọn 3 khối gỗ với các màu: xanh nước biển, đỏ, vàng. Đưa cho trẻ khối gỗ màu xanh nước biển, nói “khối gỗ màu xanh nước biển” một số lần. Nhấn mạnh vào tên màu sắc. Sau đó nói với trẻ “đưa cho cô khối gỗ màu xanh nước biển”. Lặp lại hướng dẫn với khối gỗ màu đỏ và vàng. Sau khi trẻ đã làm quen với tên gọi các màu sắc, để tất cả các khối gỗ về một bên bàn, sau đó yêu cầu trẻ: “đưa cô khối gỗ màu đỏ”. Nếu trẻ vươn tới khối gỗ không đúng màu, cầm tay trẻ tới khối gỗ đúng và nói: “đây là khối gỗ màu đỏ”. Tiếp tục hoạt động cho tới khi trẻ có thể đưa cho bạn cả ba khối gỗ theo đúng màu được yêu cầu. Để giúp trẻ khái quát hóa hiểu biết về tên gọi các màu sắc, lặp lại hướng dẫn với hạt nhựa màu, giấy màu. Tăng dần số lượng màu sắc, nhưng chỉ giới thiệu một màu mới mỗi lần, theo cách như bạn đã giới thiệu màu đầu tiên. Điều này có nghĩa là khi bạn đưa ra thêm màu mới, bạn cần thay đổi vị trí đặt đồ vật trên bàn để trẻ được củng cố mỗi khi trẻ học được màu mới.

## **Bài tập 16: GHÉP CÁC BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI**

Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 4 – 5 tuổi

**Phối hợp tay mắt, kiểm soát, 4 – 5 tuổi**

**Nhận thức ngôn ngữ, vốn từ 2 -3 tuổi**

**Mục đích:** Phát triển hiểu biết về khái niệm cơ thể

**Mục tiêu:** Sắp xếp đúng các bộ phận cơ thể

**Đồ dùng:** Giấy màu, kéo, giấy bìa

**Hướng dẫn:** Cắt các bộ phận cơ thể từ tờ giấy màu. Đầu tiên, chỉ chia người thành 3 bộ phận chính: đầu, thân mình, và chân. Khi kỹ năng của trẻ đã phát triển hơn, có thể thêm các bộ phận khác như các chi tiết trên mặt, bàn tay, bàn chân... (xem hình). Thu hút sự chú ý của trẻ rồi hướng dẫn trẻ cách sắp xếp các bộ phận cơ thể thành hình người trên tờ giấy bìa. Gọi tên từng bộ phận cơ thể khi bạn sắp xếp chúng. Xáo trộn các miếng ghép rồi đưa cho trẻ yêu cầu trẻ ghép lại. Giúp trẻ ghép hai miếng đầu tiên với nhau, sau đó đưa cho trẻ miếng thứ ba nói: “con ghép vào”. Nếu trẻ không thực hiện hoặc ghép vào vị trí không chính xác, đưa tay trẻ xếp miếng ghép vào vị trí phù hợp. Lặp lại hướng dẫn cho tới khi trẻ tự sắp xếp được các miếng ghép. Khi trẻ có thể tự ghép hoàn chỉnh hình người không cần bạn hỗ trợ, dần dần tăng số lượng các bộ phận cơ thể lên. Lưu ý gọi tên các bộ phận cơ thể khi trẻ sắp xếp. Để học được tên bộ phận cơ thể theo cách này, trẻ cần nhiều thời gian, tuy nhiên trẻ nên quen với việc được nghe tên gọi các bộ phận cơ thể.



## **Bài tập 17: GIỚI TỪ CHỈ ĐỊA ĐIỂM**

Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 5 – 6 tuổi

### **Phối hợp tay mắt, vẽ, 4 – 5 tuổi**

**Mục đích:** Tăng cường hiểu biết về các khái niệm vị trí khi mô tả trong không gian hai chiều.

**Mục tiêu:** Vẽ về một địa điểm cụ thể dựa trên mô tả bằng ngôn ngữ nói trong đó có sử dụng các từ chỉ vị trí.

**Đồ dùng:** Bút sáp màu, giấy

**Hướng dẫn:** Trước khi thực hiện hoạt động, cần chuẩn bị các tờ tranh có sẵn các hình cơ bản. Một tờ tranh có thể bao gồm hình ngôi nhà, bạn gái và cái cây; một tờ tranh khác có thể bao gồm hình vuông, tròn, tam giác. Ngồi bên cạnh trẻ tại bàn, đưa cho trẻ một tờ giấy trên. Đưa ra các hướng dẫn bằng lời đơn giản, bao gồm các từ chỉ vị trí như: “trong”, “bên dưới”, “xung quanh”, “bên cạnh”. Ví dụ, đưa cho trẻ tờ tranh bao gồm hình ngôi nhà, bạn gái và cái cây. Yêu cầu trẻ: “con hãy vẽ một hình trong vòng quanh bạn gái”. Cầm ngón tay trẻ và định hướng vòng tròn quanh bạn gái. Nhấn mạnh từ *vòng quanh* và nhắc lại nó vài lần khi bạn đưa ngón tay trẻ. Sau đó, đưa cho trẻ bút sáp và giúp trẻ vẽ hình tròn vòng quanh bạn gái. Tương tự, bạn có thể yêu cầu trẻ vẽ một đường ngang bên dưới ngôi nhà, một cái chấm bên cạnh cái cây. Luôn luôn sử dụng lời hướng dẫn đơn giản. Cần chắc chắn rằng trẻ quen thuộc với các hình trong tranh, và trẻ có thể vẽ được những hình bạn yêu cầu. Khi kỹ năng này của trẻ đã phát triển, tăng dần mức độ khó của nhiệm vụ. Ví dụ, bạn đưa cho trẻ hai bút sáp và yêu cầu: “con hãy vẽ một hình vuông *màu xanh lá cây bên trong* hình tròn.

## **Bài tập 18: SẮP XẾP CÁC BỨC TRANH THEO THỨ TỰ**

### **Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 4-5 tuổi**

**Mục đích:** Học về thứ tự thời gian và tăng cường hiểu biết về thói quen sinh hoạt hằng ngày.

**Mục tiêu:** Sắp xếp ba bức tranh mô tả hoạt động hằng ngày theo thứ tự các hoạt động đó diễn ra hàng ngày.

**Đồ dùng:** Các bức tranh (được cắt ra từ báo hoặc vẽ) mô tả các hoạt động hành ngày của trẻ như: ngủ dậy, đi tới trường, ăn tối/ đi ngủ

**Hướng dẫn:** Đặt ba bức tranh theo đúng thứ tự các hoạt động đó diễn ra hàng ngày. Nói với trẻ: “Nhìn xem, *đầu tiên* con ngủ dậy”, và chỉ cho trẻ trẻ xem bức tranh phù hợp. Tiếp theo chỉ cho trẻ xem bức tranh ai đó đang ăn và nói: “*Tiếp theo*, con ăn sáng”. Cuối cùng cho trẻ xem ai đó đang đi đến trường và nói: “*Cuối cùng*, con đi tới trường”. Sau khi bạn đã cho trẻ hết các bức tranh, xáo trộn chúng rồi để lên trên bàn. Nói với trẻ: “Nhìn xem, cái gì *đầu tiên*?”. Hướng dẫn trẻ cách đáp ứng bằng cách chỉ hoặc đưa bức tranh cho bạn. Khi trẻ chỉ đúng, nói: “Đúng rồi, đầu tiên con ngủ dậy”. Lặp lại hướng dẫn với hai bức tranh còn lại, hỏi trẻ: “Tiếp theo, con làm gì?”. Nếu trẻ đưa không đúng, hướng dẫn trẻ bằng cách chỉ vào đúng bức tranh và đưa ra lời gợi ý. Chỉ nên bắt đầu với ba tranh, tăng dần số tranh khi kỹ năng của trẻ đã phát triển. Cần nhớ rằng các bức tranh cần rõ ràng và nó mô tả thói quen sinh hoạt mà trẻ quen thuộc.

## **Bài tập 19: SẮP XẾP CÁC BỨC TRANH THEO THỨ TỰ - II.**

Nhận thức thể hiện, thứ tự, 5 – 6 tuổi.

**Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 4 – 5 tuổi.**

**Nhận thức ngôn ngữ, giao tiếp, 5 – 6 tuổi.**

**Mục đích:** Tăng cường hiểu biết về thứ tự, phát triển hiểu biết và các khái niệm đầu tiên, tiếp theo, cuối cùng.

**Mục tiêu:** Sắp xếp ba bức tranh của một câu chuyện mới được nghe.

**Đồ dùng:** Bộ tranh về sự kiện diễn ra trong một câu chuyện ngắn.

**Hướng dẫn:** Lấy ra ba bức tranh từ quyển truyện tranh. Các bức tranh nên mô tả một cảnh rõ ràng trong câu chuyện, và không nên là phần mở đầu. Kể cho trẻ nghe câu chuyện, và khi kết tới các đoạn phù hợp, chỉ cho trẻ xem tranh. Cần chắc chắn rằng trẻ chú ý vào bức tranh trước khi bạn tiếp tục kể chuyện. Chỉ ra một số chi tiết trong bức tranh để tăng cường sự chú ý của trẻ. Khi bạn đã cho trẻ xem cả ba bức tranh và kể xong câu chuyện, cầm các bức tranh lên và xáo trộn chúng với nhau. Sau đó, đặt chúng xuống bàn theo trật tự sai. Hỏi trẻ: “Đầu tiên là gì?”, “Tiếp theo là gì?”, “Cuối cùng là gì?”, sau mỗi câu hỏi, giúp trẻ tìm tranh phù hợp. Khi trẻ có thể sắp xếp các bức tranh theo thứ tự đúng, cố gắng yêu cầu trẻ sử dụng các bức tranh để kể lại câu chuyện. Không nên lo lắng nếu trẻ mất thời gian để nhớ lại được các chi tiết câu chuyện nằm giữa hai bức tranh. Sẽ mất rất nhiều thời gian để trẻ có thể ghi nhớ và tái hiện lại để có thể kể một câu chuyện đầy đủ chi tiết.

## 4. Bài tập phát triển ngôn ngữ

### Bài tập 20: SỬ DỤNG ĐỘNG TỪ

Nhận thức ngôn ngữ, phát âm, 1 – 2 tuổi

#### Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 1 – 2 tuổi

**Mục đích:** Phát triển hiểu biết và sử dụng các động từ, tăng cường khả năng ngôn ngữ diễn đạt.

**Mục tiêu:** Sử dụng một số động từ đơn giản độc lập và chính xác

**Đồ dùng:** Tranh về người đang thực hiện các hoạt động đơn giản

**Hướng dẫn:** Ngồi với trẻ tại bàn, đối diện với bạn. Cho trẻ xem một bức tranh vẽ một người đang thực hiện một hoạt động đơn giản, rõ ràng mà trẻ có thể nhận ra. Ví dụ, cho trẻ xem bức tranh một người đang đi bộ hoặc đang chạy. Nói với trẻ: “(tên trẻ), nhìn xem, người này *đang chạy*”. Nhấn mạnh vào động từ để trẻ hiểu bài học này tập trung vào nội dung gì. Lặp lại câu nói trên nhiều lần, nhấn mạnh vào động từ. Sau đó hỏi trẻ: “(tên trẻ), người đàn ông này đang làm gì?”. Khuyến khích trẻ ngay lập tức khi trẻ cố gắng nói “đang chạy”, “chạy” hoặc bất kỳ từ nào phù hợp. Lặp lại hoạt động với các bức tranh khác nhau vẽ người đang thực hiện một hoạt động đơn giản, rõ ràng mà trẻ có thể nhận ra. Các động từ bạn có thể bắt đầu dạy trẻ là: “ngồi”, “ăn”, “uống”, “nhảy”. Khi trẻ đã quen thuộc với hoạt động, khuyến khích trẻ phát âm các từ yêu cầu rõ ràng hơn. Trong sinh hoạt hàng ngày, tạo cơ hội cho trẻ được hiểu về ý nghĩa của các động từ đó, cả ở khía cạnh tiếp nhận lẫn diễn đạt. Ví dụ, khi trẻ đang chạy, nói “(tên trẻ) đang làm gì vậy?” hoặc “(tên trẻ) đang chạy”. Khi có một ai đó chạy qua trước cửa nhà bạn, chỉ cho trẻ xem và hỏi trẻ: “chú ấy đang làm gì?”. Dần dần tăng số lượng động từ lên khoảng 5 từ, cần nhớ là khuyến khích sử dụng tất cả các từ mà trẻ đã học được trong các bài học trước.

## **Bài tập 21: GỌI TÊN CÁC CON VẬT**

Nhận thức ngôn ngữ, vốn từ, 2 – 3 tuổi

**Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 2 – 3 tuổi**

**Mục đích:** Phát triển vốn từ

**Mục tiêu:** Gọi tên bốn con vật không cần hỗ trợ

**Đồ dùng:** Các con vật bằng bông hoặc ảnh các con vật

**Hướng dẫn:** Trong khi bạn hướng dẫn trẻ hiểu tiếp nhận tên các con vật, chú ý xem trẻ có thể gọi tên các con vật một cách chính xác hay không. Đặt bốn con vật bằng bông lên bàn trước mặt trẻ. Yêu cầu trẻ đưa cho bạn từng con vật khi bạn nói: “(tên trẻ), đưa cho cô con chó”. Lặp lại tên của con vật nhiều lần khi trẻ đưa nó cho bạn. Sau khi trẻ đưa tất cả các con vật theo yêu cầu, đưa ra một bức tranh về con vật cho trẻ xem. Hỏi trẻ: “(tên trẻ), đây là con gì”. Nếu trẻ cần hỗ trợ, nói âm đầu của tên con vật và dừng lại để trẻ hoàn thành từ. Khuyến khích trẻ ngay lập tức khi trẻ có bất kỳ nỗ lực nào trong việc phát âm tên con vật. Không cần phải tập trung vào khía cạnh ngôn ngữ diễn đạt của hoạt động quá nhiều lần khi mới bắt đầu thực hiện hoạt động, nếu không, trẻ sẽ bị nhầm lẫn. Khi trẻ đã thích thú hơn với phần ngôn ngữ diễn đạt của hoạt động, giảm dần phần ngôn ngữ tiếp nhận và yêu cầu trẻ gọi tên con vật mỗi khi bạn đưa ra con vật cho trẻ.

## **Bài tập 22: TRẢ LỜI CÂU HỎI**

Nhận thức ngôn ngữ, diễn đạt, 3 – 4 tuổi

### **Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 2 – 3 tuổi**

**Mục đích:** Phát triển ngôn ngữ diễn đạt và tăng cường khả năng lựa chọn một cách độc lập.

**Mục tiêu:** Lựa chọn một cách độc lập khi được đưa ra hai đồ vật cụ thể và nói lên lựa chọn của mình.

**Đồ dùng:** Các đồ vật mà trẻ quan thuộc và ưa thích

**Hướng dẫn:** Bởi vì có thể trẻ gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý kiến của mình khi được yêu cầu phải lựa chọn, do vậy nên tạo thật nhiều các cơ hội trong ngày để trẻ thực hiện việc lựa chọn, cho trẻ làm quen với từ “hay”. Ví dụ, trước lúc kể chuyện, chọn ra hai quyển truyện và đặt nó trước mặt trẻ. Chỉ vào từng quyển sách một và hỏi: “con thích quyển này hay quyển này?”. Khi trẻ lấy một quyển truyện, lặp lại câu hỏi và nói: “(tên trẻ) nói: *quyển này*”. Khuyến khích trẻ sử dụng lời nói để thể hiện lựa chọn của mình mỗi khi trẻ được yêu cầu lựa chọn. Hoạt động này nên sử dụng các đồ dùng như đồ ăn, đồ chơi hoặc bất kỳ đồ vật nào trẻ thích. Khi trẻ đã quen với câu hỏi lựa chọn và trả lời được bằng lời nói, bắt đầu hỏi trẻ những câu hỏi phức tạp hơn để trẻ phải trả lời bằng cách nói tên đồ vật, nhóm phân loại, màu sắc. Ví dụ, đưa ra một khối gỗ màu đỏ và hỏi trẻ: “(tên trẻ), cái này màu đỏ hay xanh”. Nếu trẻ chần chừ, đưa ra một khối gỗ màu đỏ khác và gọi tên màu đỏ, rồi đưa ra một khối gỗ màu xanh và gọi tên màu. Sau đó, lặp lại câu hỏi với khối gỗ ban đầu.

## **Bài tập 23: HIỂU KHÁI NIỆM THỜI GIAN**

Nhận thức ngôn ngữ, diễn đạt 5 – 6 tuổi

**Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 3 – 4 tuổi.**

**Mục đích:** Phát triển vốn từ và tăng cường hiểu biết về khái niệm thời gian.

**Mục tiêu:** Sử dụng các từ “hôm qua”, “hôm nay”, “ngày mai” một cách phù hợp..

**Đồ dùng:** Một tấm bìa cứng lớn, bút dạ, tranh thể hiện các hoạt động trẻ thực hiện thường xuyên trong ngày.

**Hướng dẫn:** Làm một thời gian biểu các ngày trong tuần. Sử dụng tranh thể hiện các hoạt động trẻ thực hiện trong ngày. Một buổi sáng, đưa trẻ đến bên thời gian biểu và mô tả cho trẻ. Bắt đầu những việc trẻ sẽ thực hiện trong ngày. Nói “Hôm nay, con sẽ tới trường, ăn tối bằng mì và xem ti vi”. Nhấn mạnh vào từ “hôm nay” và yêu cầu trẻ nhắc lại những việc trẻ sẽ làm trong ngày. Bạn có thể lấy đi một bức tranh và hỏi trẻ “Hôm nay con còn làm việc gì nữa nhỉ?”. Sau khi trẻ đã quen thuộc với khái niệm “hôm nay”, lặp lại hướng dẫn và bắt đầu dạy trẻ ý nghĩa của từ “hôm qua”. Sau khi đã giới thiệu với trẻ các hoạt động sẽ thực hiện vào “hôm nay”, chuyển lịch về ngày hôm trước và cho trẻ xem trẻ đã làm gì vào ngày đó. Nói: “(tên trẻ), con xem, hôm qua con tới trường , ăn tối bằng cơm và đi chơi”. Sau đó hỏi trẻ: hôm qua con đã làm gì? Chỉ cho xem thời gian biểu nếu trẻ tỏ ra lúng túng, sẽ rất hay nếu sử dụng một số biểu tượng, mặt cười để trẻ biết hôm nay là ngày nào. Khi trẻ đã học được cách sử dụng từ “hôm qua, hôm nay một cách phù hợp, lặp lại hướng dẫn với từ “ngày mai”.

## **Bài tập 24: CÁC NGÀY TRONG TUẦN**

Nhận thức ngôn ngữ, diễn đạt 5 – 6 tuổi

**Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 3 – 4 tuổi.**

**Mục đích:** Phát triển khả năng ngôn ngữ diễn đạt và hiểu biết về khái niệm thời gian.

**Mục tiêu:** Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.

**Đồ dùng:** Thời gian biểu các hoạt động trong tuần.

**Hướng dẫn:** Khi trẻ đã biết sử dụng các từ “hôm qua”, “hôm nay”, “ngày mai” một cách phù hợp, bắt đầu dạy trẻ gọi tên các ngày trong tuần. Tiếp tục hoạt động tương tự như hoạt động khi bạn dạy trẻ từ “hôm qua và ngày mai”, nhưng bắt đầu với tên của ngày. Ví dụ, đưa trẻ tới thời gian biểu và nói: “tên trẻ” hôm nay là thứ hai, con sẽ đi tới trường, ăn tối bằng cơm và đi bơi”. Yêu cầu trẻ nói lại câu bạn vừa nói, bao gồm cả tên ngày trong tuần. Nếu trẻ quên ngày, nói “tên trẻ) hôm nay là thứ hai. Hôm nay là thứ mấy? Hôm nay là thứ hai”. Cố gắng yêu cầu trẻ sử dụng tên ngày trong tuần trong một phần của hoạt động. Lặp lại hướng dẫn sử dụng phần đầu của hoạt động, nói: “Hôm qua là Chủ nhật, con đi công viên và ăn bánh mì”. Khi bạn nhỏi trẻ các câu hỏi về thời gian biểu, sử dụng câu hỏi chỉ nói tới tên của ngày trong tuần. Thay vì câu hỏi: “Hôm qua con làm gì?”, hỏi trẻ “Hôm qua là chủ nhật. Con làm gì vào ngày chủ nhật?”. Sau khi lặp lại hoạt động, đọc tên các ngày trong tuần theo thứ tự đúng. Cố gắng yêu cầu trẻ đọc cùng với bạn. Ban đầu, bạn nên kết hợp tên ngày trong tuần với các từ trẻ đã biết là “hôm qua”, “hôm nay”, “ngày mai”, những khi kĩ năng của trẻ đã phát triển, đưa ra các ngày ngẫu nhiên và hỏi trẻ làm gì trong ngày bất kì nào đó.



## 5. Bài tập phát triển kỹ năng xã hội

### Bài tập 25: THOM

#### 249. THOM

Xã hội, tương tác cá nhân, 1-2 tuổi

Vận động thô, cơ thể, 2-3 tuổi

**Mục đích:** Thòm người khác khi được yêu cầu

**Mục tiêu:** Chạm môi vào má người khác

**Đồ dùng:** Không

**Hướng dẫn:** Mặc dù có trẻ không thích đụng chạm hoặc được người khác hôn, ôm; nhưng bạn vẫn có thể dạy trẻ thòm người khác bằng cách dạy trẻ liên tục và sử dụng cùng cô. Khi trẻ đã học được cách thòm bạn và ít thấy sợ những đụng chạm thể chất, bạn có thể yêu cầu trẻ thòm bố, mẹ, anh trai... Khi kết thúc bài học, nói với trẻ là bài học đã kết thúc (làm một ký hiệu). Sau đó dẫn trẻ tới bên bạn, nói: “Thòm cô” và lấy ngón tay chạm vào má bạn. Ghé mặt bạn xuống thấp cho tới khi má bạn chạm vào môi trẻ. Ngay lập tức củng cố trẻ và cho trẻ đi chơi. Thực hiện hoạt động này hàng ngày cho tới khi bạn không cần kéo tay trẻ nữa mà trẻ tự đến bên bạn khi bạn nói: “Thòm cô” và làm một ký hiệu phù hợp. Khi thói quen đã được hình thành, chỉ ghé mặt bạn xuống một phần, để khuyến khích trẻ phải cố gắng để với tới bạn. Giúp trẻ hình thành thói quen này với bố, mẹ và yêu cầu họ nói với trẻ “thòm..” và thể hiện một cử chỉ tương ứng. Giúp trẻ đáp ứng với bố mẹ trong trường hợp cần thiết. Nhớ nói cảm ơn và khen trẻ và để trẻ đi trước khi trẻ có dấu hiệu khó chịu.

## Bài tập 26: TRỐN TÌM

### 252. TRỐN TÌM

Xã hội, tương tác cá nhân, 2-3 tuổi

Xã hội, độc lập, 2-3 tuổi

Vận động thô, cơ thể, 2-3 tuổi

Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 1-2 tuổi

**Mục đích:** Nhận thức về việc trốn khỏi tầm nhìn của người khác, tăng cường niềm yêu thích tìm kiếm và tương tác với người khác

**Mục tiêu:** Trốn người khác và tìm khi người khác trốn

**Đồ dùng:** Không

**Hướng dẫn:** Bắt đầu hoạt động này bằng cách dạy trẻ “trốn”. Yêu cầu bố của trẻ hoặc bạn cùng lớp ngồi trong phòng. Cầm tay trẻ và nói: “Trốn bố”. Dẫn trẻ tới đằng sau cánh cửa, cạnh ghế hoặc chui xuống dưới bàn. Chỉ dạy trẻ ba địa điểm để trốn. Lặp lại từ “trốn” trong suốt quá trình thực hiện hoạt động này. Sau đó yêu cầu trẻ trốn vào một vị trí trong các vị trí nêu trên. Người đi tìm phải gọi to: “(Tên trẻ) đâu rồi?” rồi yêu cầu trẻ đứng dậy hoặc vẫy tay để ra hiệu cho người kia biết trẻ ở đâu. Người đi tìm nên chạy tới chỗ trẻ và ôm trẻ. Sau khi trẻ đã học được cách trốn và biết chỉ ra chỗ mình trốn, luân phiên vai để người kia trốn vào một trong ba địa điểm kia. Khi bạn gọi to: “Bố đâu rồi?”, giúp trẻ tìm ra người đang trốn và ôm người đó. Khi trẻ đã biết cách thực hiện hoạt động, khuyến khích trẻ tự trốn mà không cần sự trợ giúp của bạn.



## Bài tập 27: CHƠI GIẢ VỜ ĐƠN GIẢN

### 256. CHƠI GIẢ VỜ ĐƠN GIẢN

Xã hội, tương tác cá nhân, 3-4 tuổi

**Bắt chước, vận động, 2-3 tuổi**

**Mục đích:** Phát triển kỹ năng chơi tưởng tượng

**Mục tiêu:** Tham gia vào một trò chơi giả vờ đơn giản trong vòng khoảng 2 phút.

**Đồ dùng:** Không

**Hướng dẫn:** Cố gắng thu hút trẻ vào bất kỳ trò chơi giả vờ nào. Ban đầu, trò chơi nên ngắn và thực sự đơn giản, có thể chỉ là một hoặc hai câu nói mô tả các hành động trẻ hiểu được. Lúc ban đầu, việc giả vờ hầu hết sẽ do bạn thực hiện nhưng cố gắng để trẻ thấy thú vị với những gì bạn đang làm. Trẻ sẽ cần được hỗ trợ rất nhiều để trẻ có thể hiểu được chúng ta mong đợi trẻ làm gì. Giúp trẻ tham gia vào hoạt động bằng tất cả những cách thức mà bạn có thể thực hiện. Ban đầu, có thể trẻ chỉ bắt chước lại hành động của bạn chứ chưa hiểu được khái niệm chơi giả vờ. Lặp lại hoạt động nhiều lần cho tới khi trẻ bắt đầu tham gia. Các trò chơi giả vờ đơn giản bạn có thể sử dụng là:

a. Giả vờ bạn là cái cây. Nói: “(Tên trẻ), hãy làm cái cây”. Giơ tay bạn ra như những cành cây và yêu cầu trẻ bắt chước bạn. Sau đó nói: “Gió đến” và thổi không khí ra, đồng thời đưa tay bạn như những cành cây đang lay trước gió. Kết thúc hoạt động.

b. Giả vờ bạn đang lái xe. Ngồi trên ghế dài bên cạnh trẻ và giả vờ bạn đang lái ô tô. Nói: “zì zì..”. Yêu cầu trẻ bắt chước hành động của bạn. Rời khỏi ghế và giả vờ là bạn đang đóng cửa xe. Kết thúc hoạt động.

Luôn phải nói một cách đơn giản, nhưng đồng thời phải mô tả một cách rõ ràng và chính xác những gì bạn đang giả vờ.

## Bài tập 28: TRÒ CHƠI “BẠN MUỐN GÌ?”

### 262. TRÒ CHƠI “BẠN MUỐN GÌ?”

Xã hội, tương tác cá nhân, 4-5 tuổi

**Mục đích:** Tăng cường khả năng tương tác và hiểu biết về chức năng của đồ vật.

**Mục tiêu:** Hiểu nhu cầu của người khác và đáp ứng bằng cách đưa đồ vật phù hợp.

**Đồ dùng:** Khăn giấy, áo len dài tay, lược

**Hướng dẫn:** Đặt ba đồ vật trên lên bàn trước mặt trẻ. Thực hiện cử chỉ thể hiện rằng bạn muốn một trong ba đồ vật trên. Ví dụ, bạn có thể ôm cánh tay và run để thể hiện rằng bạn đang cần áo len. Nói: “(Tên trẻ), nhìn cô”, thực hiện hành động và nói: “Cô cần gì?”. Lặp lại hành động rồi chỉ vào các đồ vật. Nếu trẻ không phản ứng, lặp lại hành động và chỉ vào áo len rồi nói: “(Tên trẻ), đưa cô áo len”. Khi trẻ đưa đồ vật cho bạn, sử dụng nó đúng chức năng và nói: “Cô cảm ơn”. Ví dụ, bạn tỏ ra run, trẻ đưa cho bạn áo len, bạn mặc áo len vào. Nếu bạn hắt hơi, trẻ đưa cho bạn khăn giấy và bạn lau mũi. Bạn làm rối tóc, trẻ đưa cho bạn chiếc lược và bạn chải tóc. Lặp lại hoạt động cho tới khi trẻ hiểu bạn đang mô tả cái gì và trẻ đưa cho bạn đồ vật phù hợp.



## Bài tập 29: VẼ ĐỘC LẬP

### 263. VẼ ĐỘC LẬP

Xã hội, độc lập, 5-6 tuổi

Phối hợp tay mắt, vẽ, 5-6 tuổi

Nhận thức thể hiện, ngôn ngữ tiếp nhận, 2-3 tuổi

**Mục đích:** Phát triển kỹ năng làm việc độc lập và tăng cường kỹ năng vẽ.

**Mục tiêu:** Vẽ lại một hình đơn giản một cách độc lập.

**Đồ dùng:** Giấy, bút sáp

**Hướng dẫn:** Trước khi tiến hành bài dạy, bạn cần vẽ sẵn một số hình đơn giản lên giấy - mỗi hình lên một tờ giấy - vẽ những hình mà bạn biết là trẻ đã biết vẽ từ trước. Ví dụ, bạn có thể vẽ một ngôi nhà, một cái cây hoặc hình người đơn giản. Đưa cho trẻ một tờ giấy, một bút sáp và hình mẫu, ví dụ như ngôi nhà. Chỉ vào hình bạn đã vẽ, nói: “Ngôi nhà”. Sau đó chỉ vào tờ giấy của trẻ và nói: “Vẽ ngôi nhà”. Nói với trẻ rằng khi trẻ hoàn thành việc vẽ, trẻ sẽ nhận được phần thưởng. Đầu tiên bạn thu hút trẻ vào việc vẽ nhưng dần dần di chuyển khỏi vị trí trẻ ngồi và thực hiện một hoạt động khác trong phòng. Trông chừng trẻ để đảm bảo rằng trẻ không bị phân tán chú ý. Nếu trẻ bắt đầu vẽ nguệch ngoạc hoặc ngừng vẽ khi bạn rời đi, thu hút lại sự chú ý của trẻ vào bức tranh, nói: “Vẽ ngôi nhà” và nhắc lại về phần thưởng. Chỉ cho trẻ phần thưởng khi trẻ cố gắng vẽ lại hình một cách độc lập. Ban đầu, chấp nhận mọi cố gắng của trẻ về việc vẽ lại hình, nhưng khi kỹ năng vẽ của trẻ đã tăng lên, hướng sự chú ý của trẻ vào phần bức tranh trẻ đang vẽ dở và yêu cầu trẻ hoàn thành nó trước khi nhận được cùng cổ.

## Bài tập 30: TRẢ LỜI ĐIỆN THOẠI

### 266. TRẢ LỜI ĐIỆN THOẠI

Xã hội, tương tác cá nhân, 5-6 tuổi

**Nhận thức ngôn ngữ, giao tiếp, 5-6 tuổi**

**Mục đích:** Phát triển kỹ năng tương tác xã hội.

**Mục tiêu:** Trả lời điện thoại một cách độc lập và phù hợp

**Đồ dùng:** Điện thoại đồ chơi

**Hướng dẫn:** Luyện tập hoạt động này với trẻ trước khi để trẻ trả lời điện thoại thật. Dùng điện thoại đồ chơi trong tình huống này sẽ là phù hợp nhất nếu có điều kiện. Đầu tiên, dạy trẻ cách nhấc điện thoại và nói: “Alô”. Cũng có thể bạn nên dán hình chiếc miệng và tai vào các vị trí phù hợp trên ống nghe để giúp trẻ tự định hướng khi cầm điện thoại. Sau khi trẻ đã biết cách nhấc điện thoại và nói: “Alô”, dạy trẻ nói: “Xin đợi một chút” và gọi được thành viên phù hợp trong gia đình tới nghe điện thoại. Luyện tập với trẻ bằng cách giả vờ gọi cho ai đó trong gia đình trẻ. Khi trẻ đã học được kỹ năng này qua thói quen sinh hoạt, bắt đầu sử dụng điện thoại thật. Đề nghị một người thân hoặc một người bạn gọi tới vào một thời gian đã sắp xếp trước để trẻ có thể trả lời. Lên kế hoạch với người sẽ gọi đến về việc họ cần nói chính xác những câu nào để tránh gây nhầm lẫn cho trẻ. Lặp lại hoạt động nhiều lần và khi trẻ đã thành thạo kỹ năng này, đề nghị người gọi tới đặt ra nhiều yêu cầu hơn để có cơ hội đáp ứng với nhiều tình huống khác nhau. Khi trẻ đã quen thuộc với việc trả lời điện thoại, để cho trẻ trả lời khi nào trẻ muốn, nhưng nên đến gần trẻ trong tình huống trẻ tỏ ra nhầm lẫn.



## 6. Bài tập phát triển kỹ năng tự phục vụ

### Bài tập 31: UỐNG NƯỚC TỪ CỐC

#### 230. UỐNG NƯỚC TỪ CỐC

Tự phục vụ, ăn uống, 1-2 tuổi

Vận động tinh, thao tác bằng tay, 1-2 tuổi

Bắt chước, vận động, 1-2 tuổi

**Mục đích:** Phát triển kỹ năng ăn uống độc lập

**Mục tiêu:** Cầm hai tay vào cốc, tự uống nước không đổ

**Đồ dùng:** Cốc không vỡ

**Hướng dẫn:** Ngồi đối diện với trẻ tại bàn. Đưa cho trẻ chiếc cốc và cho trẻ chơi với nó trong ít phút để trẻ quen với việc cầm nó. Sau đó, lấy lại chiếc cốc và thực hiện cho trẻ thấy cách cầm cốc bằng hai tay. Đặt hai tay trẻ vào lên cốc ở vị trí phù hợp và khuyến khích trẻ một cách nhẹ nhàng. Chậm rãi đưa chiếc cốc lên miệng bạn, rồi đặt trở lại bàn. Sau đó từ từ đưa cốc lên miệng trẻ, rồi đặt cốc trở lại bàn. Khi trẻ đã quen với việc cầm cốc, rót một ít đồ uống vào cốc. Khuyến khích trẻ cầm lấy cốc cùng với tay bạn và đưa cốc vào miệng bạn. Nói “Uống” và uống một ngụm nhỏ đồ uống. Sau đó, đưa cốc trở về bàn. Khuyến khích trẻ đưa cốc vào môi trẻ và nói “Uống”. Nghiêng cốc một chút để một lượng nhỏ đồ uống chạm vào môi trẻ. Nếu nó là đồ uống trẻ thích, trẻ sẽ mở miệng để đồ uống chảy vào miệng. Nhẹ nhàng đặt cốc trở lại bàn. Lấy tay trẻ ra khỏi cốc và nói: “Con uống ngoan lắm”. Khi trẻ thấy dễ chịu với việc uống với sự trợ giúp của bạn, bỏ qua bước đưa cốc lên miệng bạn. Giảm dần kiểm soát của bạn lên tay trẻ, đầu tiên bằng cách để tự trẻ đặt cốc xuống bàn, tiếp theo bằng cách để trẻ tự uống và cuối cùng bằng cách để trẻ tự cầm cốc lên. Khi hoạt động này mới tiến hành, việc đổ vãi sẽ không tránh khỏi. Hãy cố gắng làm nger nó đi. Bất kỳ biểu hiện khó chịu nào của bạn cũng có thể sẽ ảnh hưởng lên trẻ. Do vậy không dừng hoạt động lại giữa chừng để lau chùi, trẻ cần tiếp tục để học đúng quy trình thói quen phù hợp.

## Bài tập 32: MẶC ÁO DÀI

### 234. MẶC ÁO DÀI

Tự phục vụ, mặc quần áo, 2-3 tuổi

**Mục đích:** Mặc quần áo một cách độc lập

**Mục tiêu:** Mặc được áo len hoặc áo sơmi không cần hỗ trợ

**Đồ dùng:** Áo len hoặc áo sơmi

**Hướng dẫn:** Lặp lại hướng dẫn dưới đây mỗi khi bạn giúp trẻ mặc áo len hoặc áo sơmi. Cho tay trái của trẻ vào ống tay áo trái và vòng ống tay phải qua vai phải của trẻ. Nói: “(Tên trẻ), cho tay vào ống áo”. Hướng dẫn trẻ cho tay vào ống tay phải. Khuyến khích trẻ ngay lập tức. Lặp lại bước hướng dẫn đơn đó nhiều lần, giảm dần hỗ trợ cho tới khi trẻ có thể tự cho một tay vào ống áo khi tay kia đã được cho vào ống áo rồi. Chỉ khi trẻ đã thành thục bước này, bạn mới tiếp tục hướng dẫn bước tiếp theo. Cho trẻ xem cách mở áo ra và cho tay vào ống áo. Cần đảm bảo rằng cách bạn mở áo luôn giống nhau trong mọi lần hướng dẫn. Sau đó vòng ống tay phải qua vai phải của trẻ và yêu cầu trẻ thực hiện bước tiếp theo như trẻ đã biết. Khi trẻ đã biết cho cả hai tay vào ống áo, dừng lại trước khi vòng ống tay phải qua vai phải của trẻ để xem liệu trẻ có cố gắng tự xác định ống áo hay không. Luôn nói: “Cho tay vào ống áo” mỗi lần. Giảm dần hỗ trợ cho đến khi bạn chỉ cần đưa áo cho trẻ và nói: “Mặc áo” và giúp trẻ lúc khởi đầu nếu trẻ cần. Sẽ mất nhiều thời gian trước khi trẻ sẵn sàng học về khái niệm phía của ống tay.



## Bài tập 34: RÓT NƯỚC

### 240. RÓT NƯỚC

Tự phục vụ, ăn uống, 3-4 tuổi

Vận động tinh, thao tác bằng tay, 3-4 tuổi

**Mục đích:** Tăng cường kỹ năng ăn uống độc lập và kiểm soát vận động tinh

**Mục tiêu:** Rót chất lỏng từ bình đựng sang các bình nhỏ hơn không đồ và không cần hỗ trợ.

**Đồ dùng:** Một bình bằng nhựa cỡ nhỏ, những cốc nhựa trong, cốc nước trái cây, màu thực phẩm

**Hướng dẫn:** Cho một ít nước vào bình nhựa và cho thêm một vài giọt màu thực phẩm. Chú ý là bình không nên đầy nước và không nên quá nặng để trẻ có thể kiểm soát được. Đặt hai cốc nhựa trong lên khay. Việc sử dụng khay sẽ giúp cho việc lau nước bị đổ dễ dàng hơn. Để thay thế cho cốc nhựa trong, bạn có thể dùng bất kỳ loại cốc chứa trong nào, kể cả cốc đo. Một điều quan trọng khác là cần cho trẻ biết trẻ phải đổ bao nhiêu nước vào trong cốc mỗi lần. Trên thân cốc sử dụng, nên gạch một đường ngang rõ ràng chia ngang thân cốc để trẻ có thể biết được khi nào thì ngừng đổ nước. Hướng dẫn cho trẻ thấy cách cầm bình lên và đổ nước vào cốc. Sau đó đặt tay trẻ vào vị trí phù hợp lên bình và giúp trẻ nhắc bình lên. Nói: “Đổ nước” và giúp trẻ nghiêng bình để đổ nước màu vào cốc. Khi nước lên gần nửa cốc, nói: “Dừng lại” gìm tay trẻ lại nhẹ nhàng. Khuyến khích trẻ ngay lập tức. Lặp lại hoạt động trên vài lần trong bài học. Khi trẻ có thể rót nước từ bình vào cốc không bị đổ, lặp lại hướng dẫn sử dụng cốc nước trái cây không trong suốt. Bởi vì những hộp này nhỏ và không nhìn xuyên qua được, trẻ sẽ không dễ dàng đoán biết được khi nào thì cốc đầy, do vậy cần thu hút sự chú ý của trẻ vào miệng cốc. Tiếp tục nói cho trẻ biết khi nào thì dừng lại cho tới khi trẻ có thể kiểm soát được bình nước. Vào thời điểm này, không sử dụng hướng dẫn bằng ngôn ngữ nói nữa và quan sát xem liệu trẻ có biết tự dừng lại khi đang rót nước không. Khi trẻ đã thành thạo kỹ năng này, cho phép trẻ rót nước vào bất kỳ thời điểm nào phù hợp, và vào giờ nghỉ của gia đình.

## Bài tập 35: MẶC QUẦN ÁO CÓ SỰ HỖ TRỢ

### 242. MẶC QUẦN ÁO VỚI SỰ HỖ TRỢ

Tự phục vụ, mặc quần áo, 4-5 tuổi

Xã hội, độc lập, 4-5 tuổi

**Mục đích:** Mặc quần áo có hỗ trợ và độc lập

**Mục tiêu:** Tắt chuông báo thức buổi sáng, mặc quần áo một cách độc lập trong khoảng thời gian cố định.

**Đồ dùng:** Đồng hồ báo thức, đồng hồ tính giờ

**Hướng dẫn:** Bắt đầu bằng việc giúp trẻ lấy ra bộ quần áo mà trẻ sẽ mặc vào sáng ngày mai trước khi trẻ đi ngủ. Đặt bộ quần áo vào vị trí cố định trẻ có thể dễ dàng nhìn thấy. Cho trẻ xem đồng hồ báo thức để trẻ biết từ giờ “trẻ cũng có đồng hồ riêng của mình - giống như bố và mẹ”. Hướng dẫn trẻ cách tắt chuông báo thức. Để trẻ tập luyện cách tắt chuông báo thức vài lần. Vào những buổi sáng đầu tiên, giúp trẻ thức dậy và tắt chuông báo thức trước khi bắt đầu phân hướng dẫn. Khi trẻ đã biết cách tắt chuông báo thức, cho trẻ xem đồng hồ tính giờ. Giải thích cho trẻ biết trẻ cần phải hoàn thành việc mặc quần áo trước khi kim đồng hồ chỉ tới điểm nào đó (chỉ cho trẻ xem điểm đó), và trẻ sẽ nhận được một sự ngạc nhiên thú vị. Đặt giờ cho trẻ để trẻ có thể dễ dàng nhận ra khi nào thì hết thời gian. Đầu tiên, bạn nên đặt thời gian dài hơn khoảng thời gian mà trẻ cần hoàn thành nhiệm vụ để trẻ có thể thành công. Khi chuông kêu, quan sát xem liệu trẻ có dậy và tắt chuông và sau đó đặt giờ hay không. Bạn nên tỏ ra bận rộn với việc gì đó, nhưng phải để mắt để xem liệu trẻ có bị căng thẳng hay không. Chuẩn bị giúp đỡ trẻ nhưng chỉ trong tình huống cần thiết. Khuyến khích trẻ thật nhiều nếu trẻ tỏ ra cố gắng tự mặc quần áo. Thưởng cho trẻ một thứ gì đó thật đặc biệt mà bạn biết trẻ sẽ thích nếu trẻ mặc quần áo trong khoảng thời gian cho phép.



## 7. Quản lý hành vi

### 36. Quản lý hành vi PHÁ RỐI

**Vấn đề:** Ném đồ vật

**Thông tin cơ bản:** A là một trẻ trai không có ngôn ngữ 4 tuổi có mức độ phát triển chức năng chậm ở mức độ trung bình. Các hoạt động học tập ở nhà cũng như ở trường không có tiến triển vì trẻ thường xuyên ném đồ vật ra khỏi bàn học. Hành vi này đồng thời cũng gây gián đoạn cho cuộc sống sinh hoạt tại gia đình em, khi trẻ ném cả các vật dụng gia đình. Hành vi này thường xảy ra khi trẻ được yêu cầu làm nhiệm vụ mà trẻ không thích hoặc khi trẻ không có được thứ trẻ muốn. Các kỹ thuật cam thiệp trước đây đã được sử dụng nhưng không có hiệu quả là: khiển trách bằng lời, làm ngơ, yêu cầu trẻ nhặt đồ lên, thay đổi cấu trúc học tập, cầm lấy tay trẻ khi trẻ ném đồ vật. Trong hoạt động vận động tại trường, giáo viên nhận thấy trẻ không thích bị cản trở hoạt động.

**Phân tích:** Thông qua việc ném đồ vật, trẻ thực sự có thể kiểm soát được xung quanh. Bạn không thể dạy trẻ kỹ năng mới, và trẻ có thể làm gián đoạn hoạt động của bạn mỗi khi trẻ muốn. Hành vi này thực sự nguy hiểm cho trẻ và người xung quanh vì trẻ không biết đồ vật nào dễ vỡ, có giá trị hoặc nguy hiểm. Trẻ sẽ không thể học cách kiềm chế hành vi này nếu trẻ không nhận được các hệ quả khó chịu. Với trẻ đó chính là việc cản trở hoạt động.

**Mục tiêu:** Hạn chế hành vi ném đồ trong giờ học

**Can thiệp:** Trong vòng 2 tuần, hãy tập trung vào việc giảm hành vi ném đồ trong giờ học của trẻ. Trong các giờ giải lao, sử dụng kỹ thuật dưới đây: 1) Cất các đồ vật ra khỏi tầm với của trẻ 2) Để mắt tới trẻ và tỏ ra chú ý trước khi trẻ có hành vi ném đồ vật 3) Không chú ý tới trẻ nữa nếu trẻ ném đồ vật. Trong hoạt động học tập đưa ra các nhiệm vụ dễ. Bất kì khi nào khi trẻ ném một đồ vật nào đó (khối gỗ, vòng...) lập tức phản ứng, nói :” Không ném” Cầm lấy tay trẻ và để chúng xuống hai bên. Quay đầu đi và đếm đến 30. Sau đó thả tay trẻ, quay lại và đưa cho trẻ đồ vật tiếp theo. Ghi chép lại vào bảng quan sát “xem hình 10.3” không nhặt lên đồ vật trẻ ném đi. Nêm có các đồ dùng dự trữ để bạn có thể hoàn thành bài dạy mà không cần phải đi nhặt đồ.

Lặp lại quy trình trên mỗi khi trẻ ném đồ vật. Nếu trẻ không ném đồ khen ngợi và thưởng cho trẻ, nói: “Con ngoan lắm” mỉm cười và vỗ tay.

**Hình 10.3** bảng ghi chép hành vi ném đồ vật

<b>Thời gian</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Không ném đồ</b>	<b>Khuyến khích</b>
20 tháng 1	Xếp hình	//	√√√√(nho khô)



### 37. Quản lý hành vi TỰ XÂM HẠI

**Hành vi:** Tát vào mặt

**Can thiệp:** Hành vi tát vào mặt của trẻ dường như là biểu hiện của một dạng cấu giận. Bởi vì trẻ không thể nói. Bạn chỉ có thể đoán nguyên nhân gây nên sự khó chịu của trẻ. Tuy nhiên hành vi của trẻ làm má trẻ đỏ lên và dường như càng tăng cường sự tức giận. Ngay khi trẻ bắt đầu thực hiện hành vi, ngay lập tức lấy hai tay bạn che má trẻ, nói to “Không tát”. Sau đó dờn trẻ ra và giúp trẻ trở lại hoạt động với các đồ dùng trẻ đang sử dụng.

**Lý do thành công:** Việc giữ mặt trẻ đã ngăn chặn hành vi tiếp tục tát. Âm thanh “không tát” đã làm trẻ giật mình và làm gián đoạn hành vi. Đưa ra các hỗ trợ tức thời với các nhiệm vụ trẻ đang thực hiện là một cách thay thế hành vi, đối với hành vi tát.



### **38. Quản lý hành vi GÂY HẤN**

**Hành vi:** Kéo tóc

**Can thiệp:** Trẻ bị thu hút bởi tóc, đặc biệt là tóc dài. Có thể trẻ không nhận ra rằng kéo tóc sẽ làm người khác bị đau. Giúp trẻ hạn chế hành vi này bằng cách 1) Hạn chế tình huống bằng cách buộc lên mỗi khi làm việc với trẻ 2) Nhắc nhở mỗi khi trẻ ngồi trên đùi hoặc ở phía sau bạn, né ra xa và ngăn chặn hành vi với tóc của trẻ 3) Dạy trẻ chơi trò chơi vỗ tay hoặc đu tay là một cách tốt hơn để tương tác thể chất với bạn

**Lý do thành công:** Trẻ rất thích thú và bị thu hút bởi tóc của người khác và điều này có thể nhằm kiểm soát trạng thái hiếu động của trẻ, nhưng khi nó ít có thể hơn nếu trẻ không thực hiện những nỗ lực gây hấn để với tóc người khác. Đồng thời trẻ thích thú với việc tương tác và được chú ý trẻ sẽ học được sự tương tác thông qua các hoạt động như vỗ về, vỗ tay, cù với người lớn.



### **39. Quản lý hành vi ĐỊNH HÌNH**

**Hành vi:** Liên tục cầm đồ chơi trong tay-trẻ gào khóc khi chuỗi hạt nhỏ trẻ yêu thích bị lấy đi.

**Can thiệp:** Bạn cần phải lấy chuỗi hạt đi vì trẻ cần sử dụng cả hai tay để thực hiện nhiệm vụ. Để thực hiện điều này, bạn thực hiện theo từng bước sau đây:

1 Để trẻ cầm chuỗi hạt ở tay trái khi bạn đặt các miếng ghép hình vào tay phải của trẻ.

2 Đặt chuỗi hạt lên cổ tay của trẻ khi bạn giúp trẻ cầm bảng xếp hình bằng tay trái.

3 Đặt chuỗi hạt lên phải trên cổ tay.

4 Quán chuỗi hạt thành vòng tay lên cổ tay trẻ trước khi hoạt động xếp hình bắt đầu.

5 Quán chuỗi hạt vòng thành vòng tay lên cổ tay trẻ trước khi trẻ ngồi xuống và thực hiện các hoạt động khác

**Lý do thành công:** Bằng cách dần dần di chuyển chuỗi hạt đến một vị trí phù hợp trên cơ thể trẻ, trẻ hiểu rằng trẻ vẫn được giữ nó và không bị hoảng hốt. Giờ đây trẻ có thể tập trung vào hoạt động và dần dần trẻ sẽ quên việc chú ý vào chuỗi hạt đi.



#### **40. Quản lý hành vi ĐỊNH HÌNH**

**Hành vi: Trẻ liên tục cầm đồ chơi trong tay – trẻ luôn cầm theo một đồ chơi nhỏ màu đỏ**

**Can thiệp:** Đặt một khay màu đỏ hoặc một tờ giấy hình vuông lên bàn trước mặt trẻ và lọ thổi bong bóng trước mặt bạn. Bạn sẽ dạy trẻ từng bước một, đặt ô tô lên tờ giấy vuông trước khi bạn thổi bong bóng.

1. Nhẹ nhàng đặt tay trẻ vào tờ giấy vuông màu đỏ trên bàn. Giữ tay trẻ như vậy trong khi bạn thổi bong bóng để trẻ làm nỏ nó
2. Bây giờ, buông lỏng tay trẻ cầm ô tô trong khi trẻ cầm que thổi bong bóng cho bạn thổi
3. Di chuyển ờ giấy xa trẻ hơn (cách trẻ khoảng 10cm) trong khi bạn tiếp tục thổi bóng
4. Di chuyển tờ giấy cách ô tô khoảng 20cm. ra khỏi khu vực học tập, đặt trước trẻ đồ dùng để trẻ thực hiện ngắn (ô tô xếp hình), khi trẻ kết thúc hoạt động, kéo ô tô trở lại cho trẻ.

Bạn có thể đề nghị trẻ đặt ô tô lên tờ giấy và đặt nó ở một vị trí cho tới khi toàn bộ nhiệm vụ học tập kết thúc

**Lý do thành công:** Bởi vì ô tô của trẻ luôn đặt ở vị trí “quan trọng” trong suốt quá trình trẻ học tập, trẻ luôn biết nó được đặt ở đâu. Trẻ sẽ không bị lo lắng khoảng cách giữa trẻ với đồ vật ngày một tăng lên và khoảng thời gian trẻ không được cầm nó cũng tăng lên bởi vì trẻ biết đồ vật đó được đặt ở đâu và khi nào trẻ sẽ có nó trở lại.



## 41. Quản lý hành vi SUY GIẢM

**Hành vi:** Chộp lấy đồ vật một cách bất ngờ

**Can thiệp:** Sắp xếp các đồ vật sao cho không có các đồ thừa trên bàn để trẻ có thể lấy được. Đưa ra 2 khay để đồ trong tầm với của trẻ. Cầm trên tay bạn một đồ ăn cứng cố - nho khô, đậu phụ. Lặp lại hướng dẫn theo quy trình dưới đây cho tới khi việc sắp xếp hoàn thành:

1. Nói: “đặt tay xuống” và đợi cho đến khi trẻ yên lặng và nhìn vào bạn
2. Đặt 1 đồ vật lên bàn và nói “đặt vào”. Khi trẻ đã để đồ vật vào khay đúng, lấy tay bạn che lại để đồ vật không lấy ra nữa. Khen trẻ. “con giỏi lắm” và lại yêu cầu “đặt tay xuống”
3. Khi cả 2 tay bạn đã che lên các đồ vật, đưa cho trẻ đồ ăn cứng cố và khen trẻ “con làm giỏi lắm”

**Lý do thành công:** Trẻ học được cách kiểm soát đôi tay mình vì trẻ được hướng dẫn cho biết phải làm gì với chúng và bởi vì không có gì xảy ra. Và không có đồ ăn để ăn – cho tới khi trẻ sắp xếp xong. Sự chú ý của trẻ sẽ kiểm soát hoạt động tay trẻ. Khi trẻ đã học được hành vi này, hướng dẫn trẻ “đặt tay xuống” sẽ có đủ để ngăn chặn hành vi chộp đồ vật một cách bất ngờ của trẻ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Thiệp, Hoàng Thị Nho, Trần Minh Thành (2016). *Giáo trình: Can thiệp sớm trẻ khuyết tật*, Nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội.
2. Trần Thị Thiệp, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho, Trần Thị Minh Thành (2006). *Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật*. Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Trần Thị Lệ Thu (2010). *Đại cương can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Hoàng Yến, *Giáo dục đặc biệt và những thuật ngữ cơ bản (2012)*, nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội.
5. Ayala Manolson, *Muốn trò chuyện phải có hai người (2009)*, Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật TP.HCM, tài liệu dịch.
6. Nguyễn Xuân Hải (2009), *Giáo dục học trẻ khuyết tật*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
7. Đỗ Thị Thảo, *Sử dụng PEP – R trong can thiệp sớm cho trẻ có rối loạn tự kỷ*, Bài báo khoa học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
8. Trinh Foundation (2014), *AAC cho lớp học*.
9. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2016), *Tự kỷ, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm.
10. Chantal Sicile – Kira (2007), *Tự kỷ và tuổi trưởng thành*, NXB Vermilion – London, tài liệu dịch.
11. Sally J.Rogers and Geraldine Dawson (2010), *Early start Denver Model for Young Children with Autism*, The Guilford Press – New York.
12. Eric Schopler, Rober Jay Reichler, Aan Bashford- Manrgaret Langsing, Lee M. Marcus. *Individualized Assessment and Developmentally Disabled Children Pro.ed* an International Publisher.
13. Eric Schopler, Manrgaret Langsing và các đồng nghiệp. *Pep-R, Quyển 3 Các hoạt động dạy học cho trẻ tự kỉ và khuyết tật phát triển*. Biên dịch Ths. Nguyễn Thanh Hoa.
14. Kỉ yếu hội nghị quốc gia lần thứ nhất *Rối loạn tự kỉ và can thiệp* do Trung tâm Sao Mai & Làng hữu nghị Việt Nam cùng với tổ chức Atlantic Philanthropies phối hợp, 2008.